

Bản tin **BẢO HIỂM TIỀN GỬI**

Số 54 Quý IV - 2021 • BẢN TIN CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM



www.div.gov.vn



**TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ
Ở KHỐI DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG**

**BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN TRONG KỶ NGUYÊN KỸ THUẬT SỐ
KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM**

**CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ VIỆC TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG
CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀO HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ
BẢO HIỂM TIỀN GỬI**

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Đào Quốc Tính
Tổng giám đốc BHTGVN

Trưởng Ban biên tập

TS. Vũ Văn Long
Phó Tổng giám đốc BHTGVN

Phó Trưởng ban biên tập

ThS. Nguyễn Hoàng Nam
Trưởng phòng TTTT - BHTGVN

Thiết kế & Trình bày
Dương Đức Dũng

Địa chỉ:

Tòa nhà DIV
Lô D20 Đường Tôn Thất Thuyết,
Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 39742886
Fax: (84-24) 39742866
Website: www.div.gov.vn
Email: thongtin@div.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 19/GP - XBBT
ngày 23/03/2021 của cục Báo chí
- Bộ TT&TT
In tại Công ty Datapost
In xong và nộp lưu chiểu tháng
12/2021

(Ảnh minh họa. Nguồn: Internet)

Mục lục

03

TIÊU ĐIỂM

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện chuyển đổi số ở khối DNTW - **Hồ Xuân Trường - Phó Bí thư Đảng ủy Khối DNTW**
- Bảo vệ người gửi tiền trong kỷ nguyên kỹ thuật số - Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam - **ThS. Phạm Xuân Hùng - Trưởng ban, Ban Nghiên cứu và Điều phối chính sách giám sát, Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia**

12

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- Bảo vệ người tiêu dùng tài chính trong kỷ nguyên kỹ thuật số - Phương pháp tiếp cận hiệu quả đối với các nhà hoạch định chính sách và cơ quan giám sát - **TS. Nguyễn Thị Kim Phụng - Đại học Ngân hàng TP. HCM**
- Xây dựng Bộ quy tắc hoạt động và cam kết tự nguyện về bảo vệ người tiêu dùng tài chính trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam - **ThS. Vũ Thị Mai Hương, TS. Đỗ Thị Bích Hồng - Viện Chiến lược Ngân hàng**
- Chuyển đổi số đối với hoạt động của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi - **TS. Phạm Bảo Khánh - Thành viên HĐQT BHTGVN**

22

VẤN ĐỀ HÔM NAY

- Chuyển đổi số và việc tăng cường ứng dụng chuyển đổi số vào hoạt động nghiệp vụ BHTG - **Phòng TTTT - BHTGVN**
- Ngành ngân hàng tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo thuận lợi cho việc chuyển đổi số - **Thanh Thủy**
- Ứng dụng công nghệ số - Xu thế tất yếu để nâng cao hiệu quả hoạt động của BHTGVN - **Phan Thanh Long - Trưởng phòng Công nghệ tin học BHTGVN**
- Ứng dụng công nghệ 4.0 để người gửi tiền tiếp cận thông tin về BHTG - **Phòng Kiểm soát nội bộ - BHTGVN**
- Nâng cao hiệu quả công tác giám sát thông qua việc tăng cường ứng dụng chuyển đổi số - **Phòng Giám sát - BHTGVN**

36

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC THAM GIA BHTG

- Chủ động hoàn thành công tác kiểm tra các tổ chức tham gia BHTG - **Phòng Kiểm tra - BHTGVN**
- Tốc độ phát triển ngân hàng số tăng nhanh và kỳ vọng kết quả hoạt động kinh doanh tăng trưởng lạc quan - **Phòng Giám sát - BHTGVN**

41

NHÌN RA THẾ GIỚI

- Kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng chuyển đổi số vào hoạt động nghiệp vụ của tổ chức BHTG - **Phòng NCTH & HTQT BHTGVN**

44

TIN TỨC SỰ KIỆN

49

GÓC CẢM XÚC

50

HỎI ĐÁP VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI TÌM HIỂU THUẬT NGỮ

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở KHỐI DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG

Hồ Xuân Trường *

Chuyển đổi số đã dần trở thành xu thế tất yếu với các quốc gia, doanh nghiệp trên toàn cầu và có tác động ngày càng lớn đến tăng trưởng GDP, năng suất lao động và cơ cấu việc làm. Tại nước ta, trong giai đoạn 2021 - 2030, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế là 1 trong 6 nhiệm vụ trọng tâm của đất nước, được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và nhận thấy chuyển đổi số là xu thế tất yếu với các doanh nghiệp, các cấp ủy đảng trong Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương đã lãnh đạo, chỉ đạo tận dụng có hiệu quả các cơ hội do Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại, thực hiện chuyển đổi số toàn diện các doanh nghiệp, đơn vị trong Khối, qua đó đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, hình thành nên những mô hình kinh doanh mới, gia tăng trải nghiệm khách hàng, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Chuyển đổi số, xu hướng tất yếu tác động đến tăng trưởng GDP quốc gia

Nền kinh tế nước ta hiện nay là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều kinh tế cùng phát triển, thị trường phát triển ngày càng đồng bộ, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại phù hợp với những tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, hội nhập quốc tế, tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu ngày càng sâu rộng. Sau nhiều năm thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ khoa học và công nghệ của nền kinh tế được nâng lên, hướng tới mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nền kinh tế đang chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng dựa trên khai thác tài nguyên. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện, hiệu quả. Những thành tựu quan trọng của công tác đối ngoại đã làm tăng thêm sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín



của đất nước, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng cũng nêu rõ, một mặt, đòi hỏi phải quán triệt các nội dung, quan điểm trong tầm nhìn đã được nêu trong Cương lĩnh chính trị của Đảng và kế thừa các quan điểm về mục tiêu phát triển đất nước trong các nhiệm kỳ đại hội Đảng; mặt khác, hiện nay trên thế giới, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ quá trình toàn cầu hóa kinh tế, mặc dù

có những trở ngại do sự nổi lên của chủ nghĩa bảo hộ ở một số nước. Đất nước hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đã trở thành thành viên của nhiều tổ chức kinh tế quốc tế, toàn cầu và khu vực (WTO, WB, IMF, AEC, APEC...), ký kết nhiều hiệp định thương mại, đầu tư song phương, đa phương với nhiều quốc gia, các khối kinh tế trên thế giới, trong đó có nhiều hiệp định thế hệ mới với phạm vi cam kết rộng, mức độ cam kết cao. Nước ta đã cam kết tuân thủ nhiều chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Trong bối cảnh đó, việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định của

*Phó Bí thư Đảng ủy Khối DNTW

luật pháp, cơ chế chính sách, tiêu chuẩn, định mức, tiêu chí đánh giá cho phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế là cần thiết và hợp lý.

Tại Việt Nam, quá trình chuyển đổi số đã bắt đầu diễn ra, nhất là trong ngành tài chính, giao thông, du lịch... Chính phủ và chính quyền các cấp đang nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số. Đại hội Đảng lần thứ XII đã khẳng định: “Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Đến năm 2020 khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030 có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới”.

Tại Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định mục tiêu “...Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình ổn định; phấn đấu giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. “Đến năm 2025 là nước đang phát triển, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030 là nước đang phát triển, đạt thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển thu nhập cao”. Để đạt các mục tiêu trên, Nghị quyết Đại hội đã chỉ ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là “...đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hòa, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế”. Trong 6 nhiệm vụ trọng

tâm và 3 đột phá của đất nước cũng nhấn mạnh “...đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế...”.

Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã có nhiều hành động thể hiện sự quyết tâm thực hiện chuyển đổi số quốc gia: Quyết định 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030” đã xác định rõ tầm nhìn là “Việt Nam trở thành quốc gia số, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp” và chỉ rõ mục tiêu “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát

triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu”.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về thực hiện chuyển đổi số và nhận thấy chuyển đổi số là xu thế tất yếu với các doanh nghiệp, Đại hội đại biểu Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương lần thứ III, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định: “Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng trên cơ sở nâng suất lao động, hàm lượng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực của doanh nghiệp về đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại để nâng cao giá trị gia tăng cho những sản phẩm chính, cốt lõi của doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp... Nâng cao tiềm lực, trình độ khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp. Phấn đấu mỗi tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thực sự là một trung tâm đổi mới sáng tạo. Chủ động dẫn dắt, tích cực tham gia và đi đầu chuyển đổi nền kinh tế số, tập trung phát triển những ngành công nghiệp nền tảng, nâng cao tính



tự chủ của doanh nghiệp trong nền kinh tế. Nghiên cứu, triển khai số hóa trong các quy trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng các nhà máy, xí nghiệp thông minh”.

Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương đã lãnh đạo các đảng ủy trực thuộc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng trong Khối chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình hành động để triển khai ứng dụng nhiều công nghệ mới, hiện đại; áp dụng nhiều giải pháp sáng tạo, đột phá và đến nay đã đạt được những kết quả bước đầu tích cực. Từ năm 2014, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/ĐUK về nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp của các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng trong Khối, trong đó yêu cầu đưa ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào quản trị doanh nghiệp, thành lập bộ phận CNTT chuyên trách trong các doanh nghiệp; Nghị quyết số 10-NQ/ĐUK về nghiên cứu, phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Các cấp ủy đảng trong Đảng bộ Khối đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của doanh nghiệp, phân công lãnh đạo chủ chốt của cấp ủy, doanh nghiệp trực tiếp phụ trách về CNTT, xây dựng đội ngũ cán bộ CNTT và bộ phận chuyên trách về CNTT. Một số đơn vị trong lĩnh vực ngân hàng, viễn thông, hàng không, năng lượng đã xây dựng và triển khai chiến lược chuyển đổi số; có đơn vị đã thành lập ban chỉ đạo và bộ phận chuyên trách về công tác chuyển đổi số của doanh nghiệp; chủ động thay đổi văn hóa làm việc, áp dụng các mô hình quản trị hiện đại, đào tạo về chuyển đổi số cho đội ngũ lao động và gắn chiến lược chuyển đổi số với chiến lược sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII

của Đảng, Nghị quyết số 52-NQ/TW Ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương lần thứ III, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đồng thời xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ cấp bách hiện nay, từ yêu cầu thực tiễn trên, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương đã xây dựng Đề án và ban hành Nghị quyết chuyên đề số 02-NQ/ĐUK ngày 07/6/2021 về “Thực hiện chuyển đổi số tại các doanh nghiệp, đơn vị trong Khối Doanh nghiệp Trung ương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Cả nước đang bước vào công cuộc chuyển đổi số với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia toàn xã hội, vì vậy, sự chủ động tham gia CMCN 4.0 và chuyển đổi số yêu cầu phải có quan điểm, mục tiêu, thể chế phù hợp, trước hết để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân nhanh chóng tiếp cận, nắm bắt, ứng dụng và phát triển các công nghệ mới, các mô hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ mới trong tất cả các lĩnh vực, đi đôi với ngăn ngừa và khắc phục các tác động tiêu cực. Đặc biệt, trong đó phần lớn các doanh nghiệp trong Khối là các đơn vị nằm trong danh sách đứng đầu của các ngành nghề tham gia, có tiềm lực tài chính mạnh, một số có trình độ khoa học công nghệ vượt trội so với các doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, năng lượng, bưu chính, viễn thông - công nghệ thông tin, giao thông vận tải. Các doanh nghiệp điện lực, viễn thông - công nghệ thông tin, ngân hàng, giao thông vận tải, bưu chính trong Khối đã có kinh nghiệm triển khai và có những đóng góp nhất định trong quá trình chuyển đổi số quốc gia tại Việt Nam, góp phần tạo nền tảng hình thành Chính phủ số,

Kinh tế số và Xã hội số.

Trước yêu cầu đó, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, các doanh nghiệp, đơn vị trong Khối nói riêng với tiềm năng, kinh nghiệm và lợi thế sẵn có, các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng trong Khối đã và đang nắm bắt nhanh cơ hội này và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp, bước đầu tiếp cận, sử dụng công nghệ số vào thực tế để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

Chiến lược chuyển đổi số của các doanh nghiệp

Chuyển đổi số đang là một trong những xu hướng phát triển chung, tất yếu của hầu hết các tổ chức, các doanh nghiệp trong thời đại cuộc CMCN 4.0 hiện nay. Hành lang về chuyển đổi số doanh nghiệp nhà nước đã rộng mở nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp bắt kịp với xu thế mới.

Theo kết quả khảo sát tỷ lệ các đơn vị có chiến lược chuyển đổi số hoạch định chỉ chiếm 27,27% tổng số doanh nghiệp trong Đảng ủy Khối, cụ thể: Có 06/06 doanh nghiệp trong nhóm ngành nông, lâm nghiệp chưa thực hiện ban hành nghị quyết về chuyển đổi số tại đơn vị để tạo nền tảng cho các đơn vị xây dựng ban hành và thực thi chiến lược. Tuy nhiên, trong các doanh nghiệp trên, 01/06 đơn vị đã ban hành chiến lược công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025, 01/06 doanh nghiệp đang trong quá trình xây dựng và dự kiến ban hành chiến lược chuyển đổi số trong năm 2021, 03/06 doanh nghiệp đang tìm kiếm đối tác tư vấn cùng đồng hành trong công tác hoạch định chiến lược, 01/06 đơn vị dự kiến sẽ tiến hành triển khai chuyển đổi số theo 05 bước. Hiện tại đã có 02/04 đơn vị trong nhóm ngành bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin đã thực hiện ban hành nghị quyết làm cơ sở

ban hành các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động; 01/04 đơn vị đã ban hành chiến lược và chuẩn bị ban hành nghị quyết, 01/04 đơn vị chưa ban hành nghị quyết và chiến lược. Còn đối với nhóm ngành năng lượng, 02/04 đơn vị đã xây dựng chiến lược chuyển đổi số, 01/04 đơn vị đang trong quá trình xây dựng và 01/04 đơn vị chưa triển khai xây dựng chiến lược chuyển đổi số. Nhóm ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, 04/09 đơn vị đã có chiến lược/ kế hoạch chuyển đổi số.

Với mục tiêu, giai đoạn 2021 - 2025 và xa hơn là tới năm 2030, nền kinh tế thế giới và Việt Nam sẽ tiếp tục có đà phát triển nhanh nhờ kế thừa những thành quả từ giai đoạn trước và sự phục hồi mạnh sau khi kiểm soát được đại dịch Covid-19. Kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Chuyển đổi số trở thành xu hướng tất yếu với các quốc gia, các doanh nghiệp trên toàn cầu và có tác động quan trọng đến tăng trưởng GDP quốc gia, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Tại nước ta trong giai đoạn 2021 - 2030, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế là 1 trong 6 nhiệm vụ trọng tâm của đất nước, được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các doanh nghiệp, đơn vị trong Khối đã thành lập ban chỉ đạo chuyển đổi số nhằm tham mưu cho HĐQT/HĐQT về việc ban hành chiến lược, chính sách chuyển đổi số cho toàn hệ thống, trong đó Trưởng Ban chỉ đạo là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT và bên cạnh đó cũng thiết lập Bộ phận chuyên trách về CNTT nhằm hỗ trợ tư vấn và triển khai các vấn đề liên quan tới công nghệ cho toàn hệ thống. Công tác triển khai được theo dõi sát sao gắn liền với thay đổi văn hóa làm việc, áp dụng các mô hình

quản trị hiện đại, xây dựng năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ lao động với mục tiêu rõ ràng trên cơ sở gắn chiến lược chuyển đổi số là công cụ thực hiện chiến lược kinh doanh.

Tuy nhiên, nhiều đơn vị gặp khó khăn do ngân sách dành cho nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT còn hạn chế, chưa tương xứng với nhu cầu phát triển của doanh nghiệp. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho ứng dụng và phát triển CNTT chưa đồng bộ, một số nơi còn lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa; nguồn nhân lực còn hạn chế về trình độ CNTT, việc tuyển dụng nhân lực CNTT trình độ cao còn khó khăn, ngân sách cho đào tạo, thu hút nhân lực CNTT chưa tương xứng với nhu cầu. Nhiều đơn vị thiếu chiến lược tiếp cận chuyển đổi số tổng thể mang tính hệ thống, việc triển khai ứng dụng CNTT còn thực hiện rời rạc, cục bộ ở một số đơn vị, bộ phận, trong một số chuyên ngành; hoặc chiến lược tiếp cận không gắn liền với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Mặc dù các đơn vị đã có các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai các chương trình hành động, tuy nhiên không đánh giá được mức độ tác động cũng như kết quả tiếp nhận thông tin của người lao động. Nhiều đơn vị người lãnh đạo còn chưa quan tâm và nhận thức đúng về chuyển đổi số. Về ứng dụng các thành tựu của CMCN 4.0 vào hoạt động sản xuất kinh doanh chưa tổng thể, mới chỉ dừng ở mức nghiên cứu, tìm hiểu, thử nghiệm do chi phí đầu tư quá lớn, thiếu hụt chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, thiếu hụt dữ liệu đầu vào cho các hệ thống phân tích.

Giải pháp thực hiện chuyển đổi số tại các doanh nghiệp, đơn vị trong Khối

Bước sang giai đoạn 2021 - 2025 và xa hơn là tới năm 2030, nền kinh

tế thế giới và Việt Nam sẽ tiếp tục được tạo đà phát triển nhanh nhờ kế thừa những thành quả từ giai đoạn trước. Hoà bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt; cục diện đa cực ngày càng rõ nét. Trong đó cạnh tranh công nghệ giữa các nước ngày càng quyết liệt hơn nhằm dành vị thế dẫn dắt trong CMCN 4.0. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái trầm trọng và khủng hoảng kinh tế toàn cầu, có khả năng kéo dài; làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới.

Chuyển đổi số đã dần trở thành xu hướng tất yếu với các quốc gia, doanh nghiệp trên toàn cầu và có tác động ngày càng lớn đến tăng trưởng GDP, năng suất lao động và cơ cấu việc làm. Theo nghiên cứu của Microsoft và IDG tại khu vực Châu Á - TBD, từ năm 2017, các sản phẩm và dịch vụ số đóng góp 6% GDP, tỷ lệ này là khoảng 25% năm 2019 và dự đoán trong năm 2021 sẽ rơi vào khoảng 60%; chuyển đổi số làm tăng năng suất lao động, các công việc trong khu vực sẽ bị biến đổi theo các năm. Kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng, một số hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới quan trọng như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)... đòi hỏi phải cải cách thể chế kinh tế mạnh mẽ hơn nữa, tạo cơ hội mở rộng thị trường, đầu tư cho phát triển công nghiệp và thực hiện công nghiệp hóa.

Để tiếp tục có những bước phát triển đột phá trong giai đoạn mới, thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển, vượt ra khỏi bẫy thu nhập

trung bình, bắt buộc chúng ta phải có những nỗ lực, quyết tâm mới, phải bút phá để thực hiện khát vọng Việt Nam hùng cường. Một trong những giải pháp căn cơ, nền tảng nhất là chúng ta phải chuyển đổi số mạnh mẽ, đi đầu khu vực trong cuộc CMCN 4.0. Chuyển đổi số là vấn đề về thay đổi nhận thức và phương thức quản lý, vận hành, không phải chỉ là vấn đề về công nghệ. Với tiềm năng, kinh nghiệm và lợi thế sẵn có, các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng trong Khối thuận lợi trong nắm bắt nhanh cơ hội này và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế; mở ra cơ hội đột phá phát triển chưa từng có, vô giá đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, các doanh nghiệp, đơn vị trong Khối nói riêng.

Ngoài ra, việc chuyển đổi số đối với các doanh nghiệp trong Khối được hiểu là sự tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của doanh nghiệp, tận dụng công nghệ số để thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình kinh doanh và cung cấp các giá trị mới cho khách hàng của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp cũng như tăng tốc các hoạt động kinh doanh. Vì vậy, chuyển đổi số gắn liền với chiến lược kinh doanh, chiến lược phát triển của doanh nghiệp và thực hiện nhiệm vụ đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo chủ trương của Đảng, Nhà nước; nâng cao hiệu quả hoạt động, sức cạnh tranh và đưa doanh nghiệp bắt kịp với xu thế thay đổi mô hình, phương thức kinh doanh trên thế giới; gắn với mục tiêu đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và phát triển doanh nghiệp bền vững.

Bên cạnh đó, cấp ủy các cấp cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương của Trung ương, Chính phủ, Đảng ủy Khối về chuyển đổi số. Người đứng đầu

cấp ủy chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng trực thuộc, đảng viên, người lao động về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; chỉ đạo tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động, điều hành và chuyển đổi mô hình nghiệp vụ từ truyền thống sang môi trường số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của đơn vị mình; khuyến khích cán bộ, đảng viên, người lao động sử dụng ví điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học công nghệ, nhất là công nghệ phục vụ đời sống, sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp cần có kế hoạch, lộ trình, chương trình triển khai cụ thể; thiết lập mục tiêu rõ ràng về chuyển đổi số. Thành lập ban chỉ đạo chuyển đổi số nhằm đảm bảo sự lãnh đạo triển khai thông suốt trên toàn hệ thống doanh nghiệp, đơn vị, trong đó trưởng ban chỉ đạo là bí thư đảng ủy, người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị. Tổ chức tinh gọn bộ máy, áp dụng các mô hình quản trị hiện đại trong quá trình chuyển đổi số theo định hướng tại Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 30/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về “Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước” và Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Lựa chọn, bồi dưỡng, thu hút và trọng dụng nguồn nhân lực có đủ năng lực, phẩm chất, tư duy đổi mới, sáng tạo. Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thu hút nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao để tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để

đội ngũ này trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu về chuyển đổi số của doanh nghiệp, đơn vị.

Kế thừa định hướng của Đại hội XII, bổ sung những nhân tố động lực mới, Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng hoàn thiện quan điểm về động lực phát triển đất nước trong thời kỳ mới: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững”, thì việc chuyển đổi số đang là xu thế tất yếu khách quan, là cơ hội và yêu cầu cấp bách, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp, đơn vị trong Khối Doanh nghiệp Trung ương. Đây cũng là công cụ để thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, sức cạnh tranh, vị thế dẫn dắt trong nền kinh tế, góp phần thực hiện thành công chủ trương của Đảng, Nhà nước về thực hiện chuyển đổi số quốc gia, xây dựng kinh tế số, xã hội số, chính phủ số, như trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã nhấn mạnh: “Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc”. Nhận định mới này rất quan trọng trong việc định hướng tận dụng thời cơ do những thành tựu của cuộc cách mạng này đem lại, đồng thời vượt qua những khó khăn, thách thức để phát triển đất nước theo hướng tăng tốc, đi tắt, đón đầu./.

BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN TRONG KỶ NGUYÊN KỸ THUẬT SỐ - KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

ThS. Phạm Xuân Hùng
Trưởng ban, Ban Nghiên cứu và Điều phối chính sách giám sát,
Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia

Dịch vụ tài chính kỹ thuật số (Digital Financial Service-DFS) có thể được định nghĩa là các hoạt động tài chính sử dụng công nghệ kỹ thuật số, bao gồm tiền điện tử, dịch vụ tài chính di động, dịch vụ tài chính trực tuyến, i-teller và ngân hàng số, cho dù thông qua các tổ chức ngân hàng hay phi ngân hàng. DFS có thể bao gồm các giao dịch tiền tệ khác nhau như gửi, rút, gửi và nhận tiền, cũng như các sản phẩm và dịch vụ tài chính khác bao gồm thanh toán, tín dụng, tiết kiệm, lương hưu và bảo hiểm. DFS cũng có thể bao gồm các dịch vụ phi giao dịch, chẳng hạn như xem thông tin tài chính cá nhân thông qua các thiết bị kỹ thuật số.

Với đặc điểm “Nhanh - Rẻ - Rộng - Dễ dàng - Cá biệt hóa”, người tiêu dùng tài chính (NTDTC), trong đó có người gửi tiền được hưởng lợi từ các dịch vụ tài chính kỹ thuật số. Theo báo cáo Tương lai Ngân hàng năm 2017 của Consumers International, NTDTC đang được hưởng lợi từ quá trình số hóa tài chính (“thời đại của fintech”). DFS cung cấp cho NTDTC nói chung và người gửi tiền nói riêng các sản phẩm dịch vụ thuận tiện hơn, nhanh hơn, rẻ hơn và phù hợp với nhu cầu cá nhân; cho phép người sử dụng dịch vụ dễ dàng tiếp cận, so sánh trực tuyến và xác định những ưu đãi tối ưu nhất và phù hợp nhất với nhu cầu. Môi trường kỹ thuật số giúp cho người gửi tiền có thể vượt qua giới hạn không gian



và thời gian để mở rộng cơ hội tiếp cận và sử dụng sản phẩm dịch vụ tiền gửi ngay cả khi không có chi nhánh hoặc đại lý vật lý; giúp nâng cao hiểu biết của người gửi tiền về các sản phẩm tài chính và các quyết định tài chính, cung cấp các biện pháp bảo mật và phòng ngừa thích hợp để giúp người gửi tiền tránh các giao dịch gian lận và các rủi ro, mở ra cơ hội hòa nhập tài chính cho các nhóm dân cư có thu nhập thấp và bị loại trừ về tài chính trước đây.

Kinh nghiệm quốc tế về chính sách và cơ chế bảo vệ người gửi tiền trong kỷ nguyên kỹ thuật số

Để nhận biết và tận dụng tốt hơn lợi ích, đồng thời giảm thiểu

rủi ro và tác động tiêu cực của DFS, các chính sách cũng như phương pháp tiếp cận cần được thiết kế để cung cấp các công cụ chính sách và hướng dẫn hành động một cách cân bằng giữa lợi ích và cơ hội của các sản phẩm DFS với rủi ro tiềm ẩn đối với người tiêu dùng tài chính nói chung và người gửi tiền nói riêng (Nguyên tắc DFI - Digital Financial Inclusion - của G20/OECD thừa nhận sự cần thiết phải tích cực cân bằng giữa đổi mới kỹ thuật số với những rủi ro mới của công nghệ). Thực tiễn của nhiều quốc gia cho thấy, cơ chế bảo vệ hiệu quả cùng với việc tiếp cận các sản phẩm tài chính phù hợp và giáo dục tài chính chất lượng tốt là những yêu cầu cơ bản để người tiêu dùng tự tin và tin tưởng vào thị trường. Khuôn khổ

bảo vệ NTDTTC trong kỷ nguyên kỹ thuật số trước tiên vẫn cần tuân thủ Các Nguyên tắc cấp cao của G20 về bảo vệ NTDTTC.

Nhìn chung, qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về bảo vệ NTDTTC một cách hiệu quả, các cơ quan giám sát, bảo vệ NTDTTC cần:

Thứ nhất, đảm bảo có đủ kiến thức về thị trường dịch vụ tài chính bằng cách: (i) Tiến hành đánh giá hoặc nghiên cứu thị trường để hiểu và nắm bắt kịp thời sự phát triển của DFS, ví dụ như về sản phẩm hoặc dịch vụ mới, kênh phân phối và nhà cung cấp mới. (ii) Tham gia tương tác một cách chủ động và thường xuyên với các chủ thể cung cấp và phân phối các sản phẩm, dịch vụ hoặc kênh sáng tạo. (iii) Tham gia phối hợp với các cơ quan chuyên ngành và các bên liên quan khác để có được thông tin liên quan đến các xu hướng và phát triển công nghệ cũng như các vấn đề mới nổi trên thị trường như sự chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với các sự cố mạng. (iv) Tham gia chủ động và thường xuyên với người tiêu dùng, bao gồm thực hiện nghiên cứu người tiêu dùng và hợp tác với đại diện người tiêu dùng để đảm bảo hiểu biết đầy đủ về các vấn đề và trải nghiệm từ quan điểm của người tiêu dùng về các dịch vụ tài chính kỹ thuật số. (v) Hợp tác với các cơ quan giám sát có liên quan khác để tạo điều kiện chia sẻ thông tin hoặc phối hợp các hoạt động giám sát trong các lĩnh vực mà các bên cùng quan tâm.

Thứ hai, đảm bảo điều chỉnh kịp thời các công cụ, phương pháp quản lý và giám sát trong môi trường kỹ thuật số như thiết lập hoặc nâng cấp các hệ thống và quy trình để thu thập, lưu trữ và

phân tích dữ liệu liên quan nhằm cung cấp thông tin cho các quyết định quản lý, giám sát cũng như hiểu được hành vi của những người tham gia thị trường, bao gồm cả người tiêu dùng. Đảm bảo quyền truy cập hoặc có thể truy cập vào dữ liệu cần thiết để cho phép giám sát hiệu quả từ bên ngoài. Sử dụng và ứng dụng công nghệ (ví dụ như RegTech hoặc SupTech) để hỗ trợ họ giám sát các nhà cung cấp dịch vụ tài chính và xác định, giám sát các rủi ro phát sinh trong hệ thống tài chính.

Thứ ba, có các nguồn lực và khả năng phù hợp để hoạt động hiệu quả và linh hoạt trong môi trường kỹ thuật số, chẳng hạn: đảm bảo đội ngũ nhân sự có sự kết hợp các kỹ năng và năng lực phù hợp để nhận diện các rủi ro tiềm ẩn từ việc thiết kế và phân phối các sản phẩm DFS; đảm bảo đào tạo và phát triển nhân sự theo kịp với những phát triển và ứng dụng công nghệ mới nhất.

Thứ tư, có khả năng giải quyết các vấn đề công nghệ mới một cách hiệu quả, đồng thời đảm bảo duy trì tốt các biện pháp bảo vệ người tiêu dùng. Các yêu cầu cấp phép hoặc ủy quyền có thể được thực hiện bằng cách thiết lập các cơ chế hoặc áp dụng các phương pháp tiếp cận tương xứng cho phép các doanh nghiệp đổi mới, đồng thời duy trì các biện pháp bảo vệ và bảo vệ có liên quan như “quy chế thử nghiệm”. Khi các quy chế và phương pháp thử nghiệm được thiết lập, chúng phải được điều chỉnh bởi các quy tắc hoặc nguyên tắc rõ ràng để đảm bảo công bằng, minh bạch, bảo vệ người tiêu dùng và có thể tiếp cận rộng rãi.

Thứ năm, thiết lập các nhóm làm

việc nội bộ để giải quyết các vấn đề đổi mới (phản hồi các yêu cầu cung cấp thông tin từ doanh nghiệp, đánh giá sự tuân thủ với khuôn khổ pháp lý và quy định hiện hành cho các sản phẩm và dịch vụ mới, v.v.) với sự tham gia của các đơn vị /bộ phận liên quan và nếu có liên quan, các cơ quan giám sát chịu trách nhiệm bảo vệ dữ liệu và cạnh tranh.

Thứ sáu, tư vấn hoặc hướng dẫn cho những người mới tham gia thị trường về việc áp dụng quy định đối với các mô hình kinh doanh mới có thể mang lại lợi ích cho người tiêu dùng, tiến tới có một hướng dẫn chung cho tất cả những người tham gia thị trường.

Thứ bảy, xem xét các quy định hiện hành, và nếu cần thì sửa đổi, bổ sung hoặc làm rõ các quy định để phù hợp với các sản phẩm DFS mới.

Thứ tám, các cơ quan giám sát từ các khu vực pháp lý khác nhau cần hợp tác để đảm bảo rằng người tiêu dùng được bảo vệ trong các giao dịch xuyên biên giới, thông qua một số hoạt động như: Chia sẻ thông tin giữa các cơ quan giám sát có liên quan để giám sát hiệu quả việc tiếp thị và bán các sản phẩm và dịch vụ tài chính xuyên biên giới. Khi cần thiết, đảm bảo rằng các khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến các giao dịch xuyên biên giới được chuyển đến đúng cơ quan có thẩm quyền có liên quan. Tăng cường phối hợp để thúc đẩy tính nhất quán, tránh cơ hội cho các quy định chênh lệch giá và hỗ trợ các hoạt động thực thi pháp luật.

Một số khuyến nghị cho Việt Nam

Để tăng cường việc bảo vệ người tiêu dùng tài chính nói chung và

người gửi tiền nói riêng trong kỷ nguyên kỹ thuật số, từ kinh nghiệm quốc tế và thực trạng hiện nay, Việt Nam cần:

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý. Cần hoàn thiện hệ thống quy định pháp lý về bảo vệ NTĐTC. Trong đó, chú ý các vấn đề liên quan đến DFS quy định rõ các tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ tài chính, nghĩa vụ của các chủ thể cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính cho thị trường như vấn đề công bố và minh bạch thông tin và thông lệ kinh doanh; xử lý và duy trì tài khoản của khách hàng; bảo mật thông tin và dữ liệu cá nhân của khách hàng; quy trình và cơ chế giải quyết tranh chấp... hướng theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Các lỗ hổng quy định pháp lý của hoạt động fintech như cho vay ngang hàng, gọi vốn cộng đồng, tiền kỹ thuật số, thanh toán không dùng tiền mặt, chia sẻ và bảo mật thông tin cần nhanh chóng được xử lý.

Thứ hai, tăng cường vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế thực hiện bảo vệ NTĐTC nói chung và người gửi tiền nói riêng. Các cơ quan này có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng và đủ nguồn lực và quyền hạn về bảo vệ hiệu quả người tiêu dùng các dịch vụ tài chính trong kỷ nguyên kỹ thuật số. Điều này đòi hỏi các cơ quan này cần phải đáp ứng các yêu cầu như đảm bảo có đủ kiến thức về thị trường dịch vụ tài chính, các nguồn lực và khả năng phù hợp, các công cụ và phương pháp quản lý và giám sát hiện có được điều chỉnh phù hợp, đồng thời tìm ra các cách thức mới để hoạt động hiệu quả và linh hoạt trong môi trường kỹ thuật số, cân bằng được mục tiêu khuyến khích và hỗ trợ đổi mới công nghệ tài chính với mục tiêu bảo vệ NTĐTC.

Tăng cường cơ chế phối hợp, quyền hạn bên cạnh việc giao trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan quản lý và tranh tra giám sát chuyên ngành tài chính để các cơ quan đó thực hiện nhiệm vụ bảo vệ NTĐTC hiệu quả hơn; (ii) Tăng cường năng lực của cơ quan thực hiện nhiệm vụ bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính và các tổ chức xã hội bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính đặc biệt là về nhân lực, công nghệ, kiến thức về DFS, công nghệ giám sát KTS; (iii) Xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động chặt chẽ và hiệu quả hơn giữa các cơ quan trong mạng an toàn tài chính.

Tổ chức BHTG, cơ quan trực tiếp bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền cần được tăng cường quyền hạn, nâng cao năng lực hoạt động tương xứng với vai trò và nhiệm vụ. Luật BHTG cần quy định rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của tổ chức BHTG, bổ sung quy định theo hướng BHTG Việt Nam tham gia sâu hơn vào quá trình tái cơ cấu TCTD, xử lý TCTD yếu kém như: Xử

lý, can thiệp sớm, đặc biệt đối với các QTDND được kiểm soát đặc biệt thông qua các hình thức như: Tiếp quản trực tiếp, tham gia quản trị hoặc góp vốn để chi phối hoạt động của QTDND... Đồng thời, Luật BHTG cũng cần quy định rõ vai trò giám sát, kiểm tra của BHTG Việt Nam để cơ quan này có thể đánh giá rủi ro và cảnh báo sớm đối với TCTD có vấn đề thông qua việc trao quyền cho BHTG Việt Nam được tiếp cận sâu và đầy đủ với các thông tin về đánh giá sự lành mạnh của TCTD. Bổ sung chức năng, nhiệm vụ của BHTG Việt Nam như: Quy định BHTG Việt Nam phối hợp với NHNN kiểm tra, giám sát QTDND trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng theo yêu cầu của NHNN... Về cho vay đặc biệt đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt, bổ sung quy định BHTG Việt Nam cho vay đặc biệt đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt để thống nhất với quy định tại Luật Các TCTD sửa đổi (2017) và cụ thể hóa một số nội dung để đảm bảo cơ sở pháp lý cho BHTG Việt Nam trong quá trình cho



vay đặc biệt, ví dụ: Nguồn vốn cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản đối với TCTD, cơ chế xử lý rủi ro...

Thứ ba, hoàn thiện cơ giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo. Trong thời đại KTS, các khiếu nại, tranh chấp trở nên phức tạp, khó xử lý hơn do các chủ thể tham gia thị trường đa dạng, khó quản lý, các giao dịch nhiều bên, không giới hạn về thời gian và không gian. Do vậy các quy định và thiết chế giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo truyền thống cần phải được điều chỉnh bên cạnh việc đưa ra các phương thức xử lý mới. Khung quy định về trình tự thủ tục khiếu kiện của người tiêu dùng sản phẩm tài chính cần đơn giản hóa và tăng cường vai trò trách nhiệm của chủ thể cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính theo hướng và trình tự: (i) Định chế tài chính có cơ chế về quy trình, thủ tục tiếp nhận và giải quyết các khiếu kiện của khách hàng; (ii) Nếu tranh chấp, khiếu nại không giải quyết thì có thể chuyển sang tòa án để giải quyết; (iii) Phát huy vai trò và hiệu quả của hệ thống giải quyết tranh chấp thay thế như thanh tra tài chính hoặc dịch vụ hòa giải để hỗ trợ các bên trong giải quyết tranh chấp ngoài tòa án. Cần tăng cường tính nghiêm khắc của các chế tài xử lý các hành vi vi phạm quy định gây thiệt hại cho người tiêu dùng và những quy định về bồi thường thiệt hại do các hành vi vi phạm nói trên gây ra của các tổ chức cung cấp các dịch vụ tài chính.

Thứ tư, nâng cao hiểu biết cho người tiêu dùng dịch vụ tài chính. Xây dựng một chương trình, chiến lược tổng thể, dài hạn về giáo dục và tăng cường hiểu biết tài chính. Đa dạng hóa hình thức và các kênh giáo dục tuyên truyền, phổ biến, đặc biệt là các hình thức và phương

tiện kỹ thuật số để nâng cao hiểu biết tài chính cho NTDTTC qua đó giúp họ tự tin hòa nhập tài chính, đưa ra được quyết định tài chính đúng đắn, phù hợp với nhu cầu và khả năng và tối đa hóa lợi ích. Tăng cường giáo dục và tuyên truyền về các hành vi vi phạm, các cơ chế xử lý để giáo dục và răn đe hành vi trái pháp luật và đạo đức kinh doanh của các chủ thể cung cấp dịch vụ và giúp NTDTTC tự mình hoặc sử dụng hiệu quả các cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nâng cao vai trò của các cơ quan quản lý, giám sát tài chính trong giáo dục và nâng cao hiểu biết tài chính cho NTDTTC thông qua các hoạt động: (i) Thiết kế tài liệu đào tạo; (ii) Cung cấp các khóa đào tạo trực tiếp; (iii) Khảo sát hiểu biết tài chính và công bố các báo cáo định kỳ; (iv) Phát hành thông tin định kỳ về tổng quan thị trường tài chính và sản phẩm tài chính.

Tổ chức Bảo hiểm tiền gửi cần có vai trò lớn hơn và tham gia tích cực hơn vào hoạt động giáo dục và nâng cao hiểu biết tài chính cho NTDTTC, đặc biệt là người gửi tiền. BHTGVN cần chủ động tăng cường tuyên truyền chính sách BHTG tới công chúng. Hoạt động này cần chú trọng tới các đối tượng yếu thế, chưa hoặc ít hiểu biết tài chính, trong đó có giới trẻ là sinh viên các trường đại học, cao đẳng - nhóm sẽ trở thành NTDTTC trong tương lai, người gửi tiền ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, người gửi tiền ít có điều kiện tiếp cận với thông tin về tài chính - ngân hàng và BHTG giúp họ có thể sáng suốt lựa chọn sản phẩm tài chính để đầu tư, tránh được rủi ro lừa đảo, gian lận.

Tóm lại, kỷ nguyên tài chính kỹ thuật số mang lại cả lợi ích và rủi ro cho NTDTTC nói chung và người

gửi tiền nói riêng, đặt lên vai các cơ quan có thẩm quyền bảo vệ NTDTTC những thách thức to lớn trong việc theo kịp sự phát triển của công nghệ, sự đa dạng, biến đổi nhanh của các chủ thể và sản phẩm dịch vụ trên thị trường tài chính và việc cân bằng linh hoạt mục tiêu tăng cường và khuyến khích đổi mới tài chính và bảo vệ NTDTTC. Với trình độ phát triển chưa cao nhưng độ mở lớn của thị trường tài chính - ngân hàng Việt Nam thách thức này càng trở nên to lớn và nặng nề hơn trên đôi vai của các cơ quan có thẩm quyền. Quan tâm, bảo vệ quyền lợi NTDTTC, giáo dục và nâng cao hiểu biết tài chính của NTDTTC là một trong những trụ cột của chiến lược tài chính toàn diện, giúp thị trường tài chính Việt Nam phát triển an toàn và bền vững./.

Tài liệu tham khảo

OECD (2019), 'Task Force on Financial Consumer Protection: Effective Approaches for Financial Consumer Protection in the Digital Age

OECD (2018), G20/OECD Policy Guidance on Financial Consumer Protection Approaches in the Digital Age

World Bank (2017), Good practices for Financial Consumer Protection, The World Bank Group, 1818 H Street NW, Washington, DC 20433, USA.

World Bank (2018), Global Financial Inclusion and Consumer Protection Survey 2017, The World Bank Group, 1818 H Street NW, Washington, DC 20433, USA.

World bank (2020), truy cập tại: <https://responsiblefinance.worldbank.org/en/responsible-finance/financial-consumer-protection>

Cục cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng, Bộ công thương (2021).

BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG TÀI CHÍNH TRONG KỶ NGUYÊN KỸ THUẬT SỐ - PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN HIỆU QUẢ ĐỐI VỚI CÁC NHÀ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH VÀ CƠ QUAN GIÁM SÁT

TS. Nguyễn Thị Kim Phụng
Đại học Ngân hàng TP. HCM

Số hóa dưới hình thức đổi mới công nghệ đang có tác động chuyển đổi liên tục đối với xã hội và nền kinh tế. Liên quan đến dịch vụ tài chính, số hóa đã ảnh hưởng đáng kể đến tất cả các lĩnh vực từ thanh toán đến tiết kiệm, bảo hiểm, đầu tư (OECD, 2020). Việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính số cũng tạo ra rủi ro cho người tiêu dùng (Artemenko & Bychkova, 2020). Bên cạnh đó, các cơ quan giám sát cũng phải đối mặt với một thách thức to lớn trong việc điều chỉnh cách tiếp cận giám sát hiện tại của họ đối với các sản phẩm và dịch vụ tài chính kỹ thuật số.

Trong kỷ nguyên kỹ thuật số, người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm và dịch vụ tài chính số. Sản phẩm và dịch vụ tài chính số là các sản phẩm và dịch vụ tài chính được thương mại hóa bởi ngân hàng hoặc các tổ chức phi ngân hàng thông qua các kênh kỹ thuật số trực tuyến hoặc di động (FinCoNet, 2018). Trong môi trường ngày càng kỹ thuật số và đối mặt với những rủi ro mới, nhu cầu bảo vệ người tiêu dùng tài chính quan trọng hơn bao giờ hết. Các chính sách và các phương pháp tiếp cận được phát triển và áp dụng bởi các nhà hoạch định chính sách nhằm bảo vệ người tiêu dùng tài chính cần phát triển và thích ứng phù hợp với môi trường kỹ thuật số.

Bảo vệ người tiêu dùng tài chính

Bảo vệ người tiêu dùng tài chính đề cập đến khuôn khổ của luật pháp, quy định và các cách tiếp cận khác nói chung được thiết kế để đảm bảo đối xử công bằng và có trách nhiệm đối với người tiêu dùng tài chính trong việc mua và sử dụng các sản phẩm tài chính và các giao dịch của chúng với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính (OECD, 2020).



Hiện nay trên thế giới, việc thiết lập khung bảo vệ người tiêu dùng tài chính không có quy định bắt buộc chung nào cho tất cả các quốc gia. Một số tổ chức quốc tế lớn như OECD, Hội nghị Bộ trưởng các nước G20 hay Ngân hàng Thế giới (World Bank - WB) đưa ra những thông lệ, nguyên tắc trong quá trình xây dựng khung bảo vệ người tiêu dùng để các quốc gia tham khảo và áp dụng sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của quốc gia mình. Nhìn chung, trong những năm gần đây đã có sự chú ý ngày càng tăng để bảo vệ người tiêu dùng trong các dịch vụ tài chính (AIF, 2014).

Theo Rutledge (2010), khuôn khổ bảo vệ người tiêu dùng tài chính hiệu quả nên cung cấp cho người tiêu dùng:

Tính minh bạch: Bằng cách cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, cân xứng và có thể so sánh về giá cả, điều khoản và các điều kiện, và rủi ro vốn có về sản phẩm và dịch vụ tài chính;

Sự lựa chọn: Bằng cách đảm bảo các thông lệ công bằng, không ép buộc và hợp lý trong việc bán sản phẩm tài chính và thu tiền thanh toán;

Sự khắc phục: Bằng cách cung cấp cơ chế giá rẻ và nhanh chóng giải quyết khiếu nại và tranh chấp;

Quyền riêng tư: Bằng cách đảm bảo kiểm soát quyền truy cập vào thông tin cá nhân.

Phương pháp tiếp cận hiệu quả đối với các nhà hoạch định chính sách và cơ quan giám sát để bảo vệ người tiêu dùng tài chính trong kỷ nguyên kỹ thuật số

Phương pháp tiếp cận hiệu quả để bảo vệ người tiêu dùng tài chính trong kỷ nguyên kỹ thuật số được OECD (2020) thể hiện trong 2/10 nguyên tắc bảo vệ người tiêu dùng tài chính (Financial Consumer Protection Principles – FCP principles), đó là nguyên tắc số 7 và số 8 với 2 nội dung căn bản là bảo vệ tài sản của người tiêu dùng chống lại gian lận và lạm dụng, và bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu người tiêu dùng.

Bảo vệ tài sản của người tiêu dùng chống lại gian lận và lạm dụng

Để bảo vệ tài sản của người tiêu dùng chống lại gian lận và lạm dụng, các nhà hoạch định chính sách và cơ quan giám sát nên thực hiện những điều sau (OECD, 2020):

Đảm bảo có năng lực công nghệ, nguồn lực và công cụ giám sát cần thiết để giám sát các biện pháp do các nhà cung cấp dịch vụ tài chính thực hiện.

Hợp tác với các ngành, các cơ quan quản lý và giám sát khác và các cơ quan thực thi pháp luật để chia sẻ thông tin và hiểu các xu hướng mới nổi liên quan đến các loại lừa đảo và gian lận tài chính kỹ thuật số mới.

Hợp tác với các đối tác nước ngoài, các tổ chức và mạng lưới quốc tế có liên quan để chia sẻ thông tin và tin tức về gian lận, lừa đảo xuyên biên giới.

Tiến hành giám sát liên tục, bao gồm cả việc thu thập dữ liệu và thông tin từ ngành, để đảm bảo nhận thức về sự phát triển của thị trường và các rủi ro bảo mật kỹ thuật số chính.

Làm việc với ngành công nghiệp, an ninh kỹ thuật số và các cơ quan thực thi luật để khám phá vai trò của đổi mới công nghệ nhằm phát hiện và chống lại hành vi gian lận nhắm đến người tiêu dùng tài chính.

Làm việc với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính để đảm bảo rằng việc áp dụng các thỏa thuận về giới hạn trách nhiệm của người tiêu dùng tài chính đối với hành vi gian lận hoặc giao dịch trái phép mở rộng sang các loại giao dịch di động hoặc giao dịch trực tuyến mới.

Hợp tác với các bên liên quan, bao gồm các cơ quan Chính phủ và cơ quan quản lý khác, cơ quan an ninh kỹ thuật số, cơ quan thực thi pháp luật, các đại lý, ngành dịch vụ tài chính và các công ty tiện ích để tham gia vào các chiến dịch nâng cao nhận thức của cộng đồng về các rủi ro an ninh kỹ thuật số và thúc đẩy các giao dịch kỹ thuật số và trực tuyến an toàn.

Tham gia hoặc xem xét việc thành lập mạng lưới cộng đồng thực hành giữa các cơ quan và ngành để thúc đẩy chia sẻ trải nghiệm về các rủi ro an ninh kỹ thuật số.

Tham gia hoặc xem xét việc thành lập các kênh báo cáo dành riêng cho người tiêu dùng tài chính để báo cáo

gian lận, lừa đảo và nơi chúng xuất hiện, đảm bảo rằng chúng được cập nhật thường xuyên, liên tục.

Sử dụng dữ liệu xử lý khiếu nại và phân tích để xác định các sự cố bảo mật tiềm ẩn, các rủi ro cũng như các thông lệ tốt nhất được các nhà cung cấp dịch vụ tài chính áp dụng.

Yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ tài chính báo cáo dữ liệu thống kê về hoạt động gian lận, đặc biệt liên quan đến các dịch vụ thanh toán, ít nhất một năm một lần.

Đảm bảo các nhà cung cấp dịch vụ tài chính phải thực hiện yêu cầu liên tục đánh giá rủi ro bảo mật kỹ thuật số đối với các dịch vụ mà họ cung cấp, áp dụng các biện pháp an ninh để giảm rủi ro và thông báo cho người tiêu dùng tài chính về các thủ tục bảo mật để giảm thiểu rủi ro gian lận trực tuyến.

Đảm bảo các nhà cung cấp dịch vụ tài chính có đặt khuôn khổ quản lý rủi ro bảo mật kỹ thuật số. Khuôn khổ này cần được lập thành văn bản, phê duyệt và xem xét định kỳ.

Đảm bảo các nhà cung cấp dịch vụ tài chính giám sát các mối đe dọa và lỗ hổng bảo mật và thường xuyên xem xét các kịch bản rủi ro đã xác định.

Đảm bảo các nhà cung cấp dịch vụ tài chính có thiết lập một quy trình hiệu quả và thuận tiện cho người tiêu dùng tài chính để báo cáo giao dịch trái phép hoặc gian lận.

Cần xem xét việc sử dụng công nghệ, chẳng hạn như tin nhắn SMS để đưa ra cảnh báo cho khách hàng về các mối đe dọa hoặc lừa đảo đã xác định.

Bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu người tiêu dùng

Để bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu người tiêu dùng, OECD (2020) đưa ra khuyến nghị đối với các nhà hoạch định chính sách và cơ quan giám sát nhằm bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu người tiêu dùng:

Đảm bảo rằng các khuôn khổ về pháp luật, luật lệ và giám sát để có các biện pháp và bảo vệ thích hợp liên quan đến bảo vệ dữ liệu người tiêu dùng và quyền riêng tư.

Làm việc với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính để khuyến khích họ minh bạch hóa các hoạt động thu thập, sử dụng thông tin và cung cấp cho người tiêu dùng khả năng đưa ra quyết định về dữ liệu của họ vào thời điểm và bối cảnh phù hợp.

Nên liên hệ với các cơ quan bảo vệ dữ liệu nơi chúng tồn tại để đảm bảo hiểu và áp dụng các luật và quy định về bảo vệ dữ liệu cho các nhà cung cấp dịch vụ tài chính.

Có những sắp xếp để hợp tác và chia sẻ thông tin với các cơ quan bảo vệ dữ liệu thông qua các quy định pháp luật cho phép chia sẻ thông tin như vậy, thực hiện ở cả cấp quốc gia và quốc tế.

Hợp tác với các bên có liên quan, bao gồm các cơ quan chính phủ, cơ quan quản lý khác và các nhà cung cấp dịch vụ tài chính để thúc đẩy các giao dịch trực tuyến an toàn, bao gồm bảo vệ quyền riêng tư của dữ liệu.

Tìm hiểu với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính các thỏa thuận cho phép người tiêu dùng chia sẻ dữ liệu giao dịch tài chính của họ với bên thứ ba được ủy quyền bao gồm các

công ty fintech.

Giám sát việc sử dụng thông tin tài chính của khách hàng, của các nhà cung cấp dịch vụ tài chính để phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính được cá nhân hóa.

Đảm bảo có khả năng công nghệ, nguồn lực và công cụ để có thể giám sát và hiểu các khả năng kỹ thuật số đang được triển khai bởi các nhà cung cấp dịch vụ tài chính.

Đảm bảo các nhà cung cấp dịch vụ tài chính sử dụng các mô hình ra quyết định tự động, đảm bảo chúng thực hiện các biện pháp để giảm thiểu các kết quả không phù hợp.

Ngày nay, các nhà hoạch định chính sách và cơ quan giám sát phải đối mặt với một thách thức đáng kể để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ. Tùy từng quốc gia, các nhà hoạch định chính sách và cơ quan giám sát cần vận dụng linh hoạt các phương pháp tiếp cận hiệu quả để bảo vệ người tiêu dùng tài chính trên các phương diện bảo vệ tài sản của người tiêu dùng chống lại gian lận, lạm dụng và bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu người tiêu dùng, trong đó có người gửi tiền.

Là một cơ quan bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại và lưu ý đến các vấn đề có thể vận dụng trong các nguyên tắc OECD đã đưa ra nhằm bảo vệ tối đa lợi ích của người gửi tiền trong kỷ nguyên kỹ thuật số.

Tài liệu tham khảo

Artemenko, D., & Bychkova, I, (2020). *Legal Framework for Risk-based Banking Supervision in the Digital Age. Financial Law Review*, (19 (3)), 81-102.

Alliance for Financial Inclusion (AFI), (2014). *Consumer Protection in Mobile Financial Services* https://www.afiglobal.org/sites/default/files/publications/mfswg_guideline_note_7_consumer_protection_in_mfs.pdf

FinCoNet (2018), *Practices and Tools required to support Risk-based Supervision in the Digital Age.* http://www.finconet.org/Finconet_Report_Practices-tools-for-risk-based-supervision-digital-age_November_2018.pdf

Hoàng Thị Thu Hiền & Nguyễn Thị Vân, (2020). *Bảo vệ người tiêu dùng tài chính tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp.* Truy cập tại <https://thitruongtaichinhthiente.vn/bao-ve-nguoi-tieu-dung-tai-chinh-tai-vietnam-thuc-trang-va-giai-phap-32469.html>

OECD (2020). *Financial Consumer Protection Policy Approaches in the Digital Age: Protecting consumers' assets, data and privacy.* <https://www.oecd.org/finance/Financial-Consumer-Protection-Policy-Approaches-in-the-Digital-Age.pdf>

OECD (2018). *G20/OECD Policy Guidance on Financial Consumer Protection Approaches in the Digital Age* <https://www.oecd.org/finance/G20-OECD-Policy-Guidance-Financial-Consumer-Protection-Digital-Age-2018.pdf>

Rutledge, S, (2010). *Country Studies Provide Powerful Lessons in Financial Consumer Protection. Europe and Central Asia Knowledge Brief; Volume No. 26.* World Bank, Washington,DC.©WorldBank <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/10171> License: CC BY/IGO.

XÂY DỰNG BỘ QUY TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ CAM KẾT TỰ NGUYỆN VỀ BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG TÀI CHÍNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI VIỆT NAM

ThS. Vũ Thị Mai Hương,
TS. Đỗ Thị Bích Hồng
– Viện Chiến lược Ngân hàng

Dịch vụ tài chính số mang lại nhiều lợi ích cho người sử dụng, nhưng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro do sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và các hình thức giả mạo, lợi dụng công nghệ ngày càng thông minh và tinh xảo hơn. Vì vậy cần xây dựng Bộ quy tắc hoạt động và cam kết tự nguyện về bảo vệ người tiêu dùng tài chính nói chung, người gửi tiền nói riêng trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam. Bài viết dưới đây sẽ tập trung vào các rủi ro đối với người tiêu dùng trong bối cảnh công nghệ số; vai trò của cơ quan bảo hiểm tiền gửi và cụ thể hóa đề xuất xây dựng Bộ quy tắc hoạt động và cam kết tự nguyện về bảo vệ người tiêu dùng tài chính, thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam.

Xu hướng chuyển đổi số ngành Ngân hàng

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, đặc biệt là cuộc CMCN 4.0 đã có những tác động đáng kể đến mọi ngành, lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực tài chính ngân hàng. Các dịch vụ tài chính, kênh phân phối truyền thống đã và đang có những sự chuyển mình theo hướng đa dạng hóa, chú trọng ứng dụng công nghệ hiện đại - gọi chung là các dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ số (còn gọi là các dịch vụ tài chính số). Xuất hiện ngày càng nhiều hơn các tổ chức cung ứng dịch vụ không phải là ngân hàng tham gia cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có “bản chất là hoạt động ngân hàng”, giúp người tiêu dùng có thêm nhiều lựa chọn đa dạng với chi phí phù hợp.

Theo đó, chuyển đổi số đã và đang trở thành xu thế tất yếu trong ngành Ngân hàng. Chiến lược phát triển công nghệ thông tin ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đặt ra mục tiêu: “Thực hiện thành công kế hoạch chuyển đổi số trong ngành Ngân hàng”; các tổ chức tín dụng (TCTD) “chuẩn hóa



hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng trên nền tảng công nghệ... phát triển các dịch vụ ngân hàng số trên không gian mạng”.

Theo khảo sát của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), đến hết năm 2020, đã có 95% TCTD đang xây dựng chiến lược hoặc thực hiện triển khai chuyển đổi số. Nhiều ngân hàng xem việc

phát triển mô hình ngân hàng số là một mục tiêu trong chiến lược kinh doanh chứ không đơn thuần là một dự án công nghệ thông tin. Đến nay, mô hình ngân hàng số thường được các ngân hàng tiếp cận và triển khai theo 2 hướng: (i) Chuyển đổi ngân hàng hiện hữu (như: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng thương mại

cổ phần Kỹ thương Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong...); (ii) Số hóa kết hợp phát triển ngân hàng số (như: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng...).

Những kết quả bước đầu của quá trình chuyển đổi số, xây dựng mô hình ngân hàng số có thể kể đến như:

Thứ nhất, số lượng, giá trị giao dịch ngân hàng qua kênh số có sự tăng trưởng vượt bậc. Một số ngân hàng như Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong, Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội đã ghi nhận tỷ lệ hơn 80% giao dịch được thực hiện trên nền tảng số. Hàng chục triệu khách hàng đã trở thành khách hàng số của ngân hàng và sử dụng thường xuyên các ứng dụng ngân hàng số trong các giao dịch hàng ngày (như: Ứng dụng ngân hàng số VCB Digibank, VietinBank iPay, BIDV Smart Banking, eBank X của TPBank; Omni-Channel của OCB...).

Đến cuối năm 2020, 77 tổ chức triển khai dịch vụ thanh toán qua Internet và 45 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động (chiếm 80% và 46,9% tổng số tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán). Theo đó, số lượng và giá trị thanh toán qua kênh Internet đạt 475,5 triệu giao dịch với 27,7 tỷ đồng (tăng 471% và 448,1% so với cùng kì năm 2015); số lượng và giá trị thanh toán qua kênh điện thoại di động đạt 1.183,3 triệu giao dịch với gần 12,6 tỷ đồng (tăng 1.905,6% và 9317,4% so với cùng kì năm 2015).

Thứ hai, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các công ty công nghệ tài chính (Fintech, Bigtech), số lượng các ngân hàng hợp tác, kết

hợp với các ngày càng gia tăng. Đã có khoảng 47 ngân hàng hợp tác, kết nối với các công ty Fintech thực hiện số hóa sản phẩm, mở ra nhiều kênh cung ứng dịch vụ hiện đại cho khách hàng, góp phần mở rộng hệ sinh thái số, đem lại nhiều trải nghiệm và lợi ích thiết thực hơn cho khách hàng. Số lượng các công ty Fintech cũng không ngừng gia tăng (từ khoảng 40 công ty cuối năm 2016 lên khoảng 200 công ty cuối năm 2020; trong đó, có 39 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được NHNN cấp giấy phép).

Thứ ba, thanh toán không dùng tiền mặt có sự thay đổi đáng kể khi kênh giao tiếp, cung ứng dịch vụ thanh toán dần được số hóa dựa trên áp dụng các nền tảng công nghệ thông tin hiện đại thay thế cho những mô hình truyền thống. Đặc biệt, hệ sinh thái thanh toán số kết nối, tích hợp đa dạng các loại ngành, nghề, lĩnh vực khác nhau được hình thành và đang phát triển mạnh mẽ. Bên cạnh các công ty công nghệ, nhiều "người chơi" mới, không phải là ngân hàng xuất hiện và tham gia ngày càng nhiều hơn vào việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính, như các tổ chức cung ứng hàng hóa, dịch vụ (Vingroup, Grab,...), các công ty thương mại điện tử (Lazada, Shopee,...), các công ty viễn thông (Viettel, VNPT,...).

Tăng cường vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tài chính

Chuyển đổi số đã và đang trở thành xu thế tất yếu trong ngành ngân hàng, tổ chức bảo hiểm tiền gửi cũng không thể nằm ngoài xu thế ấy.

Theo kinh nghiệm quốc tế, tổ

chức bảo hiểm là một đơn vị trong hệ thống tổ chức triển khai thực thi, giám sát việc bảo vệ người tiêu dùng tài chính, chịu trách nhiệm bảo vệ người gửi tiền.

Bảo vệ người tiêu dùng tài chính đã được xác định là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển của nhiều tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Theo đó, các cơ quan này thường tổ chức các chương trình tuyên truyền, giáo dục tài chính để nâng cao kiến thức, hiểu biết cho người dân về lợi ích của bảo hiểm tiền gửi, phạm vi bảo hiểm, các sản phẩm được bảo hiểm, phương pháp gửi tiền an toàn... qua đó khuyến khích người dân sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức, thúc đẩy tài chính toàn diện. Chẳng hạn như ở Mỹ, Tổng công ty BHTG Hoa Kỳ (FDIC) ngoài chức năng bảo vệ người gửi tiền còn cung cấp thông tin và tài nguyên để giáo dục và bảo vệ người tiêu dùng, thúc đẩy tài chính toàn diện và kết nối người tiêu dùng với tài nguyên tài chính trong cộng đồng của họ. Tại Hàn Quốc, Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi cũng thực hiện giáo dục tài chính cho những đối tượng khó khăn về tài chính.

Ở Việt Nam, hệ thống ngân hàng vẫn là nguồn cung ứng vốn chính của nền kinh tế, do vậy người gửi tiền là một thành phần rất quan trọng đối với hệ thống tài chính Việt Nam. Hiện nay, người tiêu dùng tài chính ngân hàng tham gia gửi tiền đã được bảo vệ thông qua Luật Bảo hiểm tiền gửi ban hành năm 2012. Bên cạnh đó, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN) được thành lập với sứ mệnh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần vào sự ổn định, phát triển lành mạnh của hệ thống tài chính quốc gia. Theo đó, BHTGVN đang bảo vệ tiền



gửi của người gửi tiền tại hơn 1.200 tổ chức tham gia BHTG thông qua hai hình thức:

Trực tiếp: Người gửi tiền sẽ được BHTGVN bảo vệ trực tiếp trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG bị dừng hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Khi đó, BHTGVN sẽ chi trả tiền gửi được bảo hiểm cho người gửi tiền với hạn mức tối đa là 125 triệu đồng cho một người gửi tiền tại một tổ chức tham gia BHTG. Với hạn mức này, khoảng 90,72% người gửi tiền sẽ được bảo hiểm toàn bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Gián tiếp: BHTGVN gián tiếp bảo vệ người gửi tiền thông qua các hoạt động nghiệp vụ khác như kiểm tra, giám sát định kỳ tháng, quý, năm đối với các tổ chức tham gia BHTG, nhằm phát hiện và kiến nghị NHNN cảnh báo rủi ro cũng như xử lý kịp thời những vi phạm quy định về BHTG và an toàn trong hoạt động ngân hàng.

Sau hơn 20 năm hoạt động, có thể nói BHTGVN đã thể hiện vai trò là tổ chức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ kéo theo sự xuất hiện ngày càng nhiều các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng ứng dụng công nghệ cao, nhiệm vụ bảo vệ người gửi tiền của BHTGVN đối mặt với nhiều thách thức. Vì vậy, bên cạnh việc thực hiện tốt vai trò truyền thống, với vai trò bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền góp phần duy trì sự ổn định của các tổ chức tín dụng, đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng, BHTGVN đã không ngừng ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đẩy mạnh chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả hoạt động nghiệp vụ.

Thời gian qua BHTGVN luôn chú trọng và ứng dụng công nghệ thông

tin thúc đẩy chuyển đổi số trong các hoạt động nghiệp vụ của mình. Việc đưa vào vận hành Hệ thống thông tin tiền gửi được bảo hiểm (ICM), Hệ thống quản lý thông tin và hiện đại hoá ngân hàng (FSMIMS)... giúp tin học hóa toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ của BHTGVN. Nhờ ứng dụng chuyển đổi số mà các quy trình nghiệp vụ đã được thay đổi từ thủ công sang tự động, từ lưu văn bản giấy sang lưu dữ liệu, từ các bước quy trình riêng lẻ sang triển khai nghiệp vụ có tính kết nối hệ thống và được thống nhất từ trụ sở chính đến Chi nhánh BHTGVN.

Đề xuất xây dựng Bộ quy tắc hoạt động và cam kết tự nguyện bảo vệ người tiêu dùng

Bộ quy tắc hoạt động và cam kết tự nguyện về bảo vệ người tiêu dùng tài chính tập hợp các quy tắc và cam kết bảo vệ người tiêu dùng tài chính nói chung và bảo vệ người

gửi tiền nói riêng mà các tổ chức tài chính tự nguyện tham gia tuân thủ với sự giám sát chung của một cơ quan quản lý.

Thông thường, tại nhiều quốc gia, Hiệp hội Ngân hàng là đơn vị chủ trì xây dựng, ban hành bộ quy tắc này. Hiệp hội ngân hàng có thể định kỳ lập báo cáo và công khai thông tin những tổ chức tài chính không tuân thủ đúng những quy tắc và cam kết đã thỏa thuận trên website chính thức của mình. Việc báo cáo này sẽ giúp người dân nắm bắt và biết rõ hơn các tổ chức tài chính nào đang không tuân thủ và đưa ra lựa chọn tổ chức tài chính phù hợp.

Bộ quy tắc bao gồm: các tiêu chuẩn chuyên nghiệp, các biện pháp bảo đảm lợi ích của khách hàng, các nguyên tắc duy trì bảo mật của khách hàng, các tiêu chuẩn thực tiễn thị trường liên quan đến công bằng trong cung ứng dịch vụ, minh bạch và công khai, các quy tắc tránh xung đột lợi ích và các hành động cấm như tham gia vào gian lận hoặc xuyên tạc thông tin, dữ liệu khách hàng, quy trình xử lý khiếu nại, hoạt động marketing dịch vụ tài chính số, đánh giá điểm tín dụng đối với khách hàng...

Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số, nhiều quốc gia đã bổ sung các nội dung yêu cầu đối với các tổ chức tín dụng, các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính số chú trọng việc:

Một là, đảm bảo công bố thông tin rõ ràng, dễ hiểu, có thể đối chiếu, so sánh được các điều khoản hợp đồng, phí dịch vụ.

Hai là, đảm bảo cung cấp định kỳ sao kê tài khoản thể hiện rõ các khoản thanh toán và phí; bố trí các

kênh tiếp nhận thông tin, đường dây nóng tiếp nhận phản hồi của khách hàng; quy định rõ về thủ tục và trách nhiệm xử lý các giao dịch bị lỗi, giao dịch sai thẩm quyền.

Ba là, bắt buộc phải hướng dẫn khách hàng sử dụng dịch vụ tài chính số về các biện pháp đảm bảo an toàn giao dịch; công bố công khai thông tin liên hệ, địa chỉ liên hệ để giải quyết khiếu kiện của khách hàng; đảm bảo các thông tin của khách hàng phải được cung cấp qua phương tiện số (trong đó phải có hình thức gửi thông tin qua điện thoại di động), và phải được lưu trữ lại.

Bốn là, dịch vụ tài chính số mang lại nhiều lợi ích cho người sử dụng, nhưng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro do sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và các hình thức giả mạo, lợi dụng công nghệ ngày càng thông minh và tinh xảo hơn. Vì vậy Bộ quy tắc này khuyến khích các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính số thường xuyên điều chỉnh, nâng cao yêu cầu các quy tắc hoạt động và cam kết tự nguyện, yêu cầu về tính tuân thủ các quy tắc và cam kết này trong quá trình cung ứng dịch vụ. Thậm chí Bộ quy tắc này phải phải cao hơn quy định chung (chẳng hạn như Quy định ứng xử chung của ngành); đảm bảo khách hàng sử dụng dịch vụ tài chính số có lựa chọn hiệu quả nhất và có thể kiểm soát được các dữ liệu cá nhân của bản thân bằng ngôn ngữ phù hợp; đảm bảo cho khách hàng có quyền tiếp cận một cách minh bạch, thuận lợi và có quyền chỉnh sửa sai sót được thực hiện từ xa (như điện thoại di động, bằng phương tiện kết nối internet, hoặc thông qua các trung tâm chăm sóc khách hàng hoạt động 24h/7)/.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Bảo vệ Quyền lợi người tiêu dùng, 2010
2. Báo cáo thương niên năm 2019, Cục Quản lý Cạnh tranh và Bảo vệ NTD, Bộ Công thương
3. *Good Practices for Financial Consumer Protection*, World Bank, 2017
4. *Diagnostic Review of the Consumer Protection and Financial Literacy Volume 1*, World Bank, 2015
5. *Effective Approaches for Financial Consumer Protection in the Digital Age*, OECD, 2019
6. *Protection for Financial Services Clients of Thai Financial Institutions*, Samrieng Mekkiengkrai, School of Law, Sripatum University, Thailand, 2019
7. *Global Financial Inclusion and Consumer Protection Survey*, World Bank, 2017
8. *Financial Inclusion and Consumer Empowerment in South East Asia*, OECD, 2017
9. *G20 High level principle for digital financial inclusion*
10. Bảo vệ người tiêu dùng tài chính - Từ góc độ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Tháng 8/2021, ThS. Phan Thị Thanh Bình, <https://thitruongtaichinhliente.vn>

CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

TS. Phạm Bảo Khánh
Thành viên HĐQT - BHTGVN

Tại phiên họp trực tuyến của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số - phiên họp lần thứ nhất ngày 30/11/2021 - Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh rằng “chuyển đổi số là xu thế tất yếu, đòi hỏi yêu cầu khách quan của sự phát triển, các cơ quan, doanh nghiệp không thể không làm, không thể đứng ngoài cuộc, cần bắt tay thực hiện ngay. Chuyển đổi số cần có tư duy đột phá, chiến lược, cách làm phù hợp, bám sát thực tiễn, hoàn cảnh Việt Nam để đem lại hiệu quả thực sự, có sức lan tỏa cao, mang lại lợi ích cho dân, cho doanh nghiệp”. Tại Việt Nam, Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số đã được thành lập. Nghị quyết Đại hội 13 xác định rõ chuyển đổi số dựa trên 3 trụ cột: Chính phủ số, Kinh tế số, xã hội số.

Từ đó, tháng 9 năm 2021, trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, Ủy ban Kỹ thuật về Công nghệ Tài chính (Fintech TC) của Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi (BHTG) quốc tế (IADI) - đã công bố một chuỗi bài viết với chủ đề liên quan tới công nghệ tài chính.

Tổ chức BHTG nói chung và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam nói riêng cũng không nằm ngoài xu thế chuyển đổi số. Bài viết này sẽ giới thiệu ở mức cơ bản về ứng dụng công nghệ số vào một số nghiệp vụ BHTG, một số lợi ích và thách thức đối với tổ chức BHTG khi thực hiện chuyển đổi số.

Chuyển đổi số là gì?

Công nghệ thông tin là một thuật ngữ dùng để chỉ chung cho các công việc liên quan đến máy tính, hệ thống mạng, phần mềm. Các công việc này nhằm giúp doanh nghiệp, con người tìm kiếm, phân tích, xử lý, sao lưu dữ liệu một cách hiệu quả nhất. Công nghệ thông tin (CNTT) giúp con người tiếp cận thông tin đa chiều, rút ngắn khoảng cách, thu hẹp mọi không gian, tiết kiệm tối ưu về thời gian. Từ đó con người phát triển



nhanh hơn về kiến thức, nhận thức và tư duy.

Công nghệ số là sự phát triển tiếp theo của CNTT với sự xuất hiện một số công nghệ mang tính đột phá của CMCN 4.0. Công nghệ số là các công nghệ mới của Cách mạng công nghiệp 4.0, có 4 công nghệ số tiêu biểu: trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây; chuỗi khối cũng là một công nghệ số quan trọng.

Đối với doanh nghiệp, chuyển đổi số là quá trình thay đổi từ mô hình truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như: trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet

vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty.

Chuyển đổi số đối với tổ chức Bảo hiểm tiền gửi

Trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2008, việc thiếu dữ liệu đáng tin cậy đã tạo ra nguy cơ lây lan và làm mất ổn định hệ thống tài chính. Sự phát triển của công nghệ tài chính (Fintech) và dữ liệu lớn (Big Data), cũng như những tiến bộ trong trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) và máy học (Machine Learning) đã định hướng các tổ chức BHTG đến một tương lai mà ở đó việc ra quyết

định dựa trên dữ liệu nhiều hơn. Đại dịch COVID-19 đã thực sự là yếu tố thúc đẩy chuyển đổi số diễn ra nhanh hơn bao giờ hết.

Chuyển đổi số giúp chuẩn hóa dữ liệu và chia sẻ dữ liệu trong hoạt động BHTG. Theo đó, tổ chức BHTG có thể ứng dụng công nghệ (như mã định danh chung, API – phương thức trung gian kết nối các ứng dụng và hệ thống dữ liệu khác nhau) để chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu. Việc chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu dễ dàng hơn, mang lại lợi ích cũng như những thách thức cho hoạt động của tổ chức BHTG.

Việc tiêu chuẩn hóa dữ liệu giúp giảm các sai sót trong dữ liệu so với trường hợp dữ liệu được nhập thủ công, giảm thời gian dọn dẹp, diễn giải và xác thực dữ liệu (tăng tính chính xác), cho phép liên kết các bộ dữ liệu (tăng tính đầy đủ), qua đó cải thiện chất lượng dữ liệu của tổ chức BHTG. Chất lượng dữ liệu được nâng cao là điều kiện tiên quyết để ra quyết định về chính sách BHTG như hạn mức BHTG, phí BHTG chính xác và nhanh hơn.

Tiêu chuẩn hóa dữ liệu có khả năng giảm hoặc loại bỏ việc chuyển đổi dữ liệu của tổ chức tín dụng (TCTD) đổ vỡ. Ví dụ như giảm thời gian để nhân viên xác minh tài khoản được bảo hiểm, đẩy nhanh quá trình chi trả.

Dữ liệu được thu thập được định nghĩa và định dạng theo tiêu chuẩn thống nhất, có thể tạo điều kiện chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, giảm việc điều chỉnh hoặc tính toán lại dữ liệu. Báo cáo phân tích chỉ tiêu tài chính của tổ chức tham gia BHTG (TCTGBHTG) tại FDIC là một ví dụ. Báo cáo này được xây dựng theo định dạng, dữ liệu

được chuẩn hóa từ các cơ quan quản lý, giám sát ngân hàng Mỹ và được chia sẻ giữa các cơ quan này, qua đó giúp việc phân tích và sử dụng thông tin để ra quyết định tốt hơn do dựa trên dữ liệu được chuẩn hóa.

Bằng cách cung cấp quyền truy cập nhiều hơn vào dữ liệu (tuân theo luật bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư hiện hành) được tiêu chuẩn hóa và dễ dàng đọc và diễn giải hơn, hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trở nên minh bạch hơn. Tăng cường tính minh bạch có thể tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu nội bộ, bên ngoài và cung cấp thông tin chính xác hơn trên phương tiện truyền thông. Điều này giúp nâng cao nhận thức và lòng tin của công chúng đối với hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

Dữ liệu chuẩn hóa cho phép nhà đầu tư (ngân hàng) tiềm năng định giá tài sản hiệu quả hơn, qua đó có thể làm tăng giá trị thị trường của tài sản. Nhà đầu tư cũng có thể trả giá lớn hơn đối với TCTD có dữ liệu chất lượng cao hơn tương thích với hệ thống của họ. Ngược lại, một TCTD đổ vỡ với dữ liệu chất lượng kém hơn có thể nhận được giá dự thầu thấp hơn hoặc không có giá dự thầu nào cả, qua đó làm tăng thiệt hại cho tổ chức BHTG. Hơn nữa, tại một số quốc gia, tổ chức bảo hiểm tiền gửi còn có trách nhiệm rà soát, hiệu chỉnh số liệu khi tiếp nhận TCTD đổ vỡ, qua đó làm giảm chi phí của tổ chức BHTG.

Tóm lại, việc chuẩn hóa dữ liệu giúp tổ chức BHTG thực hiện tốt Nguyên tắc 3 về quản trị, Nguyên tắc 13 về Phát hiện sớm và can thiệp kịp thời, Nguyên tắc 14 về Giải quyết đổ vỡ và Nguyên tắc 15

về chi trả cho người gửi tiền.

Tuy nhiên, việc chuẩn hóa dữ liệu cũng đặt ra một số thách thức và rủi ro tiềm ẩn cho các tổ chức BHTG:

Rủi ro liên quan tới bên thứ ba: TCTGBHTG có thể sẵn sàng chia sẻ thông tin về dữ liệu hơn với các bên thứ ba (như các nhà cung cấp dịch vụ CNTT). Tổ chức BHTG nên xem xét rủi ro liên quan đến việc bên thứ ba xử lý và cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu, việc bảo mật dữ liệu.

Khi yêu cầu các TCTGBHTG áp dụng tiêu chuẩn dữ liệu, tổ chức BHTG có thể gặp phải sự phản đối từ TCTGBHTG vì chi phí và gánh nặng khi thực hiện các tiêu chuẩn này.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số còn giúp máy học (machine learning) trong hoạt động của tổ chức BHTG. Máy học là một nhánh của trí tuệ nhân tạo, có mục tiêu làm cho máy móc có khả năng học tập như con người. Biết học là sẽ tự có kiến thức mới. Máy học dựa trên dữ liệu, mà dữ liệu ngày càng nhiều, năng lực tính toán ngày càng mạnh, nên đã tạo ra bước phát triển đột phá trong máy học. Đây là bước phát triển lớn tiếp theo trong phân tích dữ liệu với nhiều ứng dụng tiềm năng đối với tổ chức BHTG. Tuy nhiên, hiện nay, lĩnh vực BHTG chưa khai thác được tiềm năng và lợi ích của máy học đối với hoạt động nghiệp vụ và định hướng chính sách BHTG.

Máy học đem lại lợi ích cũng như thách thức đối với hoạt động của tổ chức BHTG theo 3 kênh chính: trực tiếp, gián tiếp và kênh liên quan tới bên thứ ba.

Tương tác trực tiếp: Tổ chức BHTG có thể áp dụng công nghệ máy học vào các hoạt động giám sát, đánh giá rủi ro, tính phí BHTG. Điều này đòi hỏi DI phải có hiểu biết kỹ thuật chi tiết về các phương pháp tính, vấn đề cần giải quyết, yêu cầu về hạ tầng công nghệ, bảo trì, bảo mật.

Tương tác gián tiếp: Các TCTGBHTG ngày càng sử dụng nhiều phương pháp máy học trong phân tích dữ liệu hàng ngày để ra quyết định kinh doanh. Điều này sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động giám sát của tổ chức BHTG. Nếu tổ chức BHTG không hiểu rõ cách thức, phương pháp tính toán để lập các báo cáo của TCTGBHTG, thì rủi ro trong hoạt động giám sát của tổ chức BHTG sẽ gia tăng và mức độ rủi ro của TCTGBHTG cũng gia tăng.

Tương tác của bên thứ ba: Mặc dù thoạt nhìn có thể thấy không liên quan, nhưng Bên thứ 3 sử dụng máy học cũng có thể tác động tới rủi ro mà tổ chức BHTG đang gánh chịu. Ví dụ, các công ty không hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng cung cấp các dịch vụ thanh toán, chi tiêu sẽ tác động tới xu hướng tiền gửi tại ngân hàng, làm thay đổi loại tiền gửi được bảo hiểm. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cần giám sát các sản phẩm này để xác định xem có ảnh hưởng tới phạm vi của chính sách BHTG không hoặc có cần thay đổi chính sách BHTG không.

Bảng 1. Lợi ích và thách thức của máy học

Lợi ích	Hạn chế
Theo hướng dữ liệu	Các bộ kỹ năng khác nhau cần có, ví dụ như kỹ năng khoa học dữ liệu
Sử dụng hiệu quả hơn dữ liệu hiện có từ nhiều nguồn	Đầu tư ban đầu vào cơ sở hạ tầng CNTT phù hợp để hỗ trợ các yêu cầu tính toán
Có thể hỗ trợ làm rõ / xác minh các giả định trong việc đưa ra quyết định chính sách	Việc giải thích phương pháp / kết quả có thể khó khăn và khó truyền đạt cho đối tượng không chuyên về kỹ thuật
Giảm lỗi thủ công / văn thư	Yêu cầu đầu tư đáng kể vào công nghệ
Cải tiến năng suất	Cần quyền truy cập toàn diện vào dữ liệu chi tiết, kịp thời
Tiết kiệm chi phí trong trung / dài hạn	Không phải lúc nào cũng kết hợp chuyên môn về chủ đề ở một mức độ thích hợp, tức là trở nên quá dựa vào dữ liệu

Tổ chức BHTG có thể ứng dụng máy học trong các nghiệp vụ dưới đây:

Bảng 2. Một số nghiệp vụ BHTG có thể ứng dụng máy học

Ứng dụng	Nội dung/Nghiệp vụ được ứng dụng
Phân cụm/nhóm	Phân tích, cảnh báo rủi ro, phân nhóm TCTGBHTG: Phân nhóm các TCTGBHTG dựa trên bộ dữ liệu lớn về TCTGBHTG và đặc điểm các chỉ tiêu tài chính (các biến giải thích).
Phân loại (ứng dụng trong chi trả)	Nâng cao hiệu quả quá trình chi trả đặc biệt khi chưa có bộ dữ liệu khách hàng được chuẩn hóa. Hồ sơ yêu cầu chi trả của khách hàng không được chuẩn hóa.
Phân loại (ứng dụng trong tính phí)	Xác định khả năng xảy ra đổ vỡ đối với 1 TCTD dựa trên dữ liệu trong quá khứ, phân tích kết quả kinh doanh của TCTD theo chuỗi thời gian.
Phân tích cảm xúc/phản hồi	Phân tích những phản hồi hoặc cảm xúc của người gửi tiền về các dịch vụ BHTG (chi trả, hạn mức...), qua đó xây dựng chính sách truyền thông phù hợp.

Điện toán đám mây (Cloud Computing) là mô hình dịch vụ cho phép người truy cập tài nguyên điện toán dùng chung (mạng, server, lưu trữ, ứng dụng, dịch vụ) thông qua kết nối mạng một cách dễ dàng, mọi lúc, mọi nơi, theo yêu cầu. Tài nguyên điện toán đám mây có thể được thiết lập hoặc hủy bỏ nhanh chóng bởi người dùng mà không cần sự can thiệp của Nhà cung cấp dịch vụ.

Tổng công ty BHTG Mỹ coi hợp lý hóa giải pháp đối với các nghiệp vụ trên nền tảng điện toán đám mây là một trong 4 chiến lược hiện đại hóa công nghệ giai đoạn 2020-2024 nhằm tiết kiệm chi phí.

Hiện đại hóa các giải pháp dựa trên máy tính lớn đối với nền tảng điện toán đám mây hiệu quả và an toàn hơn nhằm giảm chi phí liên quan chi phí bảo trì, bảo dưỡng, chi phí cho cơ sở hạ tầng, giảm tải cho bộ phận hỗ trợ và chi phí phát sinh nếu thực hiện các giải pháp truyền thống.

Thực hiện chuyển đổi số

Chuyển đổi số là một quá trình đa dạng, không có lộ trình mẫu áp dụng chung cho các doanh nghiệp. Trong chuyển đổi số, tầm nhìn thay thế cho kinh nghiệm. Tổ chức BHTG tại các quốc gia thường là tổ chức duy nhất vận hành các nghiệp vụ BHTG, do vậy lại càng không có nhiều kinh nghiệm để học hỏi. Tổ chức BHTG thực hiện chuyển đổi số có thể tham khảo 3 bước sau:

(Xem tiếp trang 27)

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ VIỆC TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀO HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Phòng TTTT - BHTGVN

Chuyển đổi số (Digital Transformation) là sự tích hợp đầy đủ các công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của một doanh nghiệp để thay đổi cách thức vận hành cũng như phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình thực hiện, văn hóa của doanh nghiệp nhằm đem đến những giá trị mới cho doanh nghiệp.

Tầm quan trọng của chuyển đổi số



Đối với Chính phủ: Thay đổi nghiệp vụ, mô hình và phương thức hoạt động của bộ máy cơ quan nhà nước.



Đối với doanh nghiệp: Giảm chi phí vận hành; Tối ưu hóa năng suất công việc



Đối với người dân: trải nghiệm dịch vụ công hay dịch vụ được cung cấp từ các doanh nghiệp ngày càng thuận tiện, nhanh chóng.

Chuyển đổi số ngành ngân hàng – Bước đầu cụ thể hóa và triển khai các Nghị quyết của Đảng và Chính phủ

Tháng 5 năm 2021 NHNN đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.



Bảo mật



Tự động hóa quy trình



Nâng cao trải nghiệm khách hàng



Phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới

Những vấn đề được các ngân hàng ưu tiên hàng đầu khi chuyển đổi số

Covid-19 là “chất xúc tác” cho chuyển đổi số ngành tài chính, ngân hàng

Covid-19 là tác nhân tác động tích cực, thúc đẩy tiến trình số hóa nhanh hơn bởi sự cấp thiết của việc duy trì hoạt động lưu thông tiền tệ thường xuyên, liên tục. Nhờ chuyển đổi số diễn ra nhanh hơn mà các hoạt động ngân hàng “không tiếp xúc” cũng trở nên phổ biến hơn, việc sử dụng dịch vụ online của khách hàng cũng dần trở thành thói quen.



Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số vào hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm tiền gửi



Lợi ích của chuyển đổi số đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động không chỉ giúp BHTGVN tổng hợp, phân tích các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi một cách chính xác mà còn giúp cho BHTGVN tiết kiệm được thời gian và nguồn lực hơn so với hình thức nghiệp vụ truyền thống, đặc biệt trong thời gian dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến phức tạp, góp phần khẳng định BHTGVN là một tổ chức tài chính không thể thiếu trong việc bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh hoạt động ngân hàng.

Thời gian qua BHTGVN luôn chú trọng và ứng dụng công nghệ thông tin thúc đẩy chuyển đổi số trong các hoạt động nghiệp vụ của mình. Đưa vào vận hành Hệ thống thông tin tiền gửi được bảo hiểm (ICM), Đưa vào hoạt động Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng (FSMIMS) với phân hệ giám sát rủi ro... giúp tin học hóa toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ của BHTGVN.

Ứng dụng chuyển đổi số mà các quy trình nghiệp vụ đã được thay đổi từ thủ công sang tự động, từ lưu văn bản giấy sang lưu dữ liệu, từ các bước quy trình riêng lẻ sang triển khai nghiệp vụ có tính kết nối hệ thống và được thống nhất từ Trụ sở chính đến Chi nhánh BHTGVN.



Tiếp tục khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống các phần mềm ứng dụng sẵn có, đồng thời nghiên cứu để chỉnh sửa, nâng cấp



Chú trọng phát triển kho dữ liệu số



Hoàn thiện cơ chế chính sách, khung khổ pháp lý trong hoạt động nghiệp vụ để thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0.



Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực,



Đề xuất với Ngân hàng nhà nước tiếp tục quan tâm hỗ trợ và cung cấp đầy đủ thông tin, báo cáo theo danh mục BHTGVN đã được tiếp nhận



Nhóm giải pháp

NGÀNH NGÂN HÀNG TIẾP TỤC HOÀN THIỆN HÀNH LANG PHÁP LÝ, TẠO THUẬN LỢI CHO VIỆC CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thanh Thủy

Trong quý IV/2021, dịch Covid-19 tiếp tục tác động nghiêm trọng, nhiều mặt lên đời sống người dân, sản xuất kinh doanh, lưu thông hàng hóa và dịch vụ. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục triển khai hiệu quả và quyết liệt các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) và hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, ngành ngân hàng cũng tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, xây dựng cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho việc chuyển đổi số hoạt động ngân hàng.

Giảm lãi suất, ổn định tỷ giá, cung ứng vốn kịp thời cho nền kinh tế

Sau 3 lần giảm lãi suất điều hành với mức giảm 1,5-2%/năm trong năm 2020 và là một trong những ngân hàng trung ương giảm lãi suất mạnh nhất khu vực, trong năm 2021, NHNN giữ nguyên các mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng (TCTD) tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp; tiếp tục chỉ đạo TCTD chủ động cân đối khả năng tài chính để áp dụng lãi suất cho vay hợp lý; triệt để tiết giảm chi phí hoạt động, tập trung mọi nguồn lực để giảm lãi suất cho vay. Kết quả, mặt bằng lãi suất cho vay sau khi giảm 1%/năm trong năm 2020, đã giảm thêm 0,7%/năm trong 9 tháng đầu năm 2021. Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với một số ngành, lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,4%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4,5%/năm).

Trong điều hành tỷ giá, NHNN điều hành tỷ giá tiếp tục đảm bảo linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường trong và ngoài nước, các cân đối vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT. Tỷ giá VND/USD tiếp tục ổn định. Thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.



Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục chỉ đạo TCTD tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

Với các giải pháp đồng bộ của NHNN, mặc dù chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch COVID-19 nhưng tín dụng toàn nền kinh tế tăng ngay từ đầu năm và cao hơn so với cùng kỳ năm 2020, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tín dụng tiếp tục tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh,

lĩnh vực ưu tiên, đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời vốn cho nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng; tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ. Đến ngày 09/11/2021, tín dụng toàn hệ thống tăng 8,76% so với cuối năm 2020.

Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giúp doanh nghiệp phục hồi sản xuất

Đại dịch COVID-19 ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và điều kiện tài chính của doanh nghiệp và người dân. Do đó, NHNN đã khẩn trương triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ. Ngay từ khi dịch bệnh

xuất hiện tại Việt Nam, NHNN đã ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN cho phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Trong điều kiện dịch bệnh diễn biến phức tạp với tác động ngày càng sâu, rộng đối với nền kinh tế, NHNN đã kịp thời điều chỉnh, sửa đổi Thông tư 01/2020/TT-NHNN với việc ban hành Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 và Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 để tạo điều kiện cho TCTD hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch COVID-19 với quy mô, phạm vi hỗ trợ được mở rộng hơn, thời hạn hỗ trợ kéo dài đến tháng 6/2022.

Theo Vụ tín dụng các ngành kinh tế (NHNN), đến ngày 25/10/2021, các TCTD đã: (i) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ cho trên 330.000 khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch với dư nợ 250.000 tỷ đồng; Lũy kế giá trị nợ đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng từ 23/1/2020 khoảng 540.000 tỷ đồng. (ii) Miễn, giảm, hạ lãi suất cho khoảng 1,8 triệu khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch với dư nợ gần 3,5 triệu tỷ đồng; lũy kế từ 23/01/2020 tổng số tiền lãi TCTD đã miễn, giảm, hạ cho khách hàng khoảng 30.000 tỷ đồng. (iii) Cho vay mới lãi suất thấp hơn so với trước dịch với doanh số lũy kế từ 23/01/2020 đạt trên 7 triệu tỷ đồng cho hơn 1 triệu khách hàng. Trong đó, 16 ngân hàng thương mại (chiếm 75% tổng dư nợ nền kinh tế) đã thực hiện có kết quả việc giảm lãi suất cho vay theo cam kết với Hiệp hội ngân hàng, tổng số tiền lãi đã giảm lũy kế từ 15/7/2021 đến 30/9/2021 cho khách hàng là 12.236

tỷ đồng, đạt 59,36% so với cam kết.

Đối với chương trình cho vay hỗ trợ trả lương ngừng việc và phục hồi sản xuất, NHNN đã kịp thời triển khai các gói tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) lãi suất 0%/năm, không yêu cầu tài sản đảm bảo để NHCSXH cho người sử dụng lao động vay trả lương và phục hồi sản xuất. Trong năm 2021, thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 1/7/2021 của Chính phủ, gói tái cấp vốn với quy mô tối đa 7.500 tỷ đồng đã được triển khai và đến ngày 03/11/2021, NHNN đã giải ngân tái cấp vốn khoảng 673,13 tỷ đồng đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay và NHCSXH đã trả NHNN số tiền vay tái cấp vốn khoảng 1,12 tỷ đồng; hiện số dư tái cấp vốn của NHCSXH tại NHNN khoảng 672,01 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, NHNN cũng triển khai gói cho vay tháo gỡ khó khăn cho Tổng công ty Hàng không Việt Nam (VNA), theo đó NHNN tái cấp vốn đối với TCTD sau khi TCTD cho VNA vay với tổng số tiền tái cấp vốn đối với các TCTD tối đa là 4.000 tỷ đồng, lãi suất tái cấp vốn là 0%/năm, không có tài sản bảo đảm, thời hạn của chương trình tối đa đến ngày 31/12/2021.

Thanh toán không dùng tiền mặt tăng trưởng mạnh

Khuôn khổ pháp lý và chính sách trong hoạt động thanh toán tiếp tục được hoàn thiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM). Quý IV/2021, NHNN phối hợp các Bộ ngành liên quan rà soát, phê duyệt

triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money). Ngày 6/9/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 100/NQ-CP thông qua đề nghị xây dựng Nghị định và giao NHNN chủ trì xây dựng Nghị định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng. Đáng chú ý, ngày 28/10/2021, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đã ký Quyết định số 1813/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

Bên cạnh đó, hạ tầng thanh toán (hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng; hệ thống chuyển mạch, bù trừ) tiếp tục được nâng cấp và hoàn thiện. Hệ sinh thái thanh toán điện tử đã được hình thành với sự kết nối, tích hợp với các ngành, lĩnh vực khác cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch thanh toán trực tuyến. Vấn đề an ninh, an toàn trong thanh toán luôn được quan tâm; khách hàng được đặt là vị trí trung tâm trong cung ứng các sản phẩm, dịch vụ; đồng thời, quyền lợi hợp pháp luôn được đảm bảo. Công tác truyền thông, giáo dục tài chính được ngành ngân hàng chú trọng với các chương trình như “Tiền khéo tiền khôn”, “Tay hòm chìa khóa” và cuộc thi “Hiểu đúng về tiền”... qua đó góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng, giảm thiểu rủi ro cho người dân trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính, từ đó thúc đẩy TTKDTM và phát triển tài chính toàn diện.

Theo Vụ Thanh toán (NHNN), trong 9 tháng đầu năm 2021, tổng số lượng giao dịch qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng tăng 1,88% và tăng tới 42,58% về

giá trị so với cùng kỳ năm 2020; số lượng và giá trị thanh toán qua kênh Internet tăng tương ứng 51,16% và 29,09%; qua kênh điện thoại di động tăng tương ứng 76,19% và 88,3%; qua kênh QR Code tăng tương ứng 64,07% và 127,9% về giá trị.

Đặc biệt, trong 2 năm qua, ngành ngân hàng đã có chính sách giảm phí dịch vụ thanh toán hỗ trợ kịp thời cho người dân, doanh nghiệp giảm bớt khó khăn, tác động do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Tổng số phí dịch vụ thanh toán qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng và qua hệ thống Napas dự kiến trong năm 2021 giảm khoảng 1.453 tỷ đồng.

Ngoài ra, công tác tái cơ cấu hệ thống các TCTD tiếp tục được đẩy mạnh. Mặc dù áp lực nợ xấu gia tăng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng hệ thống ngân hàng vẫn hoạt động ổn định, an toàn, các ngân hàng chú trọng nâng cao chất lượng tín dụng đảm bảo hạn chế nợ xấu gia tăng.

Đáng chú ý, ngày 15/10, Công ty TNHH Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) thuộc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã tổ chức công bố đưa chi nhánh Sàn giao dịch nợ đi vào hoạt động chính thức, trụ sở đặt tại Hà Nội. Sàn giao dịch nợ đi vào hoạt động chính thức để kịp thời thực hiện hỗ trợ việc mua, bán, cơ cấu nợ cho các TCTD và khách hàng. Nhiệm vụ của Sàn giao dịch nợ là trở thành trung tâm môi giới, tư vấn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua, bán các khoản nợ và tài sản bảo đảm của các khoản nợ.

Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ phục hồi kinh tế

Năm 2022, nhiều dự báo cho thấy,



kinh tế thế giới còn nhiều rủi ro, bất trắc, sự phục hồi còn phụ thuộc vào mức độ phổ quát và hiệu quả của vaccine Covid-19, phát triển thuốc đặc trị cũng như khả năng khống chế đại dịch. Trong khi đó, giá cả hàng hóa cơ bản và lạm phát thế giới dự báo giữ ở mức cao do tác động từ thiếu hụt nguồn cung. Các nền kinh tế lớn trên thế giới dự kiến giảm dần hỗ trợ, thậm chí tăng lãi suất chính sách để kiềm chế đà tăng lạm phát.

Ở trong nước, mặc dù dịch bệnh dần được kiểm soát với việc đẩy nhanh tiến độ tiêm vaccine, cùng nhiều giải pháp hỗ trợ phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, áp lực lạm phát cũng sẽ có chiều hướng tăng, đặc biệt khi giá thế giới và chi phí sản xuất dự kiến còn ở mức cao, tình trạng đứt gãy nguồn cung có thể kéo dài hơn dự kiến.

Theo Vụ Chính sách tiền tệ (NHNN), thời gian tới, với quan điểm, chủ trương luôn sát cánh, đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn do đại dịch,

NHNN tiếp tục điều hành CSST chủ động, linh hoạt, đẩy mạnh các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay bị ảnh hưởng bởi dịch, hỗ trợ phục hồi kinh tế, đồng thời sẽ theo dõi sát diễn biến vĩ mô, giá cả, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu Quốc hội đặt ra.

Theo đó, NHNN điều hành CSST và hoạt động ngân hàng đảm bảo thanh khoản, hỗ trợ TCTD sẵn sàng cung ứng đầy đủ và kịp thời vốn cho quá trình phục hồi kinh tế; điều hành lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát, diễn biến thị trường và mục tiêu CSST; khuyến khích các TCTD tiết giảm chi phí để tiếp tục giảm lãi suất cho vay hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; chỉ đạo các TCTD tiếp tục triển khai Thông tư 14/2021/TT-NHNN về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ, hỗ trợ tốt hơn nữa cho doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; tiếp tục triển khai một số giải pháp, điều hành tín dụng trọng tâm như tăng trưởng tín

dụng hợp lý gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và đặc biệt kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; cân đối hài hòa giữa hỗ trợ nền kinh tế với mục tiêu kiểm soát lạm phát, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành để xây dựng các giải pháp chính sách trong chương trình phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch COVID-19.

Trong lĩnh vực thanh toán, NHNN tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, xây dựng cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho việc chuyển đổi số hoạt động ngân hàng, thúc đẩy TTKDTM trên cơ sở ứng dụng công nghệ, tạo thuận lợi cho người dân

vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa tiếp cận được dịch vụ... Đồng thời tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp và tăng cường tiện ích, chất lượng dịch vụ đối với hạ tầng thanh toán quốc gia, hệ thống thanh toán bù trừ tự động phục vụ các giao dịch bán lẻ; tăng cường công tác đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán điện tử. Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về TTKDTM, giáo dục tài chính; tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp người tiêu dùng.

Theo NHNN, trong công tác tái cơ cấu hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu, NHNN tiếp tục theo dõi, đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến khả năng hoàn thành các mục tiêu tại phương án cơ cấu lại của

các TCTD cũng như đến an toàn hệ thống để đề xuất các giải pháp chỉ đạo, xử lý phù hợp; Tiếp tục giám sát tăng cường hoạt động và việc triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại của các TCTD; Chỉ đạo TCTD tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng; trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ theo quy định pháp luật; tích cực triển khai các biện pháp kiểm soát và hạn chế nợ xấu phát sinh; Tiếp tục chỉ đạo Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển VAMC đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; nỗ lực thực hiện kế hoạch xử lý thu hồi nợ để đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu./.

CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI...

(Tiếp trang 21)

- Có nhận thức và tư duy đúng về chuyển đổi số.
- Xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động
- Xác định công nghệ số chủ yếu trong lĩnh vực hoạt động và các nền tảng cần có để hỗ trợ việc chuyển đổi.

Tóm lại, công nghệ số như Dữ liệu lớn, điện toán đám mây, trí tuệ nhận tạo (máy học) có thể nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của tổ chức BHTG thông qua việc giảm chi phí, hỗ trợ quá trình ra quyết định và thực thi nghiệp vụ BHTG như hạn mức, mức phí, chi trả, xử lý TCTD đổ vỡ, giám

sát TCTGBHTG. Việc ứng dụng công nghệ số đòi hỏi xây dựng một chiến lược chuyển đổi số. Việc thực thi chiến lược có nhiều thách thức rủi ro. Trong bối cảnh các TCTGBHTG tại Việt Nam đang tiến hành ứng dụng công nghệ số mạnh mẽ, BHTGVN cũng nên khởi xướng các hoạt động (hội thảo, đào tạo, tham gia các diễn đàn v.v) để tìm hiểu về công nghệ số, hình thành nhận thức đúng về công nghệ số để có thể ứng dụng công nghệ số phù hợp với điều kiện thực tế./.

Tài liệu tham khảo

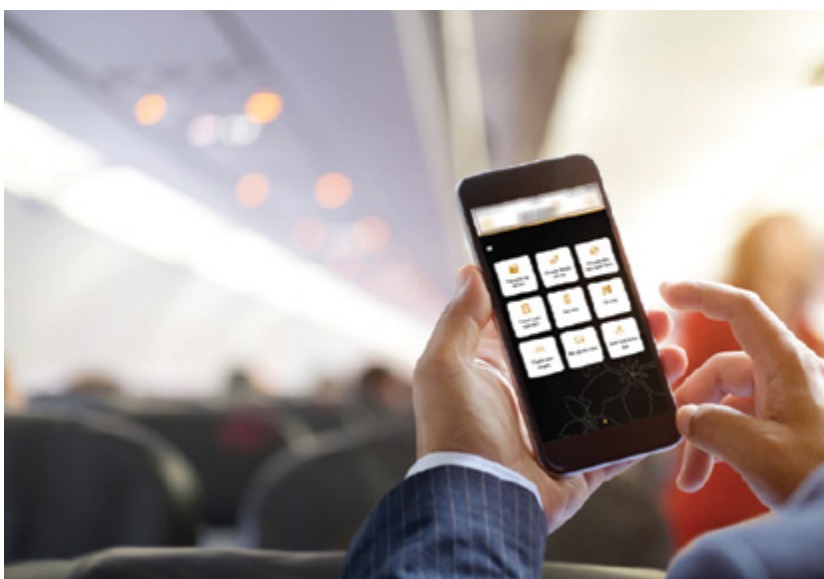
1. FDIC (2021), *IT Modernization Plan 2020 – 2024*
2. IADI (2021), *Fintech Brief No.2 – Data Standardisation*
3. IADI (2021), *Fintech Brief No.3 – Machine Learning Methods*
4. Bộ thông tin và truyền thông (2020), *Cẩm nang chuyển đổi số*
5. *Phiên họp trực tuyến của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số - phiên họp lần thứ nhất ngày 30/11/2021, Thủ tướng Chính phủ chủ trì.*

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ - XU THẾ TẤT YẾU ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

Phan Thanh Long
Trưởng phòng Công nghệ tin học - BHTGVN

Trong cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0, nếu không chuyển đổi số, không áp dụng công nghệ thông tin thì doanh nghiệp sẽ trở nên lạc hậu. Nhận thức được điều đó, thời gian qua, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã chú trọng công tác chuyển đổi số tại đơn vị thông qua việc áp dụng mạnh mẽ các công nghệ kỹ thuật số làm thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình hoạt động để nâng cao hiệu quả trong hoạt động.

Hiện nay, Việt Nam là một trong những quốc gia tiên phong trên thế giới đã xây dựng được chương trình chuyên đề về chuyển đổi số quốc gia được Chính phủ phê duyệt nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Trong đó, Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 đã chỉ rõ 8 lĩnh vực có tác động xã hội, liên quan hằng ngày tới người dân, thay đổi nhận thức nhanh nhất, mang lại hiệu quả, giúp tiết kiệm chi phí, cần ưu tiên chuyển đổi số trước, trong đó có lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ về chính sách chủ động tham gia cách mạng công nghiệp 4.0, chương trình chuyển đổi số quốc gia và chiến lược phát triển ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 810/QĐ-NHNN ngày 11/5/2021 về “Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, đây là cơ hội để các ngân hàng đẩy nhanh công cuộc chuyển đổi số và thiết lập hệ sinh thái ngân hàng số một cách toàn diện.



Chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả hoạt động

Để có thể định nghĩa một cách ngắn gọn và dễ hiểu, chuyển đổi số (Digital Transformation) là sự tích hợp các công nghệ số vào tất cả các lĩnh vực của một doanh nghiệp, tận dụng các công nghệ để thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình kinh doanh và cung cấp các giá trị mới cho khách hàng của doanh nghiệp đó cũng như tăng tốc các hoạt động kinh doanh.

Tại Việt Nam, khái niệm “Chuyển đổi số” thường được hiểu theo nghĩa là quá trình thay đổi từ mô hình doanh nghiệp truyền thống

sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet cho vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... nhằm thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc và văn hóa doanh nghiệp.

Dù với cách định nghĩa nào, chuyển đổi số – Digital Transformation cũng được xem là xu hướng phổ biến trong thời đại Internet bùng nổ. Đặc biệt, với doanh nghiệp, chuyển đổi số là “việc tích hợp, áp dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả kinh doanh, hiệu quả quản lý, nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của doanh nghiệp và tạo ra các giá trị mới”.

Để nhanh chóng thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số, doanh nghiệp cần hiểu được lợi ích của công nghệ số để có cách ứng dụng công nghệ số một cách logic, hiệu quả vào tất cả khía cạnh của doanh nghiệp mình:

Thứ nhất là, giúp xóa nhòa khoảng cách giữa các phòng ban: Công nghệ số giúp doanh nghiệp tối ưu hóa quy trình làm việc nhờ hệ thống tự động hóa và bán tự động. Các phòng ban được sẽ kết nối chặt chẽ hơn, có sự phối hợp nhịp nhàng với các phòng ban khác. Nhờ ứng dụng công nghệ số, mọi dữ liệu được sẽ cập nhật trên cùng một hệ thống duy nhất. Nhờ đó giúp ta giảm thời gian thao tác công việc và mọi hoạt động được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng.

Thứ hai là, tăng sự minh bạch, tối ưu hiệu quả trong hệ thống quản trị: Nhờ có các ứng dụng công nghệ số, các nhà quản lý có thể xem xét và đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên dễ dàng. Các kết quả sẽ được tự động sắp xếp theo thời gian cụ thể, chi tiết, rõ ràng để dễ theo dõi. Nhà quản lý có thể dễ dàng theo dõi bất kỳ khi nào, ở đâu và giảm thiểu được nhầm lẫn, sai sót trong quá trình rà soát, đánh giá.

Thứ ba là giúp tối ưu hóa năng suất làm việc: Có thể thay thế con người làm một số việc thủ công, giúp rút ngắn thời gian thực hiện một quá trình lặp đi lặp lại. Nhân viên có thể được giảm tải khối lượng công việc và có thời gian tập trung vào các công việc quan trọng, cần đến con người mà máy móc không thể làm được. Do đó, năng suất làm việc được cải thiện đáng kể. Doanh nghiệp đó sẽ sử dụng lao động hiệu quả hơn.

Thứ tư là, nâng cao sức mạnh cạnh tranh của doanh nghiệp: doanh nghiệp nào sử dụng nền tảng công nghệ số hóa thì có thể triển khai và vận hành hiệu quả, chính xác và chất lượng hơn những doanh nghiệp không sử dụng quá trình số hóa.

Trong quá trình chuyển đổi số, doanh nghiệp cần phải thực hiện một số hoạt động như sau:

Một là, số hóa dữ liệu quản lý, kinh doanh của doanh nghiệp. Có thể nói, số hóa được xem là bước chuyển mình đầu tiên trong công cuộc chuyển đổi số, là nền tảng cho quá trình chuyển đổi số hiện tại và thành công trong tương lai.

Hai là, áp dụng công nghệ số để tự động hóa, tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý, sản xuất kinh doanh, quy trình báo cáo, phối hợp công việc trong doanh nghiệp.

Ba là, chuyển đổi toàn bộ mô hình kinh doanh, tạo thêm giá trị mới cho doanh nghiệp.

Bốn là, công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cần thực hiện qua 3 yếu tố, đó là: Con người – Quy trình – Công nghệ. Trong đó, con người là yếu tố then chốt, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đảm bảo An toàn, an ninh thông tin cho tổ chức.

Các doanh nghiệp cần xác định việc sử dụng nền tảng số là xu thế tất yếu, nhằm nâng cao lợi ích cạnh tranh và tối ưu hóa quản trị doanh nghiệp, đặc biệt trong tình hình khó khăn do dịch Covid-19, dù ở quy mô nào nếu không thay đổi, nắm bắt kịp các xu hướng công nghệ doanh nghiệp sẽ khó tồn tại và phát triển.

Thay đổi phù hợp và đúng hướng sẽ là “nấc thang” đưa doanh nghiệp chạm đến tầng cao mới.

BHTGVN và quá trình chuyển đổi số

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN) là tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định về chính trị, an ninh và trật tự xã hội, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng tiền để cho ổn định và phát triển kinh tế.

Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, BHTGVN cần xác định “Chuyển đổi số” là nhiệm vụ rất quan trọng, là quá trình tất yếu để hoạt động hiệu quả hơn, chuyên nghiệp hơn, gia tăng năng suất lao động và xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của BHTGVN nói riêng cũng như của ngành Ngân hàng nói chung.

Để chuyển đổi số hiệu quả, BHTGVN cũng phải thực hiện theo các hoạt động sau:

Một là, cần chú trọng phát triển kho dữ liệu số thông qua việc tập trung thúc đẩy triển khai các dự án số hóa tài liệu và tài nguyên trên cơ sở tạo mới và tích hợp với cơ sở dữ liệu số sẵn có, đồng thời sử dụng các công nghệ mới để phân tích dữ liệu, biến đổi nó và tạo ra giá trị mới.

Hai là, tiếp tục khai thác, sử dụng có hiệu quả Hệ thống các phần mềm ứng dụng sẵn có, đồng thời từng bước nghiên cứu để chỉnh sửa, nâng cấp phần mềm đáp ứng được các yêu cầu nghiệp vụ thực tế và theo các quy định của Nhà nước

(Xem tiếp trang 35)

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ 4.0 ĐỂ NGƯỜI GỬI TIỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Phòng Kiểm soát nội bộ - BHTGVN

Kỷ nguyên công nghệ 4.0 không chỉ là thách thức mà còn là cơ hội cho các tổ chức tài chính truyền thống trong việc mở rộng dịch vụ hướng đến phạm vi người dùng rộng hơn. Đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi, một trong những lợi ích của việc ứng dụng công nghệ 4.0 là để người gửi tiền tiếp cận thông tin về bảo hiểm tiền gửi.

Thách thức và cơ hội cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi ứng dụng công nghệ 4.0

Ứng dụng công nghệ 4.0 trong thời đại mới đã tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức tín dụng huy động nguồn tiền gửi rộng hơn và cung cấp các dịch vụ đi kèm thông qua bên trung gian và các kênh điện tử, cụ thể là các ứng dụng trên máy tính, điện thoại thông minh. Thậm chí, các tổ chức tín dụng không có chi nhánh thực thể tại khu vực địa lý nhất định vẫn có thể mở rộng nguồn tiền từ cá nhân thông qua ứng dụng công nghệ. Ngoài các ứng dụng tiền gửi của tổ chức tín dụng truyền thống, các ứng dụng và dịch vụ tài chính được phát triển bởi các tổ chức không phải ngân hàng như nhà cung cấp viễn thông hay các công ty công nghệ cũng trở nên phổ biến và có lượng người dùng nhất định. Sự phát triển nhanh chóng này tạo nên một hệ thống thanh toán và tài chính khác hẳn những hệ thống đã quen thuộc trước đây (như ATM, chi phiếu, thẻ tín dụng...) bởi chúng được sáng tạo và phát triển từ các thực thể ngân hàng phi truyền thống, kết hợp với những hệ thống công nghệ mới.

Thời đại số đã tạo điều kiện cho việc tiếp cận thông tin trở nên nhanh chóng và tiện lợi hơn. Sự phổ biến của điện thoại thông minh và độ phủ khắp của mạng Internet đã thay đổi cách tiếp cận thông tin truyền thống của con người. Những hình thức thông tin truyền thống như báo in, truyền hình



đã dần bị thay thế bởi các thông tin nhanh, ngắn gọn trên mạng qua các ứng dụng thông tin, hệ thống mạng xã hội... Vì vậy thách thức đặt ra cho bên cung cấp thông tin và bên tiếp nhận thông tin là hai yếu tố nhanh chóng và chính xác.

Sự phát triển trong công nghệ tài chính qua các ứng dụng được cung cấp bởi các bên thứ ba và tín dụng phi truyền thống đang tạo ra những nguy cơ gây nhiễu loạn thông tin cho người gửi tiền sử dụng dịch vụ tài chính không hiểu rõ về chính dịch vụ mình đang sử dụng cũng như quyền lợi của bản thân, nguy cơ tiềm tàng cho việc xâm phạm quyền lợi của mình. Việc người gửi tiền vẫn còn mơ hồ về lợi ích của bảo hiểm tiền gửi hay quyền lợi trực tiếp của bản thân trong hoạt động gửi tiền của mình yêu cầu hệ thống bảo hiểm tiền gửi phải có

phương thức mới, áp dụng các công nghệ đã có sẵn hiệu quả tới người gửi tiền cũng như phát triển phương thức mới để khắc phục những điểm yếu trong việc mở rộng tiếp cận thông tin bảo hiểm tiền gửi.

Phương thức tiếp cận thông tin thông qua việc ứng dụng công nghệ 4.0

Không thể phủ nhận các phương thức tiếp cận thông tin truyền thống như website, Giấy chứng nhận Bảo hiểm tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, game show truyền hình, báo in, báo mạng đã phát huy vai trò nhất định, mở rộng độ phủ thông tin đến người gửi tiền tại Việt Nam. Tuy nhiên, như đã đề cập tới ở phía trên, trong thời đại công nghệ số như hiện nay, tổ chức Bảo hiểm tiền gửi cần hướng tới mở rộng các phương thức khác hữu hiệu

hơn, phủ rộng hơn. Các phương thức có thể kể tới bao gồm hợp tác cung cấp thông tin với các tổ chức tín dụng, các công ty công nghệ cung cấp dịch vụ tín dụng phi truyền thống cũng như xây dựng hệ thống cung cấp thông tin độc lập, chính thống của riêng hệ thống Bảo hiểm tiền gửi.

Hợp tác xây dựng cơ sở nguồn thông tin dựa trên ứng dụng công nghệ có sẵn

Ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính phát triển nhanh chóng trong nhiều năm trở lại đây, điển hình là việc hình thành các ngân hàng số, áp dụng các phương thức thanh toán phi tiền mặt hay các ứng dụng cho vay phi truyền thống.

Các tổ chức tín dụng truyền thống đã có những bước chuyển đổi vượt bậc trong việt số hoá dịch vụ ngân hàng. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tại Việt Nam hiện nay, 94% ngân hàng bước đầu triển khai hoặc đang nghiên cứu, xây dựng chiến lược chuyển đổi số, trong đó 59% ngân hàng đã bắt đầu triển khai chuyển đổi số trên thực tế.

Điều này tạo cơ hội cho một nền tảng triển khai cung cấp thông tin có phạm vi tiếp cận rộng hơn đến người gửi tiền. Việc hợp tác để phổ cập thông tin rộng rãi đến nhiều đối tượng hơn cần được đặt lên hàng đầu trong hoạt động thông tin của bảo hiểm tiền gửi. Ưu điểm của phương pháp này là phổ biến, nhanh chóng. Nền tảng cung cấp thông tin này đảm bảo thông tin người gửi tiền nhận được là cập nhật, chính xác và tường minh. Vì vậy, việc hợp tác với các nền tảng số hoá dịch vụ tài chính – ngân hàng chính là bước đầu tiên cho việc phổ biến thông tin bảo hiểm tiền gửi đến khách hàng nhanh chóng và hiệu quả.

Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin độc lập, chính thống của riêng hệ thống Bảo hiểm tiền gửi

Một hệ thống thông tin chính thống và tường minh, cung cấp trực tiếp đến người gửi tiền thật sự cần thiết trong kỷ nguyên số hoá hiện nay. Để xây dựng hệ thống như vậy, đầu tiên cần có kế hoạch xây dựng ứng dụng chính thức và thân thiện với người sử dụng trong việc kiểm soát khoản tiền gửi, khoản tiền được bảo hiểm cho tiền gửi cá nhân. Những điểm cần thiết cho ứng dụng bảo hiểm tiền gửi bao gồm các vấn đề như sau:

Một là, xây dựng hệ thống thông tin hoàn chỉnh, dễ hiểu và dễ tiếp cận tích hợp trong ứng dụng. Nội dung thông tin cần bám sát hệ thống pháp luật bảo hiểm tiền gửi hiện hành như Luật Bảo hiểm tiền gửi 2012 và các văn bản hướng dẫn, quy định cập nhật về bảo hiểm tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước, được xây dựng theo ngôn ngữ thân thiện với người đọc. Hệ thống thông tin này cũng phải được cập nhật thường xuyên, tránh gây nhiễu loạn thông tin cho người gửi tiền.

Hai là, tích hợp thông tin tiền gửi của người gửi tiền: Yêu cầu này cần có sự nghiên cứu kỹ lưỡng về các vấn đề thông tin của người gửi tiền. Các câu hỏi đặt ra bao gồm các thông tin nào của người gửi tiền được lưu trữ trên ứng dụng, điều khoản ràng buộc về thông tin đối với bên cung cấp dịch vụ công nghệ về bảo mật, điều khoản bảo mật... Việc quản lý thông tin tiền gửi, bảo hiểm tiền gửi của từng cá nhân cũng cần có sự hợp tác, trao đổi thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Ba là, đảm bảo bảo mật thông tin: Đây là vấn đề được đặt ra đối với việc ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực

tài chính – ngân hàng nói chung. Mọi thông tin cá nhân của người gửi tiền bao gồm thông tin cơ bản cũng như thông tin về khoản tài chính của người gửi tiền là những thông tin nhạy cảm, dễ dàng bị lợi dụng vì mục đích xấu. Vì vậy mục tiêu lớn của bảo mật ứng dụng là cân nhắc kỹ về việc yêu cầu người gửi tiền cung cấp những thông tin nào, xây dựng cơ sở bảo mật thông tin cho ứng dụng đảm bảo không có lỗ hổng.

Bốn là, hệ thống cơ sở ứng dụng dễ sử dụng, có đội ngũ kỹ thuật viên vận hành hiệu quả: Bước đầu xây dựng một ứng dụng công nghệ tài chính cần có sự đầu tư về cơ sở kỹ thuật và hạ tầng. Độ phổ biến và phát triển công nghệ tài chính tạo điều kiện thuận lợi lớn cho việc xây dựng ứng dụng. Tuy nhiên cũng cần có sự đầu tư về mặt nhân lực vận hành ứng dụng này suôn sẻ, đáp ứng được đủ nhu cầu thông tin và quản lý tài chính cá nhân của người gửi tiền.

Dù áp dụng phương thức tiếp cận nào thì việc bắt kịp công nghệ hiện đại, thích ứng và mở rộng phạm vi tiếp cận thông tin đến người gửi tiền với hoạt động bảo hiểm tiền gửi cũng rất cấp thiết trong kỷ nguyên 4.0 hiện nay.

Cốt lõi của việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng nói chung và bảo hiểm tiền gửi nói riêng là lấy khách hàng làm trung tâm, cụ thể là đặt yêu cầu về tính chính xác, nhanh chóng của thông tin và quyền lợi người gửi tiền làm mục tiêu hàng đầu trong quá trình quản trị, đầu tư công nghệ. Vì thế, không chỉ hướng tới mục đích mở rộng khả năng và phương thức tiếp cận thông tin của người gửi tiền, ứng dụng công nghệ 4.0 còn là công cụ hữu hiệu mở rộng tầm phạm vi và định hướng người gửi tiền tự bảo vệ quyền lợi của mình thông qua cơ chế bảo hiểm tiền gửi./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁM SÁT THÔNG QUA VIỆC TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ

Phòng Giám sát - BHTGVN

Với vai trò bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền góp phần duy trì sự ổn định của các tổ chức tín dụng, đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN) đã không ngừng ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đẩy mạnh chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả hoạt động nghiệp vụ.

Cơ sở pháp lý

Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định: “Đến năm 2025, kinh tế số đạt khoảng 20% GDP. Định hướng giai đoạn 2021-2030, Việt Nam đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hòa, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế”. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 50/NQ-CP, ngày 17/4/2020 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Với khuôn khổ pháp lý quan trọng, định hướng và chủ trương của Đảng và Chính phủ, các Bộ, ngành của Việt Nam ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của cách mạng công nghệ 4.0, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động, đặc biệt là chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng. Một trong các mục tiêu cụ thể tại “Kế hoạch chuyển



đổi số ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được Thống đốc Ngân hàng nhà nước phê duyệt, đến năm 2025 “Ít nhất 50% hoạt động kiểm tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của Ngân hàng Nhà nước; Ít nhất 50% các nghiệp vụ ngân hàng cho phép khách hàng có thể thực hiện hoàn toàn trên môi trường số”; và đến năm 2030 tỷ lệ này ước đạt 70%, đây là cơ hội để các ngân hàng đẩy nhanh công cuộc chuyển đổi số của mình.

BHTGVN là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu

lợi nhuận. Luật Bảo hiểm tiền gửi quy định, BHTGVN Tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi nhằm phát hiện và kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý kịp thời những sai phạm quy định về an toàn hoạt động ngân hàng, rủi ro gây mất an toàn trong hệ thống ngân hàng; Bảo đảm bí mật số liệu tiền gửi và tài liệu liên quan đến bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật”. Trên cơ sở Luật Bảo hiểm tiền gửi, BHTGVN đã chủ động nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị và điều hành nội bộ như Quy chế giám sát đối với các tổ chức tham gia bảo

hiểm tiền gửi; Hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát đối với các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; Quy chế thông tin báo cáo về tiền gửi được bảo hiểm... để thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả giám sát các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước là hết sức cần thiết, sẽ góp phần đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng, nâng cao năng lực và vị thế của BHTGVN trên thị trường tài chính, tiền tệ.

Chuyển đổi số và tầm quan trọng của chuyển đổi số

“Chuyển đổi số” là quá trình thay đổi từ mô hình doanh nghiệp truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet cho vạn vật (IoT) ... nhằm thay đổi phương thức quản trị doanh nghiệp, tổ chức, quy trình làm việc, văn hóa doanh nghiệp.

Báo cáo đến từ những công ty chuyên nghiên cứu thị trường lớn như IDC, Gartner... đều cho thấy chuyển đổi số thực sự rất quan trọng và nhiều lợi ích của chuyển đổi số có ảnh hưởng tới mọi mặt hoạt động doanh nghiệp. Dựa trên nghiên cứu của Microsoft năm 2017: Tại châu Á, chuyển đổi số mang đến tác động GDP khoảng 6%, năm 2019 là 25%, năm 2021 là 60%.

Những lợi ích dễ dàng nhận biết nhất của chuyển đổi số với doanh nghiệp đó là giảm chi phí vận hành, tiếp cận khách hàng trong thời gian dài, lãnh đạo dễ dàng báo cáo kịp thời và tối ưu hóa được năng suất lao động cho nhân viên... Những điều

này làm tăng tính hiệu quả cũng như sự cạnh tranh tổ chức, doanh nghiệp được nâng cao.

Đối với con người bình thường, chuyển đổi số làm thay đổi phong cách sống của chúng ta. Đối với nhà nước, chuyển đổi số dùng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi trải nghiệm người dùng với các dịch vụ do nhà nước cung cấp, làm thay đổi nghiệp vụ, mô hình cùng phương thức hoạt động của cơ quan nhà nước.

Ở Việt Nam, mô hình chuyển đổi số đã và đang tạo ra nhiều dịch vụ và tiện ích có giá trị cao cho nhân dân, tận dụng được nguồn lực nhân rỗi của xã hội. Với dân số hiện tại là 96 triệu dân Việt Nam có nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh, mạnh mẽ nhất nhì tại khu vực, nắm giữ dân số trẻ, năng động và có khả năng tiếp cận công nghệ cao, nhanh chóng. Đây là những cơ hội mạnh mẽ để những doanh nghiệp tại Việt Nam tạo sự đột phá trên thị trường chuyển đổi số.

Với hệ thống ngân hàng, theo số liệu thống kê của Ngân hàng Nhà nước, có đến 95% tổ chức tín dụng đã và đang xây dựng hoặc dự tính sẽ xây dựng chiến lược chuyển đổi số, 39% tổ chức đã phê duyệt chiến lược chuyển đổi số hoặc tích hợp trong chiến lược phát triển kinh doanh công nghệ thông tin. Có 42% tổ chức đang xây dựng chiến lược chuyển đổi số. Dự kiến trong vòng 3-5 năm tới, các ngân hàng số sẽ có mức tăng trưởng doanh thu tối thiểu là 10%, và có 58,1% tổ chức tín dụng đặt kỳ vọng thu hút hơn 60% khách hàng sử dụng kênh giao dịch số, kỳ vọng tỷ lệ tăng trưởng khách hàng đạt trên 50%. Điều này cho thấy mức độ chuyển đổi số trong ngành ngân

hàng tại Việt Nam đang có dấu hiệu chuyển biến mạnh mẽ.

Đối với BHTGVN, thời gian qua BHTGVN luôn chú trọng và ứng dụng công nghệ thông tin thúc đẩy chuyển đổi số trong các hoạt động nghiệp vụ của mình. Việc đưa vào vận hành Hệ thống thông tin tiền gửi được bảo hiểm (ICM), Hệ thống quản lý thông tin và hiện đại hoá ngân hàng (FSMIMS)... giúp tin học hóa toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ của BHTGVN. Nhờ ứng dụng chuyển đổi số mà các quy trình nghiệp vụ đã được thay đổi từ thủ công sang tự động, từ lưu văn bản giấy sang lưu dữ liệu, từ các bước quy trình riêng lẻ sang triển khai nghiệp vụ có tính kết nối hệ thống và được thống nhất từ Trụ sở chính đến Chi nhánh BHTGVN.

Ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động nghiệp vụ giám sát

Quy chế giám sát các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi của BHTGVN quy định: “Thông tin để thực hiện giám sát các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi gồm: Thông tin, báo cáo về tiền gửi được bảo hiểm; Thông tin về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi mà BHTGVN được tiếp nhận từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các thông tin khác”. BHTGVN thực hiện thu thập và tiếp nhận các thông tin này để thực hiện giám sát các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Trước năm 2017, quy trình nghiệp vụ giám sát các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đa phần được thực hiện thủ công, việc thu thập thông tin tiền gửi được bảo hiểm từ các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được thực hiện bằng văn bản do các đơn vị cung cấp, thời gian các đơn vị gửi không đồng nhất, nhiều khi

văn bản bị thất lạc trong quá trình vận chuyển dẫn đến việc thu thập thông tin về tiền gửi được bảo hiểm nhiều khi không đầy đủ. Các phần mềm Divas Supervision, CISM hỗ trợ nghiệp vụ giám sát nhưng mới chỉ có các chức năng cơ bản, đáp ứng được các nghiệp vụ tối thiểu và không có sự tích hợp, kết nối dữ liệu toàn hệ thống.

Từ năm 2017 đến nay, BHTGVN đã ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập thông tin về tiền gửi được bảo hiểm từ các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bằng việc đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin tiền gửi được bảo hiểm (ICM). Từ khi hệ thống ICM được vận hành, số liệu về tiền gửi được bảo hiểm từ các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cung cấp cho BHTGVN được tự động hóa, các đơn vị cung cấp dữ liệu theo định kỳ tháng, quý và báo cáo điện tử về kho dữ liệu của BHTGVN. BHTGVN cũng đã xây dựng hệ thống công nghệ thông tin để tiếp nhận thông tin chia sẻ từ Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư 34/2016/TT-NHNN quy định việc cung cấp thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước và BHTGVN, định kỳ BHTGVN tiếp nhận thông tin từ kho dữ liệu của Ngân hàng Nhà nước, những dữ liệu này là cơ sở để BHTGVN tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Việc đưa vào hoạt động Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng (FSMIMS) với phân hệ giám sát rủi ro gồm các chức năng: Thu thập thông tin giám sát; Phân tích rủi ro; Xếp hạng tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi... kết hợp với công cụ phân tích Oracle Advanced Analysis, BHTGVN đã tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi nhằm phát hiện và



kiến nghị Ngân hàng Nhà nước xử lý kịp thời những vi phạm quy định về an toàn hoạt động ngân hàng, rủi ro gây mất an toàn hệ thống. Từ đó, bảo vệ tốt quyền lợi của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

Theo thống kê của BHTGVN, từ khi ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ, đến thời điểm hiện tại, 98,8% tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đã tuân thủ thực hiện gửi thông tin về tiền gửi được bảo hiểm theo đúng quy định của BHTGVN. Hầu hết dữ liệu của các mẫu biểu báo cáo của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng hợp tác BHTGVN tiếp nhận từ Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư 34/2016/TT-NHNN đúng quy định; Dữ liệu của 1.170/1.181 quỹ tín dụng nhân dân (chiếm 99%) BHTGVN tiếp nhận từ Ngân hàng Nhà nước đầy đủ, tất cả các dữ liệu này được lưu trữ tập trung tại kho dữ liệu của BHTGVN. Có thể nói, ứng dụng công nghệ thông

tin trong hoạt động giám sát không chỉ giúp BHTGVN tổng hợp, phân tích các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi một cách chính xác mà còn giúp cho BHTGVN tiết kiệm được thời gian và nguồn lực hơn so với hình thức nghiệp vụ truyền thống, đặc biệt trong thời gian dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến phức tạp, góp phần khẳng định BHTGVN là một tổ chức tài chính không thể thiếu trong việc bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh hoạt động ngân hàng.

Để nâng cao hiệu quả giám sát thông qua ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động nghiệp vụ và phát huy vai trò bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, trong thời gian tới BHTGVN cần:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghiệp vụ.

Thứ hai, tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng và đồng bộ hóa dữ liệu toàn hệ thống BHTGVN với phương châm chuyển

đổi số để hội nhập và phát triển.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế chính sách, khung khổ pháp lý trong hoạt động nghiệp vụ để thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

Thứ tư, không ngừng cải tiến các phần mềm đang sử dụng bằng việc nâng cấp, chỉnh sửa các chức năng trên hệ thống FSMIMS và hệ thống ICM, đảm bảo có các giải pháp công nghệ phù hợp đáp ứng được các yêu cầu nghiệp vụ hiện tại.

Thứ năm, tăng cường công tác đào

tạo, đào tạo lại, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giúp cho các cán bộ được trang bị những kỹ năng, phát triển năng lực thích ứng với công nghệ mới.

Đồng thời, đề xuất với Ngân hàng nhà nước tiếp tục quan tâm hỗ trợ và cung cấp đầy đủ thông tin, báo cáo theo danh mục BHTGVN được tiếp nhận tại Thông tư 34/2016/TT-NHNN, Thông tin cho BHTGVN các nội dung thay đổi tại Thông tư 34/2016/TT-NHNN để BHTGVN triển khai các nghiệp vụ được kịp thời theo quy định. Đồng thời nghiên

cứu, chỉnh sửa, bổ sung Thông tư 34/2016/TT-NHNN để phù hợp với thực tiễn và các văn bản pháp lý hiện hành./.

Tài liệu tham khảo

- Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tạp chí Tài chính tiền tệ.

- Báo cáo giám sát.

- <http://div.gov.vn>.

- <http://sbv.gov.vn>.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ...

(Tiếp trang 29)

và của ngành Ngân hàng. Thực hiện việc cải thiện hoặc kích hoạt quy trình nghiệp vụ bằng các công nghệ kỹ thuật số và dữ liệu số hóa như: Triển khai giải pháp Văn phòng điện tử để Ban lãnh đạo có thể điều hành và quản lý công việc từ xa mọi, lúc mọi nơi, quản lý công việc đã giao một cách rõ ràng, minh bạch; Báo cáo quản trị có vai trò quan trọng, phục vụ nhu cầu bên trong nội bộ, là nguồn dữ liệu thông tin tổng hợp để Ban lãnh đạo đưa ra các quyết định, chiến lược phù hợp và chính xác hơn. Một hệ thống báo cáo quản trị đầy đủ và chuyên nghiệp sẽ cung cấp cho người lãnh đạo toàn cảnh về doanh nghiệp, ở từng khía cạnh, góc nhìn khác nhau thông qua việc tự động tổng hợp và hiển thị các chỉ tiêu cần thiết sẽ phản ánh được hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ của BHTGVN.

Ba là, để “Chuyển đổi số” thành công và bền vững thì việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin là phần xuyên suốt không thể tách rời của quá trình Chuyển đổi số. BHTGVN cần triển khai thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin một cách đồng bộ, từ việc đầu tư trang thiết bị, các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin một cách tổng thể cho đến người sử dụng. Trong đó, việc nâng cao hiểu biết, kỹ năng và ý thức tuyệt đối chấp hành các quy tắc đảm bảo an toàn thông tin của mỗi người sử dụng là yếu tố cốt lõi. Các hệ thống dù được đầu tư tốt nhưng người vận hành, người sử dụng thiếu kiến thức, chủ quan trong việc đảm bảo an toàn thông tin cũng đều có thể trở thành lỗ hổng để tin tặc khai thác, tấn công vào hệ thống bên trong.

Những kết quả đạt được trong thời gian qua khẳng định Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã chú trọng công tác Chuyển đổi số tại đơn vị thông qua việc áp dụng mạnh mẽ các công nghệ kỹ thuật số làm thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình hoạt động để nâng cao hiệu quả trong hoạt động của BHTGVN. Tuy nhiên, để đẩy nhanh công cuộc Chuyển đổi số và góp phần thiết lập hệ sinh thái ngân hàng số một cách toàn diện thì vẫn còn một chặng đường rất dài với nhiều vấn đề đặt ra cần được giải quyết. Trong đó, việc nâng cao nhận thức, quyết tâm về “Chuyển đổi số” có ý nghĩa hết sức quan trọng./.

CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH CÔNG TÁC KIỂM TRA CÁC TỔ CHỨC THAM GIA BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Phòng Kiểm tra - BHTGVN

Quý IV/2021 đánh dấu sự thay đổi lớn trong hoạt động kiểm tra của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN) đối với các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. Công tác kiểm tra được triển khai thực hiện Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế kiểm tra của BHTGVN đối với các tổ chức tham gia BHTG do Hội đồng quản trị BHTGVN ban hành và có hiệu lực từ ngày 27/9/2021. Bên cạnh đó, BHTGVN đẩy mạnh công tác kiểm tra đối với quỹ tín dụng nhân dân theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ngay khi tình hình dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tại một số địa phương nhằm đảm bảo tiến độ báo cáo NHNN qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế kiểm tra của BHTGVN đối với các tổ chức tham gia BHTG

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế kiểm tra của BHTGVN đối với các tổ chức tham gia BHTG là tất yếu, phù hợp với các nhiệm vụ mới, trong đó bao gồm việc hỗ trợ công tác kiểm tra của NHNN đối với quỹ tín dụng nhân dân mà BHTGVN đang triển khai từ năm 2019 đến nay liên quan đến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2019 về việc tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố vững chắc hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và chỉ đạo của Thống đốc NHNN tại Chỉ thị số 06/CT-NHNN ngày 02/10/2018 về việc chấn chỉnh, tăng cường phòng, chống, ngăn ngừa vi phạm pháp luật nhằm đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động trong hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Nội dung này đã được Hội đồng quản trị đưa vào Chương trình xây dựng quản trị, điều hành của BHTGVN năm 2021, trong đó giao Phòng Kiểm tra - Trụ sở chính làm đầu mối xây dựng và dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều



của Quy chế kiểm tra của BHTGVN đối với các tổ chức tham gia BHTGVN.

Qua quá trình triển khai nghiên cứu, xây dựng, xin ý kiến và thẩm định, ngày 27/9/2021 HĐQT đã ký ban hành Quyết định số 609/QĐ-BHTG về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế kiểm tra của BHTGVN đối với tổ chức tham gia BHTG ban hành kèm theo Quyết định số 801/QĐ-BHTG-HĐQT ngày 30/12/2015 của Hội đồng quản trị,

đánh dấu cho những điểm mới trong hoạt động kiểm tra của BHTGVN và được quán triệt triển khai ngay trong quý IV/2021, tạo sự thống nhất cho việc triển khai trong toàn hệ thống BHTGVN. Trong đó, bổ sung các quy định về hoạt động kiểm tra trên diện rộng; làm rõ hơn quy định về cách xác định các trường hợp kiểm tra đột xuất; bổ sung quy định về thời hạn và thời kỳ kiểm tra; sửa đổi về thời hạn trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kiểm tra của năm

tiếp theo cho phù hợp với quy định về lập và quản lý thực hiện kế hoạch tài chính của BHTGVN và đặc biệt là HĐQT đã dành một mục quy định về cách thức triển khai hoạt động kiểm tra các quỹ tín dụng nhân dân theo yêu cầu của NHNN hàng năm nhằm đạt được thống nhất trong toàn hệ thống và hiệu quả trong quá trình thực hiện.

Ngoài ra, ngay sau khi Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế kiểm tra của BHTGVN đối với các tổ chức tham gia BHTG được ban hành, căn cứ quy định tại Quy chế ban hành văn bản quản trị, điều hành của BHTGVN, ngày 06/10/2021, Hội đồng quản trị đã ký ban hành Văn bản hợp nhất 02 Quyết định số 801/QĐ-BHTG-HĐQT ngày 30/12/2015 về việc ban hành Quy chế kiểm tra của BHTGVN đối với tổ chức tham gia BHTG và Quyết định số 609/QĐ-BHTG về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế kiểm tra của BHTGVN đối với tổ chức tham gia BHTG ban hành kèm theo Quyết định số 801/QĐ-BHTG-HĐQT ngày 30/12/2015 của Hội đồng quản trị. Điều này đã tạo cơ sở thuận tiện cho việc tra cứu văn bản trong quá trình triển khai hoạt động kiểm tra của BHTGVN tại các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, cũng như việc đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác kiểm tra của BHTGVN trong thời gian tới.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra đối với quỹ tín dụng nhân dân theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước

Năm 2021 tiếp tục là một năm chịu sự ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh Covid-19 tại hầu hết các tỉnh, thành phố trên cả nước với 02 đợt dịch lớn tính từ đầu năm cho tới nay, đặt ra nhiều thách thức không nhỏ cho

việc thực hiện kế hoạch kiểm tra đối với các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đã được HĐQT phê duyệt; cũng như tiến độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra đối với các quỹ tín dụng nhân dân theo yêu cầu của NHNN.

Đối với công tác kiểm tra theo kế hoạch của BHTGVN đối với các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi năm 2021, trước những ảnh hưởng không nhỏ của dịch bệnh Covid-19, tính chung 9 tháng đầu năm 2021, toàn hệ thống đã hoàn thành kiểm tra đối với 199 tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, đạt 57% kế hoạch kiểm tra năm 2021 được HĐQT phê duyệt và Tổng giám đốc giao. Điều này đặt ra những thách thức không nhỏ trong việc hoàn thành mục tiêu kép: vừa hoàn thành kế hoạch được giao vừa đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh cho các cán bộ làm công tác kiểm tra. Theo đó, để hoàn thành 100% kế hoạch kiểm tra năm 2021 đã được HĐQT phê duyệt song song với việc hoàn thành kế hoạch kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân theo yêu cầu của NHNN, trong quý IV/2021 cũng như cả năm 2021, Công tác kiểm tra được hoàn tất ngay từ khâu chuẩn bị, liên tục cập nhật tình hình dịch bệnh; xây dựng kế hoạch kiểm tra chi tiết để sẵn sàng triển khai ngay khi dịch bệnh được kiểm soát. Song song với đó, công tác kiểm tra luôn được điều chỉnh linh hoạt thông qua việc giảm kế hoạch kiểm tra tại những địa phương có tình hình dịch bệnh căng thẳng; các vấn đề lưu ý khi thực hiện công tác kiểm tra đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi nhằm đảm bảo tiến độ kiểm tra và đẩy nhanh công tác kiểm tra bám sát từng cấp độ chống dịch tại địa phương nơi đối tượng kiểm tra đặt trụ sở chính, áp dụng cụ thể tại các địa bàn có nguy cơ dịch bệnh ở mức

thấp; địa bàn có nguy cơ dịch bệnh cao hoặc địa bàn phải thực hiện dân cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với công tác kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân theo chỉ đạo của NHNN, do tất cả các quỹ tín dụng nhân dân này đều nằm trên địa bàn các tỉnh, thành phố có dịch bệnh bùng phát căng thẳng, phức tạp, vì vậy bộ phận Kiểm tra Trụ sở chính đã chủ động phối hợp với các Chi nhánh BHTGVN liên hệ với NHNN Chi nhánh, chính quyền địa phương nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính nhằm nắm bắt tình hình dịch bệnh, khả năng thực hiện công tác đối chiếu trực tiếp đối với khách hàng gửi tiền, cũng như vay vốn tại quỹ tín dụng nhân dân. Từ đó, Phòng Kiểm tra Trụ sở chính thực hiện rà soát và tham mưu cho Tổng giám đốc có công văn gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng để xuất một số giải pháp liên quan đến việc thực hiện công tác đối chiếu trực tiếp đối với khách hàng gửi tiền, cũng như vay vốn tại quỹ tín dụng nhân dân; số lượng quỹ tín dụng nhân dân hoàn thành trong năm 2021; thời hạn gửi báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra theo yêu cầu của NHNN nhằm có thể thực hiện một cách tối đa kế hoạch kiểm tra đối với các quỹ tín dụng nhân dân trong điều kiện dịch bệnh vẫn có chiều hướng phức tạp tại nhiều địa phương.

Với những điểm nhấn quan trọng trên đây, BHTGVN đã và đang chủ động hoàn thành công tác kiểm tra theo kế hoạch đã được đề ra cả về số lượng, cũng như chất lượng và yêu cầu đặt ra ngay trong quý IV/2021/.

TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG SỐ TĂNG NHANH VÀ KỶ VỌNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG LẠC QUAN

Phòng Giám sát - BHTGVN

Tính đến cuối quý IV/2021, tổng số ngân hàng tham gia bảo hiểm tiền gửi là 97 ngân hàng, trong đó 35 ngân hàng thương mại Việt Nam, 02 ngân hàng liên doanh, 51 chi nhánh ngân hàng nước ngoài và 09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

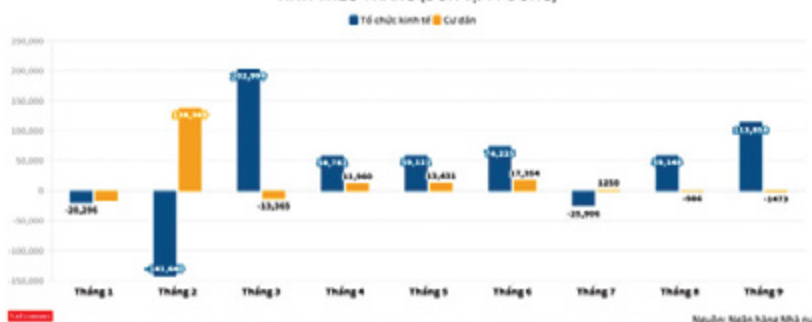
Quyền lợi của người gửi tiền được bảo vệ cao hơn

Ngày 20/10/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 32/2021/QĐ-TTg về hạn mức trả tiền bảo hiểm. Theo đó, số tiền tối đa tổ chức bảo hiểm tiền gửi trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi (gồm cả gốc và lãi) của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm là 125 triệu đồng. Như vậy, hạn mức chi trả tối đa đã tăng thêm 50 triệu đồng so với quy định tại Quyết định số 21/2017/QĐ-TT (75 triệu đồng). Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12/12/2021 và thay thế Quyết định số 21/2017/QĐ-TTg.

Huy động vốn sụt giảm từ khu vực dân cư

Theo số liệu từ NHNN, tăng trưởng huy động giảm rõ rệt do tiền gửi khu vực dân cư có xu hướng giảm kể từ đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4. Cụ thể, tổng lượng tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (TCTD) đạt 10,55 triệu tỷ đồng tính đến hết tháng 9/2021, tăng 11,2% so với cùng kỳ (thấp hơn so với mức 12,6% vào năm 2020), chủ yếu là do mức tăng trưởng sụt giảm mạnh từ tiền gửi khu vực dân cư.

TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ VÀ CƯ DÂN NĂM 2021 TÍNH THEO THÁNG (ĐƠN VỊ: TỶ ĐỒNG)



Trước tình hình dịch bệnh và giãn cách xã hội trong thời gian qua làm cho việc mở rộng kinh doanh gặp nhiều khó khăn, trong khi lãi suất tiền gửi ở mức rất thấp khiến phần lớn tiền nhàn rỗi trong cư dân chảy vào các kênh sinh lời cao hơn nhưng rủi ro hơn như chứng khoán và bất động sản. Chỉ trong vòng 10 tháng đầu năm 2021, nhà đầu tư cá nhân tại Việt Nam đã mở mới hơn 1 triệu tài khoản chứng khoán, cao hơn tổng số tài khoản đã được mở trong cả 4 năm 2017 - 2020 cộng lại.

Tăng trưởng tín dụng cao hơn cùng kỳ năm trước

Trong 9 tháng đầu năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch COVID-19 nhưng tín dụng tăng ngay từ đầu năm và cải thiện hơn cùng kỳ năm 2020. Theo số liệu của NHNN, tổng dư nợ tín dụng và đầu tư của toàn hệ thống TCTD tại Việt Nam tăng 7,42% so với cuối năm 2020, cao

hơn so với cùng kỳ năm 2020 (cùng kỳ năm 2020 tăng 5,48%).

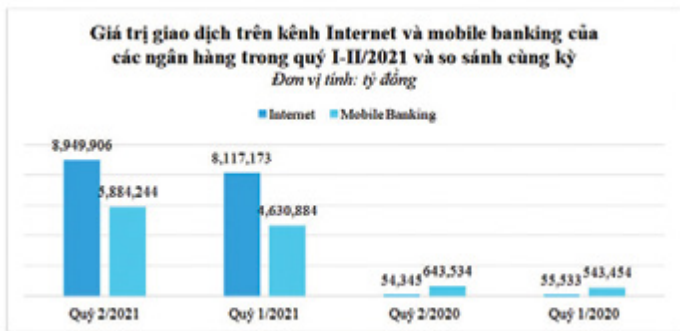
Theo số liệu cập nhật từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN), tính đến ngày 29/10/2021, tín dụng toàn nền kinh tế đạt 9.994.371 tỷ đồng, xấp xỉ 10 triệu tỷ đồng, tăng 8,72% so với cuối năm 2020 (cùng kỳ năm 2020 tăng 6,48%). Như vậy, chỉ trong tháng 10, tín dụng toàn nền kinh tế đã tăng 1,3%, tương đương khoảng 120.000 tỷ đồng được cho vay ra thị trường. Hầu hết các ý kiến nhận định rằng khi nền kinh tế hoạt động trở lại, nhu cầu tín dụng tăng lên, dư nợ tín dụng trong thời gian tới sẽ tăng mạnh hơn. Tăng trưởng tín dụng cả năm 2021 được dự báo sẽ đạt khoảng 12-13%.

Tốc độ phát triển ngân hàng số tăng nhanh

Đại dịch Covid-19 được cho là yếu tố thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi hình thức hoạt động của ngân

hàng từ giao dịch tại quầy sang số hóa phi vật lý. Hiện tại, xu hướng hợp tác của ngân hàng và Fintech tại Việt Nam ngày càng trở nên sôi động, nhiều dự án đầu tư của ngân hàng vào các công ty Fintech khởi nghiệp hoạt động có hiệu quả. Thống kê của NHNN cho thấy: 72% các công ty Fintech đã liên kết với ngân hàng tại Việt Nam, chỉ có 14% phát triển dịch vụ mới và 14% sẵn sàng cạnh tranh với ngân hàng.

Ở góc độ thói quen giao dịch, có thể nhận thấy, làn sóng COVID-19 đã thay đổi toàn diện thói quen sử dụng sản phẩm dịch vụ online của người dùng; đặt ra bài toán cho rất nhiều ngân hàng phải chạy nước rút xây dựng hệ sinh thái số và cạnh tranh về những tính năng ưu việt, tiện lợi cho khách hàng. Theo báo cáo của NHNN, giá trị giao dịch trên kênh Internet và mobile banking của các ngân hàng trong quý II/2021 đạt 14.834 nghìn tỷ, tăng 21,3 lần so với cùng kỳ, riêng kênh mobile banking tăng 9,1 lần.

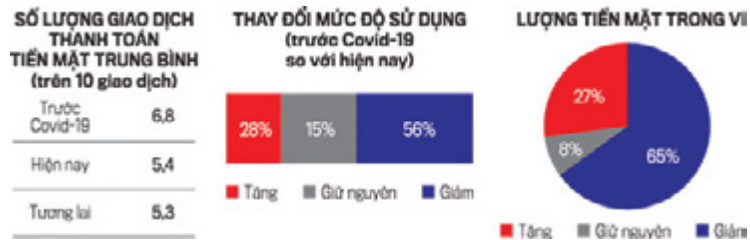


Nguồn: NHNN

Tại hội thảo “Phát triển ngân hàng thông minh trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trong khuôn khổ Diễn đàn cấp cao về Công nghiệp 4.0, Phó Thống đốc NHNN Phạm Tiến Dũng cho biết, trong thời gian qua, hoạt động chuyển đổi số của ngành ngân hàng đã đạt được những kết quả tích cực. Các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 được ứng dụng mạnh mẽ và rộng rãi vào các dịch vụ ngân hàng cốt lõi, thanh toán trên thiết bị di động tăng trưởng mạnh hàng năm, 90% về số lượng, 150% về giá trị, nhiều ngân hàng có trên 90% giao dịch trên kênh số.

Theo Visa, tại Việt Nam, thanh toán bằng tiền mặt đã giảm đáng kể trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Trước đại dịch Covid-19, cứ 10 giao dịch thì có 6,8 giao dịch trả tiền mặt, nhưng trong dịch, con số này giảm xuống chỉ còn 5,4 giao dịch. Đồng thời, số lượng giao dịch tiền mặt trung

bình cũng giảm đáng kể từ trước dịch và 65% người nói rằng giảm tiền mặt trong ví để chuyển sang thanh toán thẻ, ví điện tử, thanh toán không tiếp xúc.



Nguồn: VnEconomy

Khảo sát của McKinsey & Company chỉ ra rằng, 80% khách hàng Việt Nam sử dụng ngân hàng số ít nhất 1 lần/tháng, trong khi con số này trong năm 2017 chỉ là 41%; 56% khách hàng sẵn sàng sử dụng các giải pháp tài chính khác từ các công ty fintech; 70% người Việt được khảo sát nói rằng sẵn sàng mua sản phẩm trực tuyến, có 30% thực sự mua các sản phẩm dịch vụ trực tuyến.

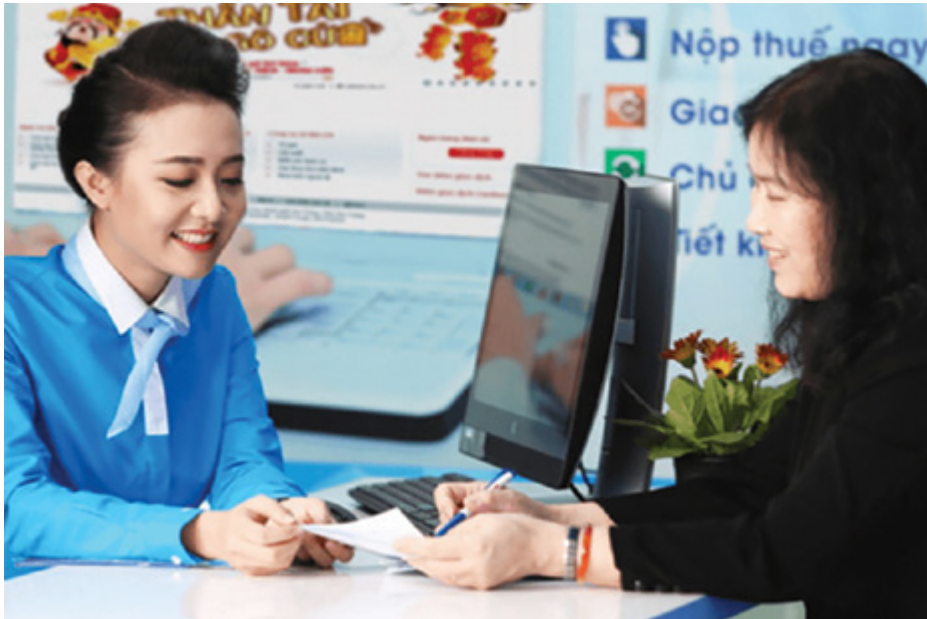
Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích của ngân hàng số như mang lại thuận tiện cho khách hàng, tiết giảm chi phí hoạt động của các ngân hàng thì các ngân hàng cũng phải đối mặt với một số nguy cơ rủi ro mới, như: rủi ro về an ninh, an toàn hệ thống thông tin khi tình trạng lừa đảo trên nền tảng kỹ thuật số ngày càng gia tăng; rủi ro về rào cản pháp lý liên quan đến thiếu các chuẩn mực hoặc chưa đồng bộ quy định về bảo mật an toàn thông tin.

Kỳ vọng lợi nhuận tăng trưởng lạc quan

Theo kết quả cuộc điều tra xu hướng kinh doanh của các TCTD quý IV/2021 của Vụ Dự báo Thống kê, NHNN, có 40,6% TCTD kỳ vọng kết quả hoạt động kinh doanh quý IV/2021 sẽ tăng trưởng so với quý III/2021.

Cụ thể, trong quý IV/2021, 40,6% TCTD kỳ vọng kết quả hoạt động kinh doanh tăng trưởng so với quý III/2021, 41,6% TCTD kỳ vọng “không đổi” và 17,8% TCTD lo ngại kết quả hoạt động kinh doanh suy giảm.

Dự kiến trong thời gian tới, có 54% TCTD kỳ vọng tình hình kinh doanh cải thiện hơn trong quý IV/2021 và cả năm 2021, thấp hơn so với kỳ vọng tại kỳ điều tra trước (67,6-73,3%). Lần đầu tiên kể từ khi NHNN thực hiện điều tra Xu hướng kinh doanh theo quý (từ quý I/2014), hệ



thống TCTD cho biết, lợi nhuận trước thuế cùng các kết quả hoạt động kinh doanh (thu nhập ròng từ lãi, thu nhập ròng từ phí và dịch vụ, thu nhập từ hoạt động tự doanh) trong quý điều tra có chiều hướng suy giảm so với quý trước. Tuy nhiên, xét tổng thể cả năm 2021, 83,7% TCTD kỳ vọng lợi nhuận trước thuế của đơn vị tăng trưởng dương, 3% kỳ vọng không đổi và 13,3% lo ngại lợi nhuận giảm (cao hơn so với tỷ lệ 9,7% ghi nhận tại cuộc điều tra tháng 6/2021).

Dịch Covid-19 đã tác động lên hầu hết các ngành nghề của nền kinh tế, trong đó ngành ngân hàng cũng chịu ảnh hưởng, biên lãi ròng (NIM) trong quý 3/2021 của hầu hết các ngân hàng đều bị suy giảm so với quý trước. Nguyên nhân do tín dụng trong quý 3/2021 tăng trưởng thấp. Mặc dù tín dụng toàn hệ thống ước tính tăng 7,42% so với cuối năm 2020, cao hơn mức tăng của cùng kỳ năm ngoái (tăng 5,48%). Tuy nhiên, nếu so với tín dụng tại thời điểm cuối quý 2/2021 (đạt mức tăng 5,1%), thì tăng trưởng tín dụng đã có sự chững lại.

Ngoài ra, một số ngân hàng phải chịu áp lực giảm lãi suất để hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch, đặc biệt là nhóm ngân hàng TMCP gốc quốc doanh. Theo đó, 16 ngân hàng đã cam kết và thực hiện giảm lãi suất với tổng mức giảm đạt khoảng 12.236 tỉ đồng.

Hơn nữa, việc tăng trích lập dự phòng cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận ngân hàng. Thống kê tỷ lệ trích lập dự phòng của các ngân hàng cho thấy, nhiều ngân hàng tăng trích lập dự phòng. Dẫn đầu về tốc độ gia tăng trích lập dự phòng rủi ro trong 9 tháng đầu năm lần lượt là ACB (tăng 93%), MB (tăng 73%), CTG (tăng 70%), BID (tăng 57%), VPBank (tăng 38%), VCB (tăng 37%). Tuy vậy, việc tăng trích lập dự phòng được cho là cần thiết trong bối cảnh dịch bệnh dù dần được kiểm soát nhưng vẫn còn rất nhiều rủi ro, có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế. Cùng với đó, nợ xấu được dự báo sẽ gần như chắt chắt gia tăng cả trong ngắn hạn và trung hạn. Nhiều ngân hàng có mức tăng trưởng lợi nhuận quý III/2021 giảm hoặc tăng rất thấp, phần lớn đều đến từ việc gia tăng trích lập dự phòng rủi ro.

Trong quý IV/2021, tỷ lệ trích lập dự phòng của các ngân hàng sẽ còn nhiều thay đổi, tùy thuộc vào khẩu vị rủi ro của từng ngân hàng cũng như việc áp dụng quy định của cơ quan quản lý. Theo đó, sự phân hóa trong kết quả kinh doanh giữa các ngân hàng sẽ rõ ràng hơn. Những ngân hàng có mức độ an toàn vốn cao, trích lập dự phòng đầy đủ có thể vẫn đạt được lợi nhuận cao. Ngược lại, các ngân hàng chưa trích lập dự phòng đầy đủ, chất lượng tín dụng thấp sẽ đối mặt với khả năng sụt giảm về kết quả kinh doanh./

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀO HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Phòng Nghiên cứu tổng hợp và Hợp tác quốc tế - BHTGVN

Chuyển đổi số (Digital Transformation) ngày càng trở nên quan trọng không chỉ đối với các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, từ y tế, giáo dục, tài chính, thương mại, sản xuất... mà cả với khu vực công hay chính phủ cũng đều khởi động các dự án chuyển đổi số để cải thiện trải nghiệm khách hàng và tăng hiệu quả hoạt động. Không nằm ngoài xu thế đó, các tổ chức bảo hiểm tiền gửi (BHTG) tiên tiến trên thế giới cũng đã có những bước đi đầu tiên nhằm ứng dụng chuyển đổi số vào các hoạt động nghiệp vụ của mình để thích nghi với những thay đổi trong ngành công nghệ tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Ứng dụng chuyển đổi số vào hoạt động nghiệp vụ của tổ chức BHTG

Để hoạt động nghiệp vụ của tổ chức BHTG được tiến hành một cách hiệu quả và đạt được mục tiêu của chính sách công là bảo vệ người gửi tiền và góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính-ngân hàng, việc xử lý dữ liệu, quy trình cũng như chia sẻ dữ liệu về tiền gửi nói riêng và các dữ liệu nói chung một cách nhanh chóng và chính xác là điều hết sức quan trọng và cấp bách. Ứng dụng chuyển đổi số vào hoạt động nghiệp vụ của tổ chức BHTG sẽ góp phần thay đổi cách thức tổ chức dữ liệu, quy trình của tổ chức hướng tới tạo ra những giá trị mới cho tổ chức BHTG. Chuyển đổi số thường được ứng dụng vào hoạt động nghiệp vụ của tổ chức BHTG theo 3 hình thức chủ yếu là tiêu chuẩn hóa dữ liệu (Data standardisation), công nghệ mã nguồn mở (Application Programming Interface – viết tắt là API) và máy học (Machine Learning).

Tiêu chuẩn hóa dữ liệu

Tiêu chuẩn hóa dữ liệu là quá trình chuyển đổi dữ liệu thô từ những nguồn và bối cảnh khác nhau trên



cơ sở sử dụng những định nghĩa, quy trình và định dạng chung. Mục tiêu của tiêu chuẩn hóa dữ liệu là đảm bảo dữ liệu thống nhất và có thể so sánh được giữa những đối tượng khác nhau và giữa những thời điểm khác nhau.

Tiêu chuẩn hóa dữ liệu đem lại nhiều lợi ích cho tổ chức BHTG thông qua việc đẩy nhanh quá trình chi trả và xử lý tổ chức đổ vỡ. Cụ thể, tiêu chuẩn hóa dữ liệu có thể giảm hoặc loại bỏ quá trình chuyển đổi dữ liệu tốn kém và mất thời gian của tổ chức bị đổ vỡ, giảm thời gian xác nhận quyền sở hữu tài khoản. Từ đó, thời gian chi trả sẽ được rút ngắn hơn

cũng như quá trình xử lý cũng nhanh chóng hơn. Ngoài ra, tiêu chuẩn hóa dữ liệu tạo điều kiện cho việc chia sẻ thông tin, báo cáo giữa tổ chức BHTG và tổ chức thành viên được thuận lợi, dễ dàng theo định dạng thống nhất, được chuẩn hóa. Hơn nữa, khả năng tiếp cận dữ liệu được tiêu chuẩn hóa, dễ đọc và hiểu hơn giúp hoạt động của tổ chức BHTG minh bạch hơn, từ đó góp phần nâng cao nhận thức và niềm tin công chúng. Cuối cùng, tiêu chuẩn hóa giúp tổ chức tiếp nhận có xu hướng sẵn sàng mua lại và thậm chí trả giá cao hơn cho một tổ chức đổ vỡ có dữ liệu được tiêu chuẩn hóa đồng bộ với hệ thống của họ, từ đó giảm chi phí xử lý cho quỹ BHTG.

Công nghệ mã nguồn mở API là một phần mềm trung gian cho phép hai ứng dụng kết nối, giao tiếp với nhau. Nó cung cấp khả năng truy xuất đến một tập các hàm hay dùng, từ đó có thể trao đổi dữ liệu giữa các ứng dụng. API có thể giúp các tổ chức BHTG ở các khía cạnh sau: (i) Chia sẻ dữ liệu giám sát vì mục đích đánh giá rủi ro của tổ chức tham gia BHTG; (ii) Chia sẻ dữ liệu về tài sản của tổ chức đối với các bên tiếp nhận tiềm năng; (iii) Trích xuất ngay lập tức dữ liệu tài khoản nhằm kiểm tra, đối chiếu thông tin và chuẩn bị cho quá trình chi trả BHTG; (iv) Dễ dàng xác thực thông tin người gửi tiền; (v) Tích hợp dữ liệu các tài khoản tiền gửi với các tài khoản ngân hàng thông thường; (vi) Hỗ trợ tiếp cận người gửi tiền trong công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức công chúng; (vii) Hỗ trợ hợp tác xuyên biên giới giữa các tổ chức BHTG.

Ứng dụng máy học

Máy học là một lĩnh vực của trí tuệ nhân tạo liên quan đến việc nghiên cứu và xây dựng các kỹ thuật cho phép các hệ thống “học” tự động từ dữ liệu để giải quyết những vấn đề cụ thể. Máy học và việc phân tích đi kèm có thể được ứng dụng vào một số lĩnh vực chuyên ngành của tổ chức BHTG, hứa hẹn mang lại lợi ích to lớn cho các hoạt động nghiệp vụ và định hướng chính sách của tổ chức này. Việc áp dụng máy học tạo điều kiện cho quá trình tự động hóa các quy trình nghiệp vụ phức tạp và quá trình ra quyết định của tổ chức BHTG. Ứng dụng phương pháp máy học để xử lý dữ liệu có thể giúp tổ chức BHTG đánh giá tốt hơn các tổ chức tham gia BHTG, từ đó nâng cao hiệu quả giám sát và tiết kiệm chi phí không cần thiết. Ngoài ra, các tổ chức BHTG có thể ứng dụng máy học vào công tác dự báo rủi ro, quản

trị văn bản và hồ sơ, tăng cường các hoạt động nâng cao nhận thức công chúng về tổ chức BHTG (chẳng hạn như thông qua các chatbot - phần mềm máy tính giúp tương tác/nói chuyện với từng khách hàng tự động, hoạt động 24/7).

Kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng chuyển đổi số của một số tổ chức BHTG trên thế giới

Tổng công ty BHTG Liên bang Hoa Kỳ (FDIC)

Trong thời gian vừa qua, FDIC đã thực hiện một số sáng kiến về chuyển đổi số bao gồm tiêu chuẩn hóa dữ liệu và áp dụng API. Cụ thể, Mỹ là nước đã sớm triển khai sáng kiến tiêu chuẩn hóa dữ liệu vào năm 2016 nhằm đẩy nhanh quá trình chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm sau khi tổ chức tham gia bảo hiểm bị đổ vỡ và góp phần xử lý tổ chức bị đổ vỡ ở mức chi phí thấp nhất. Theo đó, FDIC đã đưa ra quy định, yêu cầu các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi quy mô lớn phải xây dựng hệ thống công nghệ thông tin (IT) của mình để cung cấp số liệu tài khoản tiền gửi cho FIDC sử dụng định dạng và định nghĩa đã được chuẩn hóa. Mỗi tổ chức tham gia BHTG phải xây dựng hệ thống IT của mình để có thể tính toán chính xác số tiền gửi bảo hiểm cho mỗi người gửi tiền được bảo hiểm. Ngoài ra, hệ thống IT của mỗi tổ chức tham gia BHTG phải có khả năng gộp tiền gửi của người gửi tiền được bảo hiểm theo quyền sở hữu.

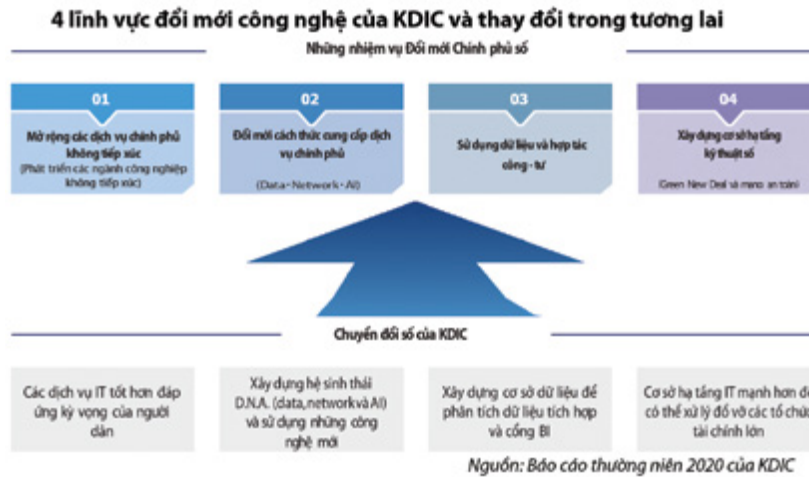
Ngoài ra, FDIC đã áp dụng công nghệ API thông qua việc thiết lập 3 công cụ dữ liệu là BankFind Suite, Danh bạ tổ chức (Institution Directory) và Báo cáo thị phần tiền gửi, cho phép FDIC chia sẻ thông tin với các doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu,

và người gửi tiền. Cụ thể, BankFind Suite là ứng dụng giúp các nhà phân tích, các nhân viên ngân hàng và công chúng tìm kiếm thông tin về các ngân hàng cụ thể, chi nhánh của họ và ngành ngân hàng nói chung. Danh bạ tổ chức của FDIC cho phép người dùng tìm thông tin về các ngân hàng là thành viên của FDIC, bao gồm địa điểm, các báo cáo tài chính tổng hợp, báo cáo nhân khẩu học, dữ liệu hiện tại, và dữ liệu lịch sử từ năm 1992 đến nay. Thông qua Báo cáo thị phần tiền gửi, người dùng còn có thể tiếp cận với thông tin về thị phần tiền gửi của các tổ chức tham gia BHTG ở một thị trường nhất định trong một khoảng thời gian cụ thể với số liệu có được từ năm 1994 đến nay.

Bên cạnh đó, trong kế hoạch hiện đại hóa công nghệ thông tin của FDIC giai đoạn 2020-2024, FDIC cũng đề ra kế hoạch về chuyển đổi số thông qua việc hợp lý hóa giải pháp kinh doanh trên nền tảng điện toán đám mây nhằm tiết kiệm chi phí cho Quỹ BHTG của FDIC và kêu gọi các công ty công nghệ ở Mỹ tham gia hiện đại hóa việc báo cáo của hệ thống ngân hàng thông qua công nghệ tạo mẫu nhanh (rapid prototype) và các sáng kiến nhằm giúp tổ chức này đánh giá kịp thời những rủi ro của hệ thống ngân hàng ở Mỹ.

Tổng công ty BHTG Hàn Quốc (KDIC)

Năm 2020, KDIC đã bước đầu thực hiện một số hoạt động nhằm chuyển đổi số như thiết lập một môi trường làm việc thông minh thông qua việc ứng dụng rộng rãi Tự động hóa quy trình bằng robot (RPA- một phần mềm được thiết kế để tự động thực hiện những công việc đơn giản lặp lại). Việc tự động hóa này giúp KDIC giảm 75,8% giờ làm việc tại 14 lĩnh



ực, bao gồm việc theo dõi thông tin bán bất động sản ở nước ngoài. Bên cạnh đó, hệ thống quản lý tri thức cũng đã được tổ chức lại bằng cách cải thiện “Yejanggak” - một nơi để chia sẻ kiến thức và thông tin, cũng như tăng cường chức năng lưu trữ và tìm kiếm dữ liệu của “hệ thống thông tin dữ liệu”. Ngoài ra, việc cải thiện chức năng của hệ thống giám sát rủi ro cũng rút ngắn thời gian xử lý dữ liệu khi truy cập thông tin và góp phần nâng cao sự tiện lợi của người sử dụng.

Từ nửa cuối năm 2020, KDIC đã tích cực tham gia vào sáng kiến Kế hoạch cải cách kinh tế kiểu mới phiên bản Hàn Quốc (Korean New Deal) của chính phủ nhằm dẫn dắt những nỗ lực của cả nước để vượt qua khủng hoảng do Covid-19 và đưa đất nước lên một tầm phát triển mới. Để đạt được điều đó, KDIC đã bắt đầu xây dựng một Kế hoạch tổng thể về Hệ thống Thông tin (ISMP) với mục tiêu giúp tổ chức này có thể nhanh chóng thích nghi với những thay đổi do chuyển đổi số bằng cách tận dụng dữ liệu và công nghệ mới, đặt ra những nhiệm vụ đối với 4 lĩnh vực đổi mới công nghệ của KDIC, bao gồm việc giới thiệu một dịch vụ tư vấn cộng đồng bằng chatbot sẽ được thực hiện từ giữa 2021 đến 2023.

Liên hệ Việt Nam

Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, theo đó Việt Nam là một trong những quốc gia tiên phong trên thế giới đã xây dựng được một chương trình chuyên về chuyển đổi số quốc gia với 3 trụ cột chính là Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Không nằm ngoài xu thế đó, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN) cũng cần có những giải pháp phù hợp để ứng dụng chuyển đổi số vào các hoạt động nghiệp vụ nhằm thực hiện tốt mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng. Cụ thể,

Một là, BHTGVN cần chủ động xây dựng kế hoạch chuyển đổi số tổng thể, bài bản để phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia, nâng cao hiệu quả hoạt động và bắt kịp với những thay đổi ngày càng nhanh và mạnh của việc ứng dụng công nghệ đối với thị trường tài chính ngân hàng.

Hai là, BHTGVN cần tiếp tục triển

khai tiêu chuẩn hóa dữ liệu, nghiên cứu ứng dụng Big data, API để nâng cao hiệu quả thu thập dữ liệu và chất lượng dữ liệu tiền gửi giúp đẩy nhanh quá trình chi trả và xử lý tổ chức đổ vỡ.

Ba là, BHTGVN cần nghiên cứu số hóa các quy trình làm việc để giảm thời gian xử lý công việc như ứng dụng công nghệ AI, máy học nhằm nâng cao hoạt động nghiệp vụ giám sát, dự báo rủi ro, và thiết kế các chatbot nhằm tự động cung cấp, tư vấn thông tin về BHTG cho người gửi tiền./.

Tài liệu tham khảo

1. IADI (2021), *Fintech Briefs No.2, Data Standardisation.*
2. IADI (2021), *Fintech Briefs No.3, Machine Learning Methods.*
3. KDIC (2021), *Annual Report 2020.*
4. FDIC (2021), *FDIC IT Modernization Plan 2020-2024.*
5. Deloitte (2020), *Center for Regulatory Strategy Americas, Data transformation: A sign of things to come, the FDIC's push into high-frequency data paves the way for real-time risk management.*
6. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (2021), *Bản tin BHTG quý III, Bàn về tác động của công nghệ tài chính đối với hệ thống bảo hiểm tiền gửi.*
7. www.fdic.gov

ĐIỂM TIN BHTG TRONG NƯỚC**BHTGVN tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ**

Chủ tịch HĐQT Phạm Bảo Lâm phát biểu chỉ đạo khóa đào tạo

Từ ngày 18 đến 22/10/2021, BHTGVN tổ chức Khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu và nâng cao cho hơn 80 cán bộ BHTGVN tham gia kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng. Thông qua khóa đào tạo, các học viên nắm được đầy đủ các nội dung về KSDB đối với ngân hàng và QTDND có quy mô lớn; kỹ năng tham gia xử lý TCTD đổ vỡ; kinh nghiệm quốc tế về tổ chức bảo hiểm tiền gửi tham gia tiếp nhận xử lý TCTD yếu kém... Đặc biệt, học viên có cơ hội học hỏi kinh nghiệm và trao đổi trực tiếp với các chuyên gia đến từ tổ chức BHTG Hàn Quốc.

Ngày 14 và 15/10/2021, BHTGVN tổ chức Khóa đào tạo nội bộ “Nghiệp vụ phân tích tình hình hoạt động đối với quỹ tín dụng

nhân dân” cho 20 học viên là đại diện lãnh đạo, cán bộ phòng Kiểm soát đặc biệt và thu hồi tài sản.

Ngày 13/10/2021, BHTGVN tổ chức Khóa đào tạo trực tuyến “Nhận thức an toàn thông tin cho người sử dụng công nghệ thông tin tại BHTGVN”. Thông qua Khóa đào tạo, các học viên được tìm hiểu 2 chuyên đề chính cung cấp những hiểu biết về pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước về an toàn thông tin, kiến thức cơ bản về an toàn thông tin và đảm bảo an toàn thông tin.

Đảng ủy BHTGVN tham dự hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác Đảng năm 2021

Ngày 18 và 19/11/2021, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương tổ chức hội nghị trực tuyến tập huấn nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng năm 2021. Đảng ủy Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN) tham dự hội nghị.

Khóa tập huấn nghiệp vụ công tác Đảng lần này tập trung nghiên cứu các nội dung như: Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư về một số vấn đề

**ĐIỂM TIN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

Bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao Ngân hàng Nhà nước: Trong tháng 11, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định bổ nhiệm 2 Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Theo đó, ông Phạm Tiến Dũng - Vụ trưởng Vụ Thanh toán NHNN và ông Phạm Thanh Hà - Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ NHNN được Thủ tướng bổ nhiệm giữ chức Phó Thống đốc NHNN. Sau khi 2 Vụ trưởng được bổ nhiệm làm Phó Thống đốc, NHNN đã công bố quyết định giao nhân sự phụ trách Vụ Chính sách tiền tệ và Vụ Thanh toán. Cụ thể: Thống đốc NHNN giao ông Phạm Chí Quang - Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ phụ trách điều hành công việc của Vụ Chính sách tiền tệ; giao ông Lê Anh Dũng - Phó Vụ trưởng Vụ Thanh toán phụ trách điều hành công việc của Vụ Thanh toán. Bên cạnh đó, NHNN cũng bổ nhiệm ông Trần Anh Tuấn - Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng NHNN giữ chức vụ Chánh Văn phòng NHNN.

Chính thức siết ngân hàng rút vốn vào Trái phiếu doanh nghiệp: NHNN vừa ban hành Thông tư số 16/2021 quy định việc tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp (TPDN). Một trong những quy định đáng chú ý trong thông tư mới là TCTD chỉ được mua TPDN khi có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo kỳ phân loại gần nhất theo quy định của NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đối với TCTD trước thời điểm mua TPDN. Ngoài ra, Thông tư mới cũng quy định ba trường hợp TCTD không được mua TPDN. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/1/2022.

Chính thức triển khai thí điểm Mobile Money: NHNN vừa ký quyết định số 1818/QĐ-NHNN chấp thuận triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile Money) cho Tổng công ty Viễn thông MobiFone, thời gian thí điểm đến ngày

18/11/2023. Qua đó, MobiFone đã trở thành nhà mạng di động đầu tiên được phép triển khai thí điểm cung cấp dịch vụ Mobile Money trên phạm vi toàn quốc. Dịch vụ Mobile Money cho phép khách hàng dùng tài khoản viễn thông để thực hiện nhiều giao dịch khác nhau mà không yêu cầu phải có tài khoản ngân hàng, không yêu cầu phải sử dụng smartphone, không cần kết nối internet.

Sửa đổi quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại:

NHNN đang lấy ý kiến đối với Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2013/TT-NHNN ngày 09/09/2013 quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại (NHTM). Dự thảo bổ sung thẩm quyền của Thống đốc NHNN trong việc xem xét để nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.... nhằm hỗ trợ NHTM tham gia xử lý quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt; Thực hiện phương án cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt. Dự thảo hủy bỏ việc lấy ý kiến của NHNN chi nhánh nơi NHTM đặt trụ sở chính trong trường hợp NHTM muốn mở chi nhánh, phòng giao dịch. Ngoài ra, dự thảo cũng quy định NHTM được quyền quyết định đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch và chỉ cần báo cáo cho NHNN chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch bằng văn bản...

NAPAS mở rộng mạng lưới Chuyển nhanh Napas247:

Sau thời điểm ra mắt dịch vụ vào ngày 15/6/2021, dịch vụ Chuyển nhanh Napas247 bằng mã VietQR đã đạt mức tăng trưởng đáng kể cả về số lượng giao dịch và giá trị giao dịch. Khách hàng mở tài khoản tại các ngân hàng tham gia kết nối dịch vụ có thể thực hiện chuyển và nhận tiền ngay trên ứng dụng mobile banking của các ngân hàng. Đến nay, danh sách 28 ngân hàng phối hợp triển khai bao gồm: Vietcombank, VietinBank, BIDV, MB, TPB, Sacombank, VPBank, VIB, MSB, ACB, SeABank, LienVietPostBank, NamABank,

cụ thể thi hành Điều lệ Đảng; Quy định số 22-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;... Ngoài ra, các báo cáo viên đi sâu phân tích, hướng dẫn công tác quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; nghiệp vụ công tác tài chính Đảng; công tác lưu trữ, lập hồ sơ công việc; một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tuyên giáo, dân vận và về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở,...

Trước đó, ngày 19/10/2021, Đảng ủy BHTGVN đã tham dự hội nghị trực tuyến thông báo nhanh kết quả Hội nghị Trung ương 4, khóa XIII của Đảng; học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết số 02-NQ/ĐUK của Đảng ủy Khối; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo Quy định số 164-QĐ/TW của Bộ Chính trị do Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương tổ chức. Hội nghị kết nối tới 2.744 điểm cầu với hơn 77.000 đại biểu tham dự.

Hội thảo công bố đề tài nghiên cứu ứng dụng năm 2020 của BHTGVN

Ngày 5/11/2021, tại Hà Nội, BHTGVN tổ chức Hội thảo công bố đề tài nghiên cứu ứng dụng cấp BHTGVN năm 2020.

Hội thảo đã trao đổi, thảo luận nội dung của 02 trong số 07 đề tài đã được bảo vệ thành công, đó là "Hỗ trợ tài chính của BHTGVN đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi" do TS. Hoàng Việt Trung – Thành viên chuyên trách HĐQT BHTGVN làm chủ nhiệm; và "Cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ bảo hiểm tiền gửi – Kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam" do TS. Phạm Bảo Khánh – Thành viên chuyên trách HĐQT BHTGVN làm



chủ nhiệm. Hai đề tài trên đã tập trung nghiên cứu hệ thống cơ sở lý luận, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, đánh giá thực trạng và đề xuất những giải pháp, khuyến nghị giúp BHTGVN có cơ sở áp dụng khi triển khai hoạt động hỗ trợ tài chính và xây dựng cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ bảo hiểm tiền gửi của BHTGVN.

Kỷ niệm 05 năm thành lập Chi nhánh BHTGVN khu vực Tây Bắc Bộ và Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng



Ông Hà Quang – Giám đốc Chi nhánh BHTGVN khu vực Tây Bắc Bộ nhận Bằng khen của UBND tỉnh Phú Thọ

Ngày 8/10/2021, tại thành phố Việt Trì (Phú Thọ), Chi nhánh BHTGVN khu vực Tây Bắc Bộ kỷ niệm 5 năm thành lập (10/10/2016 - 10/10/2021) và đón nhận cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và Bằng khen của UBND tỉnh Phú Thọ. Từ những bước đi đầu gặp không ít khó khăn

trở ngại, trải qua chặng đường 05 năm xây dựng và trưởng thành, Chi nhánh đã từng bước khắc phục, trở thành một tập thể đoàn kết, tích cực phát huy vai trò của BHTGVN tại cơ sở; trực tiếp đồng hành với các tổ chức tín dụng (TCTD) và người gửi tiền trên địa bàn.

Chi nhánh BHTGVN tại TP. Đà Nẵng được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 19/10/2016. Trải qua 5 năm xây dựng và trưởng thành, Chi nhánh BHTGVN tại TP Đà Nẵng đã dẫn đầu định được vai trò của mình trong việc thực thi các chính sách BHTG tại khu vực duyên hải Trung Trung bộ. Trong những năm vừa qua, Chi nhánh đã góp phần đưa chính sách BHTG đến gần hơn với người gửi tiền trên địa bàn quản lý. Để thực hiện tốt trách nhiệm của mình, Chi nhánh luôn chủ động phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố và TCTD trên địa bàn, tăng cường tính tự chủ và trách nhiệm trong quá trình triển khai chính sách bảo hiểm tiền gửi.

Tọa đàm chính sách bảo hiểm tiền gửi tại Hải Phòng

Ngày 5/11/2021, tại Hải Phòng, Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN) khu vực Đông Bắc Bộ phối hợp với Hội Nhà báo Hải Phòng tổ chức “Tọa đàm chính sách bảo hiểm tiền gửi”. Tại buổi tọa đàm, đại diện Chi nhánh đã giới thiệu một số nội dung cơ bản về chính sách BHTG, hoạt động của BHTGVN, tình hình triển khai chính sách trên địa bàn khu vực Đông Bắc Bộ, một số vấn đề liên quan đến giao dịch tiền gửi tiết kiệm. Bên cạnh đó, Chi nhánh cũng trình chiếu phóng sự “Quy định mới về hạn mức trả tiền BHTG” nhằm truyền thông về hạn mức trả tiền

BHTG mới được Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh.

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tọa đàm trực tuyến với BHTG Hàn Quốc và BHTG Nga

Ngày 22/10/2021, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN) phối hợp với Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Hàn Quốc (KDIC) tổ chức Tọa đàm trực tuyến với chủ đề “Xử lý tổ chức tín dụng yếu kém – Kinh nghiệm của Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Hàn Quốc”.

Thông qua các bài trình bày, KDIC đã cho thấy tầm vóc của một tổ chức có đóng góp nổi bật trong hệ thống BHTG quốc tế, cũng như năng lực và quyền hạn của một cơ quan xử lý tổ chức tài chính yếu kém và thanh lý tổ chức tài chính phá sản hiệu quả, góp phần đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền, các chủ nợ của tổ chức phá sản và sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống ngân hàng Hàn Quốc.

Ngày 23/9/2021, BHTGVN cũng đã phối hợp với Cơ quan BHTG Liên bang Nga (DIA) tổ chức buổi Tọa đàm trực tuyến với chủ đề “Hoạt động chi trả và thanh lý – Kinh nghiệm và bài học của Cơ quan BHTG Liên bang Nga”. Tại buổi tọa đàm, các diễn giả đến từ DIA đã chia sẻ về ba nội dung chính bao gồm: Kinh nghiệm về chi trả BHTG, Kinh nghiệm trong ngăn ngừa phá sản ngân hàng thông qua hỗ trợ tài chính và xử lý nợ ngân hàng, và Kinh nghiệm thanh lý tổ chức tài chính yếu kém. Buổi tọa đàm diễn ra trong không khí sôi nổi, tích cực và nhiều câu hỏi do lãnh đạo và cán bộ BHTGVN đưa ra đã được các diễn giả giải đáp thỏa đáng. /.

Vietcapital Bank, GPBank, PVcomBank, NCB, PGB, Shinhan Bank, HDBank, Eximbank, SCB, Techcombank, Bao Viet Bank, OCB, Kiên Long Bank, VietBank và SaigonBank.

NHNN nới lỏng chính sách tiền tệ thông qua hạn mức tín dụng

Theo thống kê, có 11/13 ngân hàng được nới room tín dụng đợt này. Trong đó, TPBank là ngân hàng được cấp mức tăng trưởng tín dụng cao nhất là 17,4%. Ngoài TP Bank, một số ngân hàng được nới room tín dụng lên từ 13 - 16% gồm: Techcombank (17,1%), MSB (16%), MB (15%), VIB (14,1%), ACB (13,1%), LPB (13,1%). Các ngân hàng còn lại được nới room lên mức từ 9,5-12,5% gồm: VCB (12,5%), VPB (12,1%), SHB (10,5%), STB (10,5%), OCB (10%), CTG (9,5%). Ông Nguyễn Tuấn Anh - Vụ trưởng Vụ Tín dụng NHNN cho biết, dựa vào xếp hạng A, B, C của từng TCTD để cấp hạn mức tín dụng. Trong 03 tháng cuối năm, NHNN đã định kỳ rà soát, xem xét điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng với từng TCTD trên cơ sở tình hình hoạt động, năng lực tài chính và khả năng tăng trưởng tín dụng lành mạnh. Theo đó, các TCTD giảm mật bằng lãi suất cho vay sẽ được ưu tiên xem xét.

Áp lực nợ xấu dồn trên vai các ngân hàng

Tại phiên thẩm tra về tình hình kinh tế - xã hội của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội vừa qua, Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Kim Anh cho biết, tỷ lệ nợ xấu nội bảng và nợ xấu tiềm ẩn cuối năm nay dự kiến sẽ ở mức 7,1 - 7,7%, xấp xỉ 8%. Đại dịch COVID-19 đã khiến tỷ lệ nợ xấu gia tăng, hoạt động rao bán nợ xấu diễn ra dồn dập, các ngân hàng chật vật rao bán đấu giá tài sản nhiều lần không thành. Theo thông tin từ Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), tính đến thời điểm hiện tại VAMC đã mua 1.922 tỷ đồng các khoản nợ theo giá thị trường và đạt 38,44% kế hoạch năm 2021.

16 ngân hàng đã giảm lãi 12.236 tỷ đồng để hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19: Theo thông tin từ NHNN, thực hiện

giảm lãi suất, giảm phí dịch vụ đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, tổng số tiền lãi giảm lũy kế từ 15/7/2021 đến 30/9/2021 của 16 ngân hàng là khoảng 12.236 tỷ đồng, đạt 59,36% so với cam kết. Đơn cử, ngân hàng có tổng số tiền lãi đã giảm cho khách hàng lớn nhất là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam lên tới 4.885 tỷ đồng; với tổng giá trị nợ được giảm lãi suất là gần 1,27 triệu tỷ đồng cho trên 3,18 triệu khách hàng.

Ngân hàng tăng tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro: Theo thống kê, tỷ lệ trích lập dự phòng và tỷ lệ bao phủ nợ xấu của các ngân hàng hiện tương đối lớn. Dẫn đầu về tốc độ gia tăng trích lập dự phòng rủi ro lần lượt là Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) tăng 93%, Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB) tăng 73%, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank) tăng 70%... Theo các chuyên gia, việc ngân hàng tăng trích lập dự phòng rủi ro sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận, song là việc cần thiết trong bối cảnh dịch Covid-19 ảnh hưởng đến nền kinh tế cũng như doanh nghiệp, nợ xấu được dự báo gia tăng cả trong ngắn hạn và trung hạn.

Lãi suất tiết kiệm có xu hướng tăng dịp cuối năm: Từ đầu tháng 11 đến nay, khảo sát trên thị trường lãi suất ngân hàng có thể thấy một số ngân hàng điều chỉnh tăng nhẹ từ 0,1 - 0,3% ở kỳ hạn dưới 3 tháng và từ 12 tháng trở lên. Đơn cử như tại Sacombank, biểu lãi suất tiết kiệm tại quầy của nhà băng này mới đây đã tăng nhiều kỳ hạn, với mức tăng phổ biến 0,4 điểm %; Eximbank cũng điều chỉnh tăng 0,1 điểm % lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống và tăng 0,1-0,2 %/năm lãi suất kỳ hạn từ 6-9 tháng;... Mặc dù lãi suất tiết kiệm có dấu hiệu tăng nhiệt tại một số ngân hàng thương mại, song lãi suất tiết kiệm cao nhất hiện nay vẫn được giữ ở mức 7,1%/năm. Theo đó ACB và Techcombank (TCB) là 2 ngân hàng áp dụng mức lãi suất cao nhất này. Hiện

ĐIỂM TIN BHTG QUỐC TẾ

Châu Âu sửa đổi Hướng dẫn về kiểm tra sức chịu đựng của các hệ thống bảo hiểm tiền gửi

Ngày 15/9/2021, Cơ quan Ngân hàng Châu Âu (EBA) đã công bố sửa đổi Hướng dẫn về kiểm tra sức chịu đựng được thực hiện bởi các Hệ thống bảo hiểm tiền gửi tại các quốc gia Châu Âu (DGS).

Cụ thể, Hướng dẫn sửa đổi yêu cầu các DGS thực hiện nhiều bài kiểm tra hơn so với Hướng dẫn cũ, bao gồm kiểm tra khả năng thực hiện tất cả các nhiệm vụ, chức năng được giao theo luật và khả năng tiếp cận tất cả các nguồn vốn của họ. Hướng dẫn cũng yêu cầu tăng cường kiểm tra hợp tác giữa các DGS và các cơ quan chức năng khác thông qua việc bổ sung kịch bản kiểm tra có sự tham gia của các cơ quan liên quan. Ngoài ra, các điều khoản mới khuyến khích các DGS kiểm tra các kịch bản rủi ro ảnh hưởng tính liên tục của hoạt động kinh doanh như đại dịch, sự cố công nghệ thông tin hoặc các sự kiện tương tự khác.

FDIC ra mắt Quỹ đầu tư nhằm hỗ trợ tổ chức nhận tiền gửi thiếu số và tổ chức tài chính phát triển cộng đồng

Ngày 16/9/2021, Tổng công ty BHTG Liên Bang Mỹ (FDIC) đã ra mắt “Quỹ Định hướng Sứ mệnh Ngân hàng” - một quỹ đầu tư nhằm hỗ trợ tổ chức nhận tiền gửi của nhóm sắc tộc thiểu số và tổ chức tài chính phát triển cộng đồng. Chính sách này được FDIC ban hành trong tháng 6/2021 nhằm hỗ trợ các tổ chức nhận tiền gửi được sở hữu và quản lý bởi những người da màu thiểu số. Theo đó, Quỹ chỉ

đầu tư, hỗ trợ cho các ngân hàng phục vụ cộng đồng da màu thiểu số, những người có thu nhập thấp hoặc ở khu vực nông thôn và giúp các ngân hàng này giải quyết tình trạng thiếu vốn dài hạn. Việc Quỹ tập trung đầu tư nguồn vốn dài hạn giúp các ngân hàng linh hoạt trong việc cung cấp vốn vay và tạo ra lợi nhuận, từ đó gián tiếp giúp hạn chế sự bất bình đẳng kinh tế do phân biệt chủng tộc gây ra.

BHTG Canada công bố nghiên cứu về đánh giá kế hoạch dự phòng đổ vỡ tại khu vực Bắc Mỹ

Tổng công ty BHTG Canada (CDIC) đã thay mặt Ủy ban khu vực Bắc Mỹ (RCNA) - Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi Quốc tế (IADI) thực hiện nghiên cứu phân tích về cơ chế đánh giá kế hoạch dự phòng rủi ro của các tổ chức BHTG và cơ quan chức năng trong lĩnh vực xử lý ngân hàng tại Canada, Hoa Kỳ và Mexico.

Qua nghiên cứu của CDIC, các tổ chức trong khu vực Bắc Mỹ đã thể hiện sự linh hoạt trong cách tiếp cận việc thực hiện kiểm tra kế hoạch dự phòng; xây dựng các kế hoạch kiểm tra cho nhiều năm; tìm kiếm giải pháp cho những thử thách mà họ gặp phải trong quá trình thực hiện hoạt động kiểm tra và gần đây nhất phải kể đến việc điều chỉnh các kế hoạch triển khai kiểm tra phù hợp với diễn biến của đại dịch COVID-19.

Tài liệu do CDIC biên soạn đề cập đến 4 nghiên cứu trường hợp nhằm minh họa các tình huống khác nhau và các yếu tố thực tế liên quan đến các chương trình thử nghiệm kế hoạch dự phòng.

BHTG Malaysia tổ chức hội thảo về “Truyền thông hiệu quả để bảo vệ ổn định tài chính trong thời kỳ khủng hoảng”



Ngày 19/9/2021, Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Malaysia (PIDM) tổ chức Hội thảo trực tuyến “Trao đổi kiến thức toàn cầu về truyền thông trong khủng hoảng”. Hội thảo này là sự kiện tiếp nối sau một hội thảo vào tháng 7 về nâng cao khả năng ứng phó với khủng hoảng thông qua các diễn tập mô phỏng. Đây là các sự kiện do PIDM tổ chức, là một phần của chương trình dự phòng ứng phó khủng hoảng được PIDM thực hiện trong suốt năm nay. Đồng thời là một trong ba mục tiêu chiến lược chính của PIDM được nêu trong Kế hoạch hoạt động 2021-2023.

Nội dung chính tại hội thảo về các thỏa thuận phối hợp để xử lý khủng hoảng nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến sự ổn định tài chính. Trong khuôn khổ buổi hội thảo, các diễn giả tập trung vào kinh nghiệm trao đổi thông tin liên lạc khi khủng hoảng xảy ra, cách xử lý, thách thức và các bài học kinh nghiệm.

Pakistan: điều chỉnh hạn mức bảo hiểm tiền gửi lên 500.000 PKR

Ngày 24/9/2021, Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Pakistan (Deposit Protection Corporation-DPC)

đã chính thức ra thông báo nâng hạn mức bảo hiểm từ 250.000 PKR (khoảng 1.484 USD) lên 500.000 PKR (khoảng 2.968 USD) đối với mỗi người gửi tiền tại một tổ chức tham gia BHTG. Với hạn mức mới này, 95% người gửi tiền trong toàn hệ thống ngân hàng Pakistan đã được bảo vệ toàn bộ.

Zimbabwe: Tiền gửi ngoại tệ sẽ thuộc diện được bảo hiểm

Đầu tháng 10/2021, Tổng công ty Bảo vệ tiền gửi Zimbabwe (DPC) công bố việc bảo hiểm tiền gửi cho các tài khoản tiền gửi bằng ngoại tệ với hạn mức bảo hiểm tối đa 1.000 đô la Mỹ cho mỗi người gửi tiền tại mỗi ngân hàng và 500 đô la Mỹ cho mỗi người gửi tiền tại mỗi tổ chức tài chính vi mô. Cơ chế này có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

Cơ chế này không được áp dụng hồi tố và DPC sẽ không chi trả cho tiền gửi bằng ngoại tệ đối với các trường hợp phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm trước thời điểm cơ chế có hiệu lực.

Bảo hiểm tiền gửi Nigeria đã chi trả gần 290 triệu USD cho người gửi tiền

Giám đốc điều hành của Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Nigeria (NDIC) Bello Hassan cho biết, từ khi thành lập năm 1989 đến tháng 6/2021, NDIC đã chi trả tổng cộng 118,71 tỷ Naira (tương đương gần 290 triệu đô la Mỹ) cho người gửi tiền.

Theo Luật NDIC, ngoài chi trả BHTG, tổ chức BHTG được giao nhiệm vụ là cơ quan thanh lý. Vì vậy, sau khi thu hồi tài sản của ngân hàng bị phá sản, NDIC tiếp tục thực hiện chi trả cho người gửi tiền không được bảo hiểm. Do đó, khoản chi trả 118,71 tỷ Naira nói

lãi suất chỉ tăng nhẹ cục bộ tại một số ngân hàng nên không tác động đến mật bằng chung lãi suất trên thị trường.

Sẽ có quy định mới về lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại TCTD: NHNN đang dự thảo Thông tư quy định về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thay thế Thông tư 04/2011/TT-NHNN ngày 10/3/2011 quy định áp dụng lãi suất trong trường hợp tổ chức, cá nhân rút tiền gửi trước hạn tại TCTD. Dự thảo Thông tư có 8 điều, trong đó nêu rõ: TCTD và khách hàng phải thỏa thuận việc rút trước hạn tiền gửi, vì về bản chất, việc rút một phần trước hạn tiền gửi làm thay đổi về kỳ hạn và lượng tiền gửi theo hướng kỳ hạn của phần tiền gửi rút trước hạn bị thu ngắn và lượng tiền gửi giảm so với số tiền gửi ban đầu của khách hàng tại TCTD./

trên bao gồm cả tiền chi trả bảo hiểm tiền gửi và chi trả sau quá trình thanh lý ngân hàng. Qua đó, NDIC đã góp phần đảm bảo hệ thống ngân hàng Nigeria hoạt động ổn định và bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền.

Đài Loan và Hungary chia sẻ kinh nghiệm về bảo hiểm tiền gửi

Ngày 19/10/2021, Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Trung ương Đài Loan (CDIC) đã tổ chức hội thảo trực tuyến với Quý Bảo hiểm tiền gửi Quốc gia Hungary (NDIF) nhằm trao đổi kinh nghiệm chuyên môn.

Tại buổi làm việc, hai bên đã thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm về các vấn đề liên quan đến cơ chế và hệ thống chi trả; xây dựng và kiểm tra cơ sở dữ liệu điện tử về người gửi tiền; bảo mật thông tin; quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi... CDIC và NDIF đã duy trì mối quan hệ hợp tác tốt đẹp kể từ khi ký kết Biên bản ghi nhớ vào năm 2005./

Ba kể con nghe

**Hoàng Thị Minh Thu – Phòng Tham gia kiểm soát đặc biệt
và Thu hồi tài sản, BHTGVN**

Ba sẽ kể con nghe
về cái thời ba vẫn còn rất trẻ
Tuổi thanh xuân ba đã từng gặp mẹ
DTV đã là nơi giúp gắn kết hai người.

Ngày ấy nhiều tổ chức tin dụng ra đời
An toàn tài chính không được đảm bảo
Ngân hàng Nhà nước giao nhiệm vụ
DTV hình thành để hỗ trợ an dân.

Những ngày đầu không kể hết gian nan
Thừa sơ khai làm chi cũng thiếu thốn
Tài chính, con người, phần mềm, kinh nghiệm...?
Chỉ biết bắt đầu từ hai chữ “Quyết tâm”

Ba muốn dạy con cần phải chuyên cần
Dù có khó khăn cũng không nản chí.
Công việc rất cần những người bền bỉ
Trưởng thành hơn từ công việc hàng ngày.

Ba với mẹ cùng đồng nghiệp hằng say
Đi dạt nhau qua những ngày gian khổ
Chăm chút từ, viết phần mềm...ngày đêm trăn trở
Xây dựng quy trình, hướng nghiệp tới anh em...

Công tác Kiểm tra - sâu sát hàng năm
Giám sát từ xa - đánh giá từng chỉ tiêu căn cứ
Kiểm soát đặc biệt - hỗ trợ muôn hình, muôn vẻ
Quyền lợi người gửi tiền hợp pháp được quan tâm.

Nâng cao nghiệp vụ, phải học hỏi ngày đêm
Quy trình hoàn thiện thêm, phần mềm hỗ trợ
Chuyển đổi số, khó gì đâu mà sợ
Không ngừng vươn lên, tìm cái mới cho mình.

Cải cách nghiệp vụ là cả cuộc hành trình
Để kết nối tin yêu tới từng tổ chức
Mang lưới DTV được mở rộng khắp
Thắp sáng niềm tin tài chính tới muôn người.

DTV đã trưởng thành qua tuổi hai mươi
Đã trang bị đủ đầy nguồn kiến thức,
Đã tích lũy nhiều tiềm năng, nguồn lực
Bồi trí - tài bao thế hệ nối tiếp nhau.

Con hãy cùng ba dành tâm huyết ngày sau
Để cùng mẹ dựng xây DTV đổi mới
Một mùa thu đi qua, một mùa xuân lại tới
Vững trí - bền tâm, văn hoá đã bao đời.

Những suy nghĩ trong tim ...nói với con vài lời
Tranh thủ lúc ba trực chờ chuyển đổi số.
Cuộc sống con ơi, dù còn nhiều gian khổ
Vấn cứ là mình, giữ trọn đức - tin - yêu.



HỎI ĐÁP VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI



Hỏi:

Tình hình dịch covid-19 phức tạp, ngại phải mang tiền đi gửi tiết kiệm trực tiếp nên tôi gửi tiết kiệm bằng hình thức online. Xin hỏi gửi tiết kiệm online có được bảo hiểm tiền gửi hay không?



Trả lời:

Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức tiền gửi khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

Tiết kiệm trực tuyến (hay còn gọi là tiết kiệm online) là hình thức gửi tiết kiệm mà khách hàng gửi/rút tiền tiết kiệm thông qua internet hoặc mobile mà không phải trực tiếp tới điểm giao dịch của tổ chức tín dụng.

Tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có nhận tiền gửi của cá nhân đều được bảo hiểm, kể cả tiền gửi tiết kiệm trực tuyến, trừ trường hợp là tiền gửi của các đối tượng không được bảo hiểm theo quy định của pháp luật.



Hỏi:

Tôi đồng thời có khoản tiền gửi tiết kiệm thông thường và tiền gửi online tại cùng một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đó được cơ quan chức năng xác định là mất khả năng chi trả hoặc phá sản thì số tiền bảo hiểm được trả tính như thế nào?



Trả lời:

Tiền gửi thuộc đối tượng được bảo hiểm tiền gửi, không phân biệt hình thức gửi tiền trực tuyến (tiền gửi online) hay gửi tiền trực tiếp, đều được bảo hiểm. Hạn mức, hay số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm (bao gồm cả gốc và lãi) của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (không phân biệt hình thức gửi tiền) tối đa bằng hạn mức trả tiền bảo hiểm được Thủ tướng Chính phủ quy định tại từng thời kỳ.

Theo quyết định số 32/2021/QĐ-TTg, ngày 20/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, từ ngày 12/12/2021, hạn mức bảo hiểm tiền gửi trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tối đa là 125 triệu đồng.



Hỏi:

Hạn mức trả tiền bảo hiểm là gì? Hạn mức trả tiền bảo hiểm tiền gửi hiện nay là bao nhiêu?



Trả lời:

Khoản 1 Điều 24 Luật Bảo hiểm tiền gửi quy định: “Hạn mức trả tiền bảo hiểm là số tiền tối đa mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm”.

Thủ tướng Chính phủ vừa ký quyết định số 32/2021/QĐ-TTg, ngày 20/10/2021 về hạn mức trả tiền bảo hiểm. Theo đó, số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi (gồm cả gốc và lãi) của một cá nhân tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tối đa là 125 triệu đồng. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12/12/2021.

THUẬT NGỮ “FINANCIAL CONSUMER PROTECTION”

Digital Transformation: Chuyển đổi số

Là quá trình thay đổi từ mô hình truyền thống sang doanh nghiệp số, bằng cách áp dụng công nghệ mới như điện toán đám mây (Cloud), dữ liệu lớn (Big data), Internet vạn vật (IoT), ... thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty...”

Ngày 30/6/2020, Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi Liên bang Mỹ (FDIC) đã tổ chức một cuộc thi với mục đích hiện đại hóa báo cáo quy định về ngân hàng, tập trung vào các ngân hàng cộng đồng, trong đó mời 20 công ty công nghệ trên khắp cả nước phát triển các nguyên mẫu nhanh và các giải pháp sáng tạo để cung cấp kịp thời hơn khi có rủi ro mới nổi trong hệ thống ngân hàng.

Nỗ lực hiện đại hóa hệ thống của FDIC trước đại dịch coronavirus được xây dựng dựa trên báo cáo của Chủ tịch Jelena McWilliams về việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi số hệ thống ngân hàng theo hướng quản lý rủi ro theo thời gian thực, tăng khả năng và phân tích dữ liệu trên toàn hệ thống tài chính. Nhu cầu về việc nhận dữ liệu một cách kịp thời để theo dõi các rủi ro mới xuất hiện là rất quan trọng, đặc biệt là trong thời kỳ căng thẳng.

Ngoài FDIC, nhiều cơ quan quản lý ngân hàng và chứng khoán đã và đang hợp tác chặt chẽ với ngành công nghệ thông tin để giúp hiện đại hóa khả năng kiểm tra và giám sát hệ thống tài chính. Kể từ tháng 8 năm 2020, gần như mọi cơ quan quản lý tài chính của Hoa Kỳ đều có Văn phòng Đổi mới làm việc độc lập. Mục tiêu và hoạt động của các văn phòng đổi mới này là so sánh mặt tích cực và sự phù hợp của các mục tiêu và sáng kiến của các cơ quan quản lý tài chính toàn cầu, đặc biệt là ở Châu Á và Châu Âu.

Đồng thời, hệ thống dữ liệu tự động hóa và hiện đại hóa sẽ nâng cao khả năng của các giám sát viên trong việc xác định các rủi ro cụ thể của ngân hàng và rủi ro hệ thống sớm hơn và hiệu quả hơn.

FDIC đang tiến hành cập nhật mạng lưới và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin lớn để chuyển sang điện toán đám mây và tự động hóa. FDITECH, phòng thí nghiệm công nghệ của FDIC đánh dấu một chương mới trong quá trình phát triển liên tục và nỗ lực của tổ chức này thông qua việc đánh giá và thúc đẩy áp dụng công nghệ sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, cải thiện hiệu quả và sự ổn định của các dịch vụ và sản phẩm ngân hàng để phục vụ người tiêu dùng tốt hơn.

Phòng TTTT và Chi nhánh BHTGVN tại TP. Hà Nội

HỘP THƯ BẠN ĐỌC

Thời gian vừa qua, Ban Biên tập Bản tin Bảo hiểm tiền gửi đã nhận được tin, bài của các chuyên gia, các cộng tác viên, các đơn vị thuộc BHTGVN:

Chuyên gia: Ths. Hồ Xuân Trường, Ths. Phạm Xuân Hùng, TS. Nguyễn Thị Kim Phụng, Ths. Vũ Thị Mai Hương, TS. Đỗ Thị Bích Hồng

Lãnh đạo BHTGVN: TS. Phạm Bảo Khánh

Các cộng tác viên: Thanh Thủy.

Các đơn vị thuộc BHTGVN: Phòng Thông tin truyền thông, Phòng Công nghệ tin học, Phòng Kiểm soát nội bộ, Phòng Kiểm tra, Phòng Giám sát, Phòng Nghiên cứu tổng hợp và Hợp tác quốc tế, Chi nhánh BHTGVN tại TP. Hà Nội.

Ban Biên tập Bản tin Bảo hiểm tiền gửi xin chân thành cảm ơn sự cộng tác quý báu này và rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, cộng tác nhiệt tình, hiệu quả hơn nữa của quý vị.

Tin, bài, góp ý xin gửi về:

Phòng Thông tin truyền thông Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, tầng 11, lô D20 Tôn Thất thuyết, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.

Email: thongtintuyentruyen@div.gov.vn – Tel: (024)39742886 – ext: 8588

Ban Biên tập





BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

**BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP
CỦA NGƯỜI GỬI TIỀN,**

**GÓP PHẦN DUY TRÌ SỰ ỔN ĐỊNH CỦA
HỆ THỐNG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG,**

**BẢO ĐẢM SỰ PHÁT TRIỂN AN TOÀN,
LÀNH MẠNH CỦA HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG**



TRỤ SỞ CHÍNH

Lô D20 Đường Tôn Thất Thuyết, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Tel: (84-24) 3974 2886 - Fax: (84-24) 3974 2866

Email: thongtin@div.gov.vn

www.div.gov.vn